BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
NATIONAL OFFICE OF INTELLECTUAL PROPERTY OF VIET NAM

noip vietnam

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015
HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ
INTELLECTUAL PROPERTY ACTIVITIES ANNUAL REPORT

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
SCIENCE AND TECHNICS PUBLISHING HOUSE

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 4

CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ 6

1. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật quốc gia 6
2. Xây dựng chính sách và pháp luật đáp ứng hội nhập quốc tế 10

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ 14

1. Hợp tác đa phương 14
2. Hợp tác song phương 16

ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP 20

1. Tình hình chung 20
2. Tình hình đăng ký chỉ dẫn địa lý 22

NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO VÀ TUYÊN TRUYỀN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ 26

1. Công tác đào tạo và nâng cao nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ 26
2. Công tác nghiên cứu 28
3. Công tác phổ biến và tuyên truyền 28

BẢO ĐẢM THÔNG TIN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP 32

1. Duy trì và cập nhật trang tin điện tử (www.noip.gov.vn) 32
2. Cung cấp thông tin sở hữu công nghiệp 32
3. Phát triển cơ sở dữ liệu và hoàn thiện công cụ tra cứu sở hữu công nghiệp 34
4. Ứng dụng công nghệ thông tin 34

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ 38

1. Tổ chức triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015 38
2. Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 42

THỰC THI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP 46

1. Giải quyết đơn khiếu nại, hủy bỏ hiệu lực, chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ 46
2. Công tác phối hợp trong thực thi quyền sở hữu công nghiệp 46

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP Ở ĐỊA PHƯƠNG 48

1. Tổ chức bộ máy và nhân lực quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp 48
2. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chính sách, biện pháp quản lý sở hữu trí tuệ 48
3. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về sở hữu trí tuệ 50
4. Công tác hướng dẫn xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp 50
5. Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ theo các Chương trình của địa phương 50
6. Công tác xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp 52
7. Công tác thúc đẩy hoạt động sáng tạo 52
8. Đánh giá chung 54

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP 56

1. Tọa đàm về hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp 56
2. Kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp 56
3. Thanh tra chấp hành pháp luật về đại diện sở hữu công nghiệp 58
4. Các hoạt động khác 58

TABLE OF CONTENT

FOREWORD 5

INTELLECTUAL PROPERTY LEGISLATION AND POLICIES 7

1. Formulation and improvement of national legislation and policies 7

2. Development of legislation and policies towards international integration 11

INTERNATIONAL COOPERATION ON INTELLECTUAL PROPERTY 15

1. Multilateral cooperation 15

2. Bilateral cooperation 17

REGISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS 21

1. General background 21

2. Registration of geographical indications 23

INTELLECTUAL PROPERTY RESEARCH, TRAINING AND PUBLIC AWARENESS 27

1. Intellectual property education and professional training 27

2. Research activities 29

3. Dissemination and outreach activities 29

ASSURANCE OF INDUSTRIAL PROPERTY INFORMATION 33

1. Maintenance and updating of the website (www.noip.gov.vn) 33

2. Provision of industrial property information 33

3. Development of industrial property databases and improvement of search tools 35

4. Utilization of information technology 35

SUPPORT FOR INTELLECTUAL PROPERTY ASSETS DEVELOPMENT 39

1. Implementation of the National Program for Supporting Development of Intellectual Property Assets in the period of 2011-2015 39

2. Formulation of the National Program for Development of Intellectual Property Assets in the period of 2016-2020 43

INDUSTRIAL PROPERTY ENFORCEMENT AND APPEAL SETTLEMENT 47

1. Settlement of appeal, cancellation and invalidation requests 47

2. Coordination of industrial property rights enforcement activities 47

ADMINISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY ACTIVITIES AT LOCAL LEVELS 49

1. Organizational structure and human resources for the State management of industrial property at local levels 49

2. Formulation and issuance of policies, legal documents and mechanisms guiding the State management of industrial property 49

3. Dissemination and outreach activities on IP knowledge, legislation and policies 51

4. Guidance on establishment and protection of industrial property rights 51

5. Supporting activities for businesses in the development of IP assets under provincial programs 51

6. Enforcement of industrial property rights 53

7. Promotion of innovative and creative activities 53

8. Conclusion 55

ADMINISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY REPRESENTATIVES 57

1. Roundtable on Industrial Property representative organizations 57

2. Professional examinations for industrial property representatives 57

3. Inspections of legal execution of industrial property representatives 59

4. Other activities 59

Lời nói đầu

Sự phát triển của công tác sở hữu trí tuệ trong năm 2015 tiếp tục khẳng định chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm khuyến khích các hoạt động sáng tạo và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ phục vụ công cuộc phát triển đất nước.

Trong năm 2015, các hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục được đẩy mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của xã hội về sở hữu trí tuệ và thu được các kết quả khả quan, đặc biệt là công tác xác lập quyền sở hữu công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế liên quan đến sở hữu trí tuệ. Cụ thể, sáu hiệp định thương mại tự do đã được đàm phán, trong đó có ba hiệp định đã kết thúc đàm phán, nổi bật là hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), hứa hẹn đóng góp đáng kể vào các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Công tác tiếp nhận và xử lý các loại đơn đăng ký sở hữu công nghiệp được duy trì ở nhịp độ cao và có sự phát triển đáng kể với 50.975 đơn (tăng 10% so với năm 2014). Công tác xây dựng chính sách và pháp luật được hoàn thiện và ngày càng phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu. Hoạt động hợp tác quốc tế được duy trì tích cực tạo điều kiện nâng cao năng lực của hệ thống và tạo thuận lợi cho người nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ra nước ngoài. Công tác đào tạo, tuyên truyền về sở hữu trí tuệ đã được quan tâm đúng hướng, triển khai hiệu quả, phù hợp, đúng đối tượng, cơ bản đáp ứng đúng yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Công tác hỗ trợ các doanh nghiệp và địa phương nhằm phát triển, bảo vệ tài sản trí tuệ, khuyến khích hoạt động sáng chế, sáng kiến, sáng tạo trong quần chúng nhân dân được đẩy mạnh. Thông tin sở hữu công nghiệp được tăng cường theo xu hướng đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ thông tin, bám sát các nhu cầu của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Hệ thống công nghệ thông tin được vận hành, duy trì và phát triển tốt để phục vụ hoạt động nghiệp vụ của Cục và công tác trao đổi dữ liệu với các đối tác bên ngoài.

Các kết quả hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ đạt được trong năm qua là không nhỏ song vẫn chưa tương xứng với vai trò và sự kỳ vọng của xã hội. Năm 2016, Cục Sở hữu trí tuệ cần phải nỗ lực hơn nữa với những nhiệm vụ cụ thể: tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác của Cục; triển khai việc nộp đơn điện tử trực tuyến và giao dịch với người nộp đơn qua mạng Internet; hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy, tăng cường nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật và tạo môi trường làm việc thuận lợi cho đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động của Cục; triển khai thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 và thúc đẩy một cách sâu rộng các hoạt động sáng tạo, khai thác tài sản trí tuệ dựa trên quyền sở hữu trí tuệ; đẩy mạnh hoạt động sở hữu trí tuệ ở các địa phương và các Bộ, ngành trong phạm vi cả nước nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

Với những định hướng cụ thể nêu trên, trong năm 2016, Cục Sở hữu trí tuệ kỳ vọng sẽ có những đột phá mới, tiếp tục phát huy vai trò là hạt nhân của hệ thống sở hữu trí tuệ của cả nước để không ngừng thúc đẩy các hoạt động sở hữu trí tuệ góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

TRẦN VIỆT THANH
Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
kiêm Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ

Foreword

The evolution of intellectual property activities in 2015 further confirmed the policy of the Party and the State on encouragement of innovation and protection of intellectual property rights for development of the country.

In 2015, all activities of the National Office of Intellectual Property (NOIP) have continued to be strengthened to meet the increasing needs of society regarding intellectual property and obtained impressive achievements, particularly in the establishment of industrial property rights and international economic integration in intellectual property. Specifically, the NOIP actively joined the negotiation of six free trade agreements (FTAs), three of which were successfully concluded, most notably the Trans-Pacific Partnership Agreement (TPP). The conclusion thereof was expected to make remarkable contributions to the international economic integration of Viet Nam. The receipt and handling of industrial property applications were maintained at a high volume and had a considerable increase with 50,975 applications in total (an increase of 10% compared to that of 2014). The formulation of legislation and policies on intellectual property has been improved and gradually adapted to the requirements of Viet Nam's socio-economic development in the period of its deeper integration into the global economy. The international cooperation has been positively maintained, resulting in capacity improvement for the whole intellectual property system and facilitating applicants in registering for protection of industrial property rights abroad. The training and dissemination of intellectual property were properly focused and effectively carried out with appropriate subjects, basically meeting the set-forth requirements. Supporting activities for localities and businesses for the development and protection of intellectual property assets, as well as for encouragement of innovation and creativity among the people have been stepped up. The provision of industrial property information has been improved with various types of products and services, meeting the rising needs of organizations, individuals and businesses. The information technology system was efficiently operated, maintained and developed to serve the professional activities of the Office and data exchanges with outside partners.

Although the achievements made by the National Office of Intellectual Property in the last year were significant, they are still not commensurate with its role and expectations of society. In 2016, the NOIP must make greater efforts to perform well its functions and duties by successfully carrying out the tasks of continuing to improve intellectual property legal legislation and policies; promoting information technology utilization in the Office's working processes; implementing e-filing and e-communication systems; refining the Office's organizational structure, strengthening human resources capacity and improving technical infrastructure; creating a favorable working environment for the Office's staff and employees; effectively implementing the National Program for Development of Intellectual Property Assets in the period of 2016-2020 as well as extensively promoting innovative activities and exploitation of intellectual property assets; and encouraging intellectual property activities in localities and ministries all over the country with an aim to improve the effectiveness of the State management of intellectual property.

With the above-mentioned specific directions, in the year 2016, the National Office of Intellectual Property is expected to achieve crucial breakthroughs in order to competently perform its leading role in the Vietnamese intellectual property system and continuously promote intellectual property activities contributing to the socio-economic development of the country.

TRAN VIET THANH
Vice Minister for Science and Technology
and Director General of the National Office of Intellectual Property

Chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ

1. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật quốc gia

Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật quốc gia về sở hữu trí tuệ luôn là một trong những hoạt động quan trọng của cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, chặt chẽ và minh bạch cho sự phát triển toàn diện của hệ thống sở hữu trí tuệ Việt Nam.

Xây dựng chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ

Tiếp tục thực hiện các công việc của năm trước, trong năm 2015, công tác hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm khắc phục những vướng mắc lớn, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và bảo đảm thi hành các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ với khối lượng công việc không nhỏ, gồm 6 văn bản pháp luật về/liên quan đến sở hữu trí tuệ, trong đó phải kể đến 3 dự thảo Thông tư:

- Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN về thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp: Dự thảo sửa đổi, bổ sung một số quy định còn chưa rõ ràng, chưa đầy đủ hoặc không phù hợp nhằm giải quyết nhiều vướng mắc trong thực tiễn xác lập quyền sở hữu công nghiệp;

- Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2009/TT-BTC về phí và lệ phí sở hữu công nghiệp: Dự thảo bổ sung mức phí riêng trong đăng ký nhãn hiệu quốc tế theo hệ thống Madrid (trước đây nằm tại văn bản riêng) để hợp nhất các loại phí liên quan đến sở hữu công nghiệp vào một văn bản;

- Dự thảo Thông tư hướng dẫn thi hành một số quy định về tài chính trong Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012: Dự thảo hướng dẫn cụ thể các quy định về tài chính trong hoạt động sáng kiến như: xác định nội dung chi và mức chi cho hoạt động sáng kiến, xác định tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến, thù lao cho tác giả và người tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu...

Bên cạnh việc chủ trì soạn thảo, Cục Sở hữu trí tuệ còn phối hợp với các cơ quan khác xây dựng một số dự thảo văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ, bao gồm: dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Đề án phát triển dịch vụ

Intellectual property legislation and policies

1. Formulation and improvement of national legislation and policies

The formulation and improvement of the national legislation and policies on intellectual property (IP) is always considered one of the most important activities of the State authorities in the field of intellectual property in order to create an adequate, solid and transparent legal basis for the comprehensive development of the intellectual property system in Viet Nam.

Formulation of intellectual property legislation and policies

Following the previous year, in 2015, in order to remedy certain major obstacles and to deal with practical needs and ensure the successful implementation of international IP treaties with a huge volume of work, the improvement of the IP legal framework was continuously carried out by drafting six legal documents related to intellectual property, among which, three draft Circulars should be mentioned as follows:

- The draft Circular amending and supplementing some articles of Circular No. 01/2007/TT-BKHCN on procedures for establishing industrial property rights (IPRs): Amends and supplements certain provisions that are ambiguous, insufficient or inappropriate in order to deal with many obstacles in the practice of establishment of industrial property rights.

- The draft Circular amending and supplementing Circular No. 22/2009/TT-BTC on fees and charges for industrial property: Adds a separate fee for international trademark registration under the Madrid system (which was previously regulated by a separate document) in order to merge these types of fees into a single document;

- The draft Circular guiding the implementation of a number of financial provisions of the Innovation Charter issued together with Decree No. 13/2012/ND-CP dated 2 March 2012: Provides specific guidance on financial support for innovative activities, such as determination of the spending items and their amounts for innovative activities, determination of profits generated from application of innovations, remuneration for authors and for the first users of innovations, etc.

khoa học và công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn trình tự, thủ tục thay đổi, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong trường hợp tên doanh nghiệp vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ; dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn trình tự, thủ tục thay đổi, thu hồi tên miền vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Cùng với việc chủ trì/phối hợp xây dựng dự thảo văn bản pháp luật, Cục Sở hữu trí tuệ thường xuyên đóng góp ý kiến xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ do các cơ quan khác chủ trì soạn thảo, bao gồm: Dự thảo 11 đạo luật (Luật Phí và lệ phí, Bộ luật Hình sự sửa đổi, Bộ luật Dân sự sửa đổi, Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, Luật Chuyển giao công nghệ sửa đổi, Luật Điều ước quốc tế sửa đổi, Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế sửa đổi, Luật Dược sửa đổi, Luật Ban hành quyết định hành chính, Luật Đấu giá tài sản, Danh mục hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia dự kiến đưa vào dự thảo Luật Thống kê); Dự thảo 4 Nghị định (Nghị định về nhiếp ảnh, Nghị định quy định hướng dẫn thi hành Luật Thi hành án dân sự, Nghị định quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế); Dự thảo 1 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định quy định nguyên tắc và tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ); Dự thảo 7 Thông tư (trong đó có Thông tư ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Khoa học và Công nghệ, Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; Thông tư liên tịch hướng dẫn thành lập, tổ chức, quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ; Thông tư kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính…); và 1 dự thảo Quyết định của Bộ Tư pháp (Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và đánh giá về kiểm soát thủ tục hành chính).

Hướng dẫn thực hiện pháp luật về sở hữu trí tuệ

Năm 2015, công tác hướng dẫn thực hiện pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung và về sở hữu công nghiệp nói riêng tiếp tục được tiến hành thường xuyên, đáp ứng kịp thời nhu cầu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là của các doanh nghiệp và các Sở Khoa học và Công nghệ. Những vướng mắc được tháo gỡ trải rộng trên nhiều phương diện khác nhau, từ việc xác định chính sách áp dụng pháp luật sở hữu trí tuệ đến việc áp dụng pháp luật trong thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và cả các vụ việc cụ thể về áp dụng pháp luật. Một số vấn đề đáng chú ý là: tính phí bản quyền, phí giấy phép trong trị giá tính thuế hàng nhập khẩu; xác định trị giá tính thuế hải quan với hàng hóa nhập khẩu; đăng ký bảo hộ nhãn hiệu "BUON MA THUOT COFFEE" tại Hoa Kỳ; chính sách hỗ trợ hoạt động sáng kiến của các "nhà sáng tạo" không chuyên; quy định pháp luật liên quan đến đồng tác giả và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến; cách tính thời hạn hiệu lực đối với các Bằng độc quyền sáng chế cấp trước ngày 5/7/2001; một số vấn đề liên quan đến việc hủy bỏ hiệu lực của văn bằng bảo hộ; xử lý đơn khi có yêu cầu thay đổi đại diện sở hữu công nghiệp; xử lý ý kiến của người nộp đơn đối với thông báo dự định cấp văn bằng bảo hộ có yếu tố không được bảo hộ riêng đối với đơn đăng ký nhãn hiệu; xác định căn cứ pháp luật về thời điểm không còn hiệu

In addition to acting as a leader in the preparation of the above-mentioned legislation, the NOIP also collaborated with other agencies to draft several legal documents related to intellectual property, including: a draft Decision of the Prime Minister on the Project on Development of Science and Technology Services Through 2020 and Vision to 2030; a draft Joint Circular guiding the order and procedures for changing or removing infringing elements in business names and revoking Business Registration Certificates where business names violate the laws on intellectual property; and a draft Joint Circular guiding the order and procedures for changing and withdrawing domain names infringing the laws on intellectual property.

Along with organizing/collaborating in the preparation of the drafts of the legislation, the NOIP usually gives its comments on draft legal documents containing provisions relating to intellectual property prepared by other agencies. These legal documents consists of 11 draft statutes (the Law on Fees and Charges, the amended Criminal Code, the amended Civil Code, the amended Civil Procedure Code, the amended Law on Technology Transfer, the amended Law on International Treaties, the amended Law on signing, ratification and implementation of international treaties, the amended Law on Pharmacy, the Law on Promulgation of Administrative Decisions, the Law on Property Auctions and the List of National Statistical Criteria under the Law on Statistics, etc.); four draft Decrees (Decree on photography, Decree guiding the implementation of the Law on Enforcement of Civil Judgments, Decree on the National Database on handling administrative violations, Decree amending and supplementing some articles of Decree No. 55/2011/ND-CP on functions, tasks, powers and organizational structure of legal bodies); one draft Decision of the Prime Minister (Decision on principles and criteria for allocation of funds for scientific and technological activities); seven draft Circulars (including Circular on Statistical Indicators for science and technology; Circular guiding the implementation of some articles of Decree No. 99/2013/ND-CP on handling of administrative violations in the field of industrial property; Joint Circular guiding the establishment, organization, management and use of Foundations for scientific and technological development; Circular on inspections and handling of legal documents in the field of science and technology; and Joint Circular guiding the State's compensation responsibility in administrative management activities; and one draft Decision of the Ministry of Justice (Decision issuing the Regulations on management, operation, exploitation and evaluation of administrative procedure controls).

Guidance on implementation of intellectual property laws

In 2015, guidance on the implementation of intellectual property laws in general and industrial property laws in particular were regularly conducted by the NOIP, satisfying in a timely manner the needs of agencies, organizations and individuals, especially of businesses and the provincial Departments of Science and Technology. Guidance was given on different matters of law, ranging from the determination of policies on application of intellectual property law to the application of law in procedures for the creation of industrial property rights, as well as the application of law in specific cases. Notable issues include: the calculation of royalty or license fee on the taxable value of imported goods; the determination of customs duty for imported goods; the registration of the trademark "BUON MA THUOT COFFEE" in the United States; the supporting policies on amateur "innovators"; legal provisions relating to co-authors and co-investors of innovations; the calculation of the protection term of patents granted before July 5, 2001; certain issues relating to invalidation of patents; methods for handling applications having requests for changing industrial property agents; handling of applicants' opinions with respect to notification of the Office's intentions to grant Certificates for trademarks

lực của văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ và về việc sử dụng con dấu của doanh nghiệp...

2. Xây dựng chính sách và pháp luật đáp ứng hội nhập quốc tế

Năm 2015, công tác pháp chế và chính sách quốc tế, nhất là công tác đàm phán về sở hữu trí tuệ trong các hiệp định tự do thương mại quốc tế đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận với việc dốc toàn lực hoàn thành hai hiệp định thương mại tự do (FTA) lớn, được đánh giá là có ảnh hưởng nhiều tới kinh tế Việt Nam nói chung và hệ thống sở hữu trí tuệ nói riêng. Đó là Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định TPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (Hiệp định EVFTA). Việc đàm phán Hiệp định TPP kết thúc ngày 05/10/2015 và toàn bộ kết quả đàm phán được công bố trong văn kiện của Hiệp định vào ngày 05/11/2015, sau đó công tác rà soát pháp lý đã hoàn tất và được các bên ký kết vào tháng 02/2016. Việc đàm phán Chương Sở hữu trí tuệ của Hiệp định EVFTA đã kết thúc ngày 17/7/2015 và văn kiện của toàn bộ Hiệp định được công bố ngày 07/11/2015.

Liên quan đến các FTA khác, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục là đầu mối của 2 FTA với các hoạt động cũng đang trong quá trình nước rút hiện nay bao gồm: xây dựng phương án và tham gia 3 phiên đàm phán Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Khối thương mại tự do châu Âu, Na Uy - Thụy Sỹ - Aixolen và Lichtenxtên (VN–EFTA); và xây dựng phương án, tham gia 4 phiên đàm phán Chương Sở hữu trí tuệ, góp ý bản chào dịch vụ và lời văn Chương Dịch vụ của Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa ASEAN và 6 đối tác (Trung Quốc-Ấn Độ-Nhật Bản-Hàn Quốc-Ôxtrâylia-Niu Dilân) (Hiệp định RCEP).

Hội nghị Bộ trưởng TPP
TPP Ministerial Meeting

with disclaimers; determination of legal grounds for the invalid date of a canceled protection title and the use of enterprises' seals, etc.

2. Development of legislation and policies towards international integration

In 2015, remarkable results were achieved by the NOIP in the fields of international IP policies and legal frameworks with the successful conclusion of two important free trade agreements (FTAs) that were expected to generate huge impacts on Viet Nam's economy in general and its intellectual property system in particular. Such agreements were the Trans-Pacific Partnership Agreement (TPP) and the Viet Nam – EU Free Trade Agreement (EVFTA). The TPP was concluded on October 5, 2015 and its full text were published on November 5, 2015, and the legal review was completed for signing by the parties in February 2016. The negotiation of the Intellectual Property Chapter under the EVFTA was concluded on July 17, 2015, and its full text was promulgated on November 7, 2015.

In respect of other FTAs, NOIP continued to take a leading role in the final negotiation activities of two other FTAs, including preparing plans and participating in three negotiation sessions of the FTA between Viet Nam and the European Free Trade Association (VN-EFTA, including Norway, Switzerland, Iceland and Liechtenstein), and preparing plans and participating in four negotiation sessions of the Intellectual Property Chapter and giving comments on service proposals and texts of the Service Chapter of the Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP) between ASEAN countries and six other partners (China, India, Japan, South Korea, Australia, and New Zealand).

With respect to the assurance of implementation of international treaties on intellectual property rights, particularly the implementation of the Bilateral Trade

Đại biểu tham dự Hội thảo chuyên đề Chiến lược sở hữu trí tuệ trong hoạt động của các Trường đại học, Viện nghiên cứu và Doanh nghiệp nhỏ và vừa vào ngày 26/9/2015 tại trụ sở Cục

Participants at the Symposium on IP Strategies for Universities, Institutions and Businesses, September 09, 2015 at NOIP

Về công tác bảo đảm thi hành các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ, liên quan đến thi hành Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (Hiệp định BTA), trong năm 2015, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục cung cấp thông tin về hoạt động bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ năm 2014 (Báo cáo 301) theo yêu cầu của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội. Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã phối hợp với các cơ quan khác trong Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp đoàn đại biểu Hạ viện Hoa Kỳ và trao đổi về các nội dung liên quan đến Chương Sở hữu trí tuệ của Hiệp định TPP. Liên quan đến công tác giải trình kinh tế thị trường, Cục tiếp tục cập nhật thông tin liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong Báo cáo giải trình kinh tế thị trường Việt Nam với Liên minh châu Âu (EU) và Hoa Kỳ để chuẩn bị cho các phiên họp Nhóm công tác vào đầu năm 2016.

Ngoài ra, trong năm 2015, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục thực hiện vai trò của mình trong việc đề xuất hoặc góp ý kiến về một số vấn đề trong quan hệ với một số đối tác, cụ thể: **với Nhật Bản** (Việc hợp tác trao đổi dữ liệu với Cơ quan Sáng chế Nhật Bản (JPO); đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật và các khía cạnh pháp lý cần được xem xét khi triển khai thử nghiệm Chương trình Thẩm định nhanh sáng chế (PPH); Dự thảo sửa đổi Thỏa thuận giữa Cục Sở hữu trí tuệ và JPO liên quan đến việc tham gia hệ thống chuyển hồ sơ điện tử (e-Search copy)); **với ASEAN** (Việc lập múi giờ chung ASEAN; đề xuất của Ủy ban ASEAN liên quan đến việc phê chuẩn Nghị định thư sửa đổi Hiệp định TRIPS; Chương trình hành động ASEAN về sở hữu trí tuệ 2016-2020; góp ý dự thảo Nghị định thư thực hiện gói cam kết dịch vụ thứ 10 trong ASEAN); **với EU** (Dự thảo Danh mục triển khai sớm Hiệp định khung Đối tác và hợp tác toàn diện (PCA) giai đoạn 2014-2015; cung cấp thông tin về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ cho EuroCham; cung cấp thông tin cho Bộ trưởng tiếp Tập đoàn Oxford; **với các đối tác khác** (Đề xuất lĩnh vực hợp tác nghiên cứu tiềm năng giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và Tập đoàn MITACS Canada; giải quyết các kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp tại Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam năm 2014; Dự thảo Biên bản ghi nhớ giữa Viện Địa lý tài nguyên Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Maryland; Quy định bao gói thuốc lá trơn của một số nước thành viên Tổ chức Thương mại thế giới; góp ý Thỏa thuận hợp tác về khoa học và công nghệ giữa Việt Nam - Thái Lan, Hiệp định thương mại Việt Nam - Cuba; Thỏa thuận hợp tác về khoa học và công nghệ giữa Việt Nam với Nam Phi, v.v.).

Agreement (BTA) with the U.S., the NOIP also provided information about the protection and enforcement of intellectual property rights in 2014 of Viet Nam to the U.S. Embassy in Hanoi for preparation of Report 301. The NOIP also cooperated with other agencies under the Ministry of Science and Technology to give a reception and have discussions with a delegation from the U.S. House of Representatives on issues relating to the Intellectual Property Chapter of the TPP Agreement. In respect of market economy explanation, the NOIP continued updating the information related to intellectual property in the Reports of Vietnamese market economy to the EU and the United States to prepare for the meeting sessions of their Working Groups in early 2016.

Also in 2015, the National Office of Intellectual Property continued to take a role in recommending or contributing opinions about a number of issues relating to the relationship with several partners, namely: **with Japan** (cooperation in data exchange with the Japan Patent office (JPO): the NOIP proposed methods of amendment and supplementation of legal documents and legal aspects to be considered when conducting trial implementation of the Patent Prosecution Highway (PPH) program; prepared the draft agreement between the NOIP and JPO on the transfer system of e-records (e-Search copy)); **with ASEAN** (setting up of the ASEAN common time-zone; proposal of the ASEAN Committee on ratification of the Protocol amending the TRIPS Agreement; ASEAN Action Plan on Intellectual Property for the period from 2016 to 2020; making of comments on the draft Protocol for the implementation of the 10th AFAS Package of Services); **with the EU** (draft List of early implementations of the Partnership and Cooperation Agreement (PCA) between Viet Nam and the EU for the phase of 2014 and 2015; provision of information on protection and enforcement of intellectual property rights for the European Chamber of Commerce; provision of information to the Minister of Science and Technology for his meeting with the Oxford Group); **with other partners** (proposals on potential research cooperation between the Ministry of Science and Technology and Canada's MITACS; handling of recommendations of the business community at the Viet Nam Business Forum 2014; draft MoU between the Institute of Geography Resources (Ho Chi Minh City) and the University of Maryland; regulations on plain tobacco packaging of several state parties of WTO; commenting on the Agreement on cooperation in the field of science and technology between Viet Nam and Thailand; Bilateral Trade Agreement between Viet Nam and Cuba and Cooperation Agreement on science and technology between Viet Nam and South Africa, etc.).

Hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ

Cuộc họp lần thứ 48 Nhóm Công tác về Hợp tác Sở hữu trí tuệ các nước ASEAN (Nay Pyi Taw, Myanmar, 3-6/11/2015)

The 48th meeting of ASEAN Working Group on Intellectual Property Cooperation (Nay Pyi Taw, Myanmar, November 3 -6, 2015)

Trong năm 2015, công tác hợp tác quốc tế của Cục tiếp tục được triển khai theo đúng tiến độ kế hoạch và đạt được những kết quả khả quan, cụ thể là:

1. Hợp tác đa phương

Trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại thế giới, Cục tiếp tục theo dõi, cập nhật và xây dựng lập trường của Việt Nam phục vụ việc tham gia các Phiên họp của Hội đồng TRIPS.

International cooperation on intellectual property

1. Multilateral cooperation

In 2015, the international cooperation activities of the National Office of Intellectual Property were continuously implemented in accordance with the schedule and achieved positive results with the particulars as follows:

Within the framework of the World Trade Organization, the NOIP continued to follow, update and give viewpoints of Viet Nam for participation in sessions of the TRIPS Council.

Within the framework of the Asia - Pacific Economic Cooperation Forum (APEC), the NOIP participated in the 40th and 41st meetings of APEC's Intellectual Property Expert Group (IPEG), and collaborated with other APEC economies in implementation of activities under the Collective Action Plan of APEC. In addition, the NOIP also provided comments and inputs to APEC documents, including draft documents for the APEC

Hội nghị Lãnh đạo các Cơ quan Sở hữu trí tuệ ASEAN và Đông Á (Singapo, tháng 8/2015)

Heads of Intellectual Property Office Conference (HIPOC) for Countries in South Asia and Southeast Asia (August 2015, Singapore)

Trong khuôn khổ Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Cục đã tham gia các Cuộc họp lần thứ 40 và 41 của Nhóm chuyên gia APEC về sở hữu trí tuệ (IPEG), phối hợp với các nền kinh tế thành viên APEC triển khai các hoạt động thuộc Kế hoạch hành động tập thể của APEC. Bên cạnh đó, Cục đã tham gia đóng góp ý kiến cho các văn kiện của APEC, trong đó có dự thảo các văn kiện của Hội nghị Thượng đỉnh APEC cũng như Hội nghị Bộ trưởng APEC và tích cực chuẩn bị cho Năm APEC Việt Nam 2017.

Trong khuôn khổ hợp tác ASEAN, Cục đã tham gia các Cuộc họp thường niên lần thứ 46, 47 và 48 Nhóm Công tác về Hợp tác Sở hữu trí tuệ các nước ASEAN nhằm phối hợp với các nước ASEAN triển khai và hoàn tất phần lớn các nội dung hợp tác về sở hữu trí tuệ thuộc Chương trình hành động của ASEAN về Sở hữu trí tuệ giai đoạn 2011-2015 hướng tới Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015 và cơ bản đã xây dựng Chương trình hành động của ASEAN về sở hữu trí tuệ giai đoạn 2016-2025; tham gia triển khai các nội dung hoạt động của các Nhóm chuyên trách của ASEAN về Chương trình ASPEC và về Nhãn hiệu; phối hợp triển khai các hoạt động hợp tác giữa ASEAN với các đối tác, cụ thể là: tham gia Cuộc họp lần thứ 5 Lãnh đạo Cơ quan Sở hữu trí tuệ các nước ASEAN và Cơ quan Sáng chế Nhật Bản và Cuộc họp lần thứ 6 Lãnh đạo Cơ quan Sở hữu trí tuệ các nước ASEAN và Cơ quan Sáng chế Trung Quốc, xây dựng các cơ sở dữ liệu của ASEAN về hàng hóa và dịch vụ, kiểu dáng công nghiệp và chỉ dẫn địa lý; xây dựng và tiếp tục hoàn thiện Quy chế thẩm định nội dung đơn đăng ký nhãn hiệu và Quy chế thẩm định nội dung đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp của ASEAN, đăng cai tổ chức Cuộc họp tham vấn lần thứ 3 của ASEAN về công nghệ thông tin và Cuộc họp lần thứ 5 Nhóm chuyên trách của ASEAN về nhãn hiệu...

Đoàn Việt Nam tại Cuộc họp Đại hội đồng WIPO 2015
Vietnamese Delegation at the WIPO General Assembly's meetings in 2015

2. Hợp tác song phương

Trong khuôn khổ hợp tác với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Cục đã phối hợp triển khai thành công nhiều hoạt động hợp tác, cụ thể là: tham dự một số cuộc họp quan trọng của WIPO (Đại hội đồng WIPO 2015, Ủy ban thường trực về Luật Sáng chế (SCP), Ủy ban thường trực về Luật Nhãn hiệu, Kiểu dáng công nghiệp và Chỉ dẫn địa lý (SCT), Ủy ban Phát triển và Sở hữu trí tuệ (CDIP), Ủy ban Chương trình và Ngân sách

Summit and APEC Ministerial Meetings, and actively prepared for the APEC Year in 2017 hosted by Viet Nam.

Within the ASEAN cooperation framework, the NOIP participated in the 46th, 47th and 48th annual meetings of the ASEAN Working Group on Intellectual Property Cooperation (AWGIPC) to cooperate with other ASEAN nations in implementation and completion of most of the IP cooperation activities on intellectual property under the ASEAN IPR Action Plan for the period from 2011 to 2015 towards the ASEAN Economic Community (AEC) established by the end of 2015 and basically establish the ASEAN Action Plan on intellectual property rights for the period from 2016 to 2025. The NOIP also participated in the implementation of cooperation activities of the ASEAN Task Force on the ASEAN Patent Examination Co-operation (ASPEC) and the ASEAN Taskforce on Trademarks. The NOIP also worked closely with other ASEAN countries to carry out a series of cooperation activities between ASEAN and its partners, such as participation in the 5th meeting of ASEAN – Japan Heads of IP Offices, the 6th meeting of ASEAN – China Heads of IP Offices and development of the ASEAN databases on goods and services, industrial designs and geographical indications. The NOIP also engaged in the formulation and improvement of ASEAN's Regulations on substantive examination of industrial design applications and trademark applications, and hosted the 3rd consultation meeting of ASEAN on information technology and the 5th meeting of the ASEAN Taskforce on Trademarks.

2. Bilateral cooperation

In the cooperation framework with the World Intellectual Property Organization (WIPO), a number of cooperative activities were successfully implemented by the NOIP, particularly the participation of the NOIP in some important meetings of WIPO such as

Ông Trần Việt Thanh, Thứ trưởng kiêm Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ và bà Khanlasy Keobounphanh, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ Lào ký kết Bản ghi nhớ hợp tác song phương giữa hai Cơ quan (Vientian, Lào, tháng 11/2015)

Mr. Tran Viet Thanh, Vice Minister and Director General of National Office of Intellectual Property of Viet Nam and Mrs. Khanlasy Keobounphanh, Director General of Department of Intellectual Property of Lao People's Democratic Republic signing a Bilateral Memorandum on Cooperation between their two Offices (Vientiane, Laos, November 2015)

(PBC), Hội nghị ngoại giao về Thỏa ước Lisbon về bảo hộ tên gọi xuất xứ); triển khai Dự án Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu cho một số sản phẩm chọn lọc của Việt Nam và Dự án Xây dựng mạng lưới các Trung tâm hỗ trợ công nghệ và đổi mới (TISCs). Đặc biệt, năm 2015, lần đầu tiên Cục đã cử cán bộ tham gia chương trình thực tập dài hạn tại WIPO, cũng như tổ chức buổi giới thiệu về cơ hội việc làm tại WIPO cho các cán bộ Cục, các đại diện sở hữu công nghiệp và sinh viên các trường đại học. Cục cũng phối hợp với WIPO xây dựng cuốn truyện tranh về sở hữu trí tuệ và tiến hành dịch một số tài liệu của WIPO phục vụ mục đích tuyên truyền.

Trong năm 2015, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục duy trì và phát triển mối quan hệ tốt đẹp và hiệu quả với các đối tác truyền thống như Cơ quan Sáng chế Nhật Bản (JPO), Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ (USPTO), Cơ quan Sở hữu trí tuệ Hàn Quốc (KIPO), Cơ quan Sở hữu trí tuệ Australia (IP Ôxtrâylia), Viện Sở hữu công nghiệp Pháp (INPI), Cơ quan Sở hữu trí tuệ Singapo; mở rộng quan hệ hợp tác với đối tác mới như Cơ quan Sở hữu trí tuệ Vương quốc Anh. Một số hoạt động song phương nổi bật như: ký kết Tuyên bố chung về ý định hợp tác thử nghiệm PPH (SOI) và Chính sách trao đổi thông tin sở hữu công nghiệp với JPO; ký kết Thỏa thuận công nhận Cơ quan Sở hữu trí tuệ Singapo (IPOS) là cơ quan tra cứu quốc tế và thẩm định sơ bộ quốc tế cho các đơn quốc tế về sáng chế (đơn PCT) có nguồn gốc Việt Nam; ký kết Bản ghi nhớ hợp tác giữa Cục và Cục Sở hữu trí tuệ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; ký kết Bản ghi nhớ hợp tác giữa Cục và Cơ quan Sở hữu trí tuệ Vương quốc Anh (UKIPO); phối hợp với USPTO tổ chức 2 Hội thảo về Vai trò ngành công nghiệp thâm dụng sở hữu trí tuệ với nền kinh tế quốc gia và Hội thảo Thủ tục đăng ký bảo hộ và duy trì nhãn hiệu tại Hoa Kỳ; phối hợp với Viện Sở hữu công nghiệp Pháp (INPI) tổ chức Hội thảo về Kiểm toán tài sản trí tuệ, Hội thảo tiểu vùng về Xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp trong chuyển giao công nghệ và sáng tạo mở. Cục đã giới thiệu 1 giải pháp công nghệ đại diện cho Việt Nam tham gia Triển lãm quốc tế về công nghệ xanh bên lề Hội nghị COP21 và tổ chức thành công Đoàn khảo sát tại Pháp về xây dựng chiến lược quốc gia về sở hữu trí tuệ.

Trong năm qua, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã tích cực triển khai các dự án về sở hữu trí tuệ một cách hiệu quả, theo đúng kế hoạch và tiến độ đề ra với các nhà tài trợ, đó là: Dự án Nâng cao năng lực về thực thi quyền sở hữu trí tuệ (do JICA tài trợ), Dự án EU – ASEAN về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (ECAP III), các Dự án Chỉ dẫn địa lý quốc gia và khu vực (do Cơ quan Phát triển Pháp – AFD tài trợ); các hoạt động hợp tác về sở hữu trí tuệ trong khuôn khổ Dự án Hỗ trợ chính sách thương mại và đầu tư của Liên minh châu Âu (EU – MUTRAP).

Có thể nói, công tác hợp tác quốc tế năm 2015 của Cục tiếp tục được triển khai một cách chủ động, tích cực và thu được nhiều kết quả quan trọng, góp phần đáng kể vào việc hoàn thiện hệ thống sở hữu trí tuệ của Việt Nam cũng như từng bước khẳng định vai trò và vị thế của Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

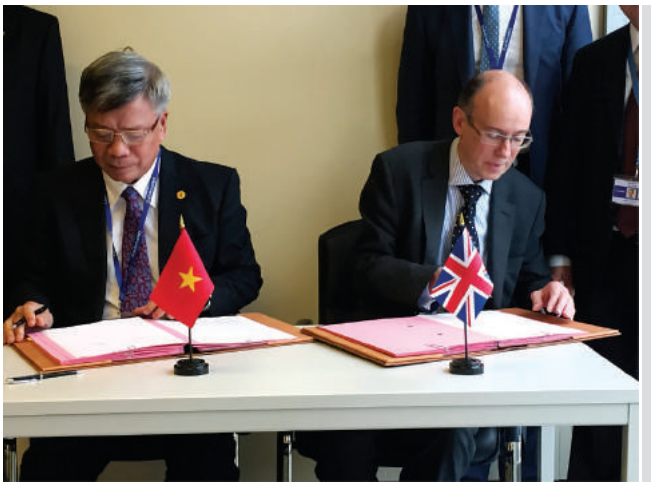

Ông Trần Việt Thanh, Thứ trưởng kiêm Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ và ông John Alty, Tổng Giám đốc Cơ quan Sở hữu trí tuệ Vương quốc Anh ký kết Bản ghi nhớ hợp tác song phương giữa hai Cơ quan (Geneva, Thụy Sỹ, tháng 10/2015)

Mr. Tran Viet Thanh, Vice Minister and Director General of the National Office of Intellectual Property of Viet Nam and Mr. John Alty, Chief Executive and Comptroller General of the Intellectual Property Office of the United Kingdom, signing a Bilateral Memorandum on Cooperation between the two Offices (Geneva, Switzerland, October 2015)

the meetings of WIPO's 2015 General Assembly, the Standing Committee on Patent (SCP), the Standing Committee on Trademarks, Industrial Designs and Geographical Indications (SCT), the Committee on Development and Intellectual Property (CDIP), the Program and Budget Committee (PBC) and the Diplomatic Conference on the Lisbon Agreement for the protection of appellations of origin, and the implementation of the Project on Supporting Brand Development for selected products of Viet Nam and Developing a network of Technology and Innovation Support Centers (TISCs). Specifically, in 2015, the NOIP dispatched for the first time one staff to participate in a long-term internship program at WIPO, and held a public introduction of WIPO's employment opportunities for the NOIP's staff and Vietnamese IP agents and university students. The NOIP also worked with WIPO to prepare a comic book on IP and translated some WIPO materials for dissemination purposes.

In 2015, the NOIP also continued to maintain and develop effective and friendly relationships with traditional partners such as the Japanese Patent Office (JPO), the United States Patent and Trademark Office (USPTO), the Korean Intellectual Property Office (KIPO), IP Australia, the French Institute of Industrial Property (INPI) and the Singapore Intellectual Property Office (IPOS). During the year, the NOIP also expanded its cooperation with new partners such as the United Kingdom Intellectual Property Office (UKIPO). Some remarkable bilateral cooperation activities of the NOIP should be mentioned, such as signing the Joint Declaration of Intent to cooperate on PPH (SOI) and the Policy on exchange of IP information with the JPO, the Cooperation Agreement recognizing the Singapore Intellectual Property Office (IPOS) as the PCT International Search and International Preliminary Examination for patent applications originating from Viet Nam, the Memorandum of Cooperation between the NOIP and the Department of Intellectual Property of the People's Democratic Republic of Laos, the Memorandum of Cooperation between the NOIP and the UK Intellectual Property Office (UKIPO). Furthermore, the NOIP also collaborated with the US Patent and Trademark Office (USPTO) to host the Workshop on Roles of IP-intensive industries in the national economy and Workshop on Registration and maintenance of trademarks in the United States, and cooperated with the French Institute for Industrial Property (INPI) to organize the Seminar on Intellectual Property Audit and the Sub-Regional Workshop on building collaborative relationships between universities and enterprises in technology transfer and open innovation. The NOIP also introduced one Vietnamese technical solution to the International Exhibition on Green Technology held on the sidelines of the COP21 as well as successfully organized a study visit on the development of the national strategy on intellectual property in France.

During the year, projects on intellectual property funded by international development partners were also implemented effectively by the NOIP in accordance with agreed-upon schedules and implementation plans. Those projects included the Project for Strengthening the Enforcement of Intellectual Property Rights in Viet Nam (funded by JICA), the EU-ASEAN Project on the Protection of Intellectual Property Rights (ECAP III), the Regional and National Projects in development of geographical indications (funded by the French Development Agency - AFD) and a couple of intellectual property activities within the framework of the European Trade Policy and Investment Support Project (EU-MUTRAP).

It can be concluded that the international cooperation of the NOIP in 2015 was implemented actively and positively, and obtained significant results, substantially contributing to the further improvement of the Vietnamese intellectual property system as well as gradually confirming its role and position in the process of international economic integration.

Đăng ký quyền sở hữu công nghiệp

1. Tình hình chung

Trong năm 2015, kinh tế Việt Nam tuy vẫn còn trong giai đoạn khó khăn nhưng các chính sách ban hành trong năm 2014 và đầu năm 2015 của Chính phủ đã phát huy tác dụng đưa kinh tế Việt Nam đi dần vào ổn định và phát triển. Chính vì vậy, các hoạt động sở hữu trí tuệ của Việt Nam về cơ bản vẫn sôi động với sự gia tăng về đơn đăng ký sở hữu công nghiệp. Xu hướng này sẽ tiếp tục trong năm 2016.

Công tác tiếp nhận, xử lý các loại đơn về sở hữu công nghiệp

a. Tiếp nhận đơn: Tính đến ngày 31/12/2015 Cục Sở hữu trí tuệ đã tiếp nhận 93.985 đơn các loại, trong đó:

- 50.975 đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp (tăng 10% so với năm 2014), bao gồm: 5.033 đơn sáng chế; 450 đơn giải pháp hữu ích; 2.445 đơn kiểu dáng công nghiệp; 37.283 đơn nhãn hiệu; 7 đơn chỉ dẫn địa lý; 9 đơn đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; 5.627 đơn nhãn hiệu đăng ký quốc tế chỉ định Việt Nam; 121 đơn đăng ký quốc tế có nguồn gốc Việt Nam (16 đơn sáng chế, 105 đơn nhãn hiệu).

- 43.010 đơn khác, bao gồm: sửa đổi đơn: 3.419; chuyển nhượng đơn: 895; cấp lại văn bằng bảo hộ: 1.244; gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ: 12.086; gia hạn đăng ký quốc tế: 3.424; sửa đổi văn bằng bảo hộ: 6.097; duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ: 6.774; chuyển nhượng văn bằng bảo hộ: 2.870; chuyển giao quyền sử dụng: 1.220; chấm dứt/hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ: 331; khiếu nại: 1.328; tra cứu sáng chế: 79 và 8 nhãn hiệu; phản đối cấp văn bằng bảo hộ: 952; các loại đơn khác: 2.291.

b. Xử lý đơn: Cục Sở hữu trí tuệ đã xử lý 75.283 đơn các loại, trong đó có 35.360 đơn đăng ký xác lập quyền (giảm 8,7% so với năm 2014), trong số đó:

- Chấp nhận bảo hộ cho 25.621 đối tượng sở hữu công nghiệp, bao gồm chấp nhận bảo hộ 1.501 sáng chế; 128 giải pháp hữu ích; 1.353 kiểu dáng công nghiệp; 18.432 nhãn hiệu; 1 chỉ dẫn địa lý; 16 thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn và chấp nhận bảo hộ 4.089 nhãn hiệu đăng ký quốc tế chỉ định Việt Nam và thẩm định hình thức 101 đơn đăng ký quốc tế nguồn gốc Việt Nam (bao gồm 16 đơn sáng chế và 85 đơn nhãn hiệu).

- Từ chối bảo hộ 9.739 đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó có 1.538 nhãn hiệu đăng ký quốc tế có chỉ định Việt Nam.

- Đã xử lý 39.923 đơn các loại khác, bao gồm: sửa đổi đơn: 3.906; chuyển nhượng đơn: 1.499; cấp lại văn bằng bảo hộ: 1.295; gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ: 11.391; gia hạn hiệu lực đăng ký quốc tế: 3.424; sửa đổi văn bằng bảo hộ: 5.212; duy trì hiệu lực bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích: 6.889; chuyển nhượng văn bằng bảo hộ: 2.425; chuyển giao quyền sử dụng: 865; chấm dứt/hủy bỏ hiệu lực văn bằng

Registration of industrial property rights

1. General background

The year 2015 continued to be a challenging year for Viet Nam's economy. However, thanks to the policies issued by the Government in late 2014 and early 2015, the country's economy gradually became more stable and developed. As a result, the intellectual property activities of Viet Nam remained active with a considerable increase in applications for registration of industrial property rights. Such trend was expected to continue in 2016.

Receipt and handling of industrial property applications

a. Application receiving: As of December 31, 2015, the NOIP had received 93,985 applications of all types, including:

- 50,975 applications for establishment of industrial property rights (an increase of 10% compared to that of 2014), including: 5,033 invention applications; 450 applications for utility solution registration; 2,445 applications for industrial design registration; 37,283 applications for trademark registration; 7 applications for geographical indication registration; 9 applications for layout design of integrated circuit registration; 5,627 applications for registration of international trademarks designating Viet Nam, and 121 international applications originating from Viet Nam (16 patent applications and 105 applications for trademark registrations).

- 43,010 applications of other types, including: 3,419 requests for application amendments, 895 applications for assignment, 1,244 applications for re-grant of protection titles, 12,086 applications for renewal of protection titles; 3,424 applications for renewal of international trademark registrations; 6,097 applications for amendment of protection titles, 6,774 applications for maintenance of protection title validity, 2,870 applications for assignment of protection titles, 1,220 applications for licensing IP rights, 331 applications for cancellation/invalidation of protection titles, 1,328 appeals, 79 patent search requests and 8 trademark search requests, 952 oppositions to the grant of protection titles and 2,291 others.

b. Application handling: In 2015, the NOIP handled 75,283 applications of all types, including 35,360 applications for the establishment of industrial property rights (a decrease of 8.7% compared to that of 2014), wherein:

bảo hộ: 53; khiếu nại: 181; tra cứu: 87 (trong đó tra cứu sáng chế là: 79, tra cứu nhãn hiệu là: 8); phản đối cấp văn bằng bảo hộ: 707 và 1.989 đơn các loại khác.

c. Số văn bằng bảo hộ đã cấp: Đã chấp nhận và cấp văn bằng bảo hộ cho 25.337 đối tượng sở hữu công nghiệp (giảm 6,1% so với năm 2014), bao gồm 1.388 bằng độc quyền sáng chế, 117 bằng độc quyền giải pháp hữu ích, 1.386 bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, 18.340 giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu; 1 giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý; 16 giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn và chấp nhận bảo hộ 4.089 nhãn hiệu đăng ký quốc tế chỉ định Việt Nam.

2. Tình hình đăng ký chỉ dẫn địa lý

Năm 2015, Cục Sở hữu trí tuệ cấp 1 văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm sá sùng Vân Đồn của tỉnh Quảng Ninh và tiếp nhận 7 đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý, trong đó có 3 đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý của nước ngoài. Như vậy, tính đến ngày 31/12/2015, Việt Nam đã bảo hộ 47 chỉ dẫn địa lý, trong đó có 4 chỉ dẫn địa lý của nước ngoài. Đây là một thành tựu thể hiện sự nỗ lực trong quá trình thực hiện chính sách bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, chỉ dẫn địa lý trở thành một trong những nội dung quan trọng trong các Hiệp định thương mại tự do như Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần phải có những thích ứng mạnh mẽ cả về chính sách bảo hộ, thực thi quyền đối với chỉ dẫn địa lý cũng như khai thác, phát huy giá trị của chỉ dẫn địa lý trên thực tế.

Về mặt chính sách, các quy định pháp luật của Việt Nam đối với chỉ dẫn địa lý mới chỉ dừng lại ở vấn đề đăng ký và thẩm định hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý. Tuy nhiên, vấn đề trao quyền sử dụng như thế nào, quản lý chỉ dẫn địa lý ra sao thì các văn bản quy phạm pháp

Sản phẩm sá sùng Vân Đồn được bảo hộ chỉ dẫn địa lý năm 2015

"Van Don peanut worm" was registered as a geographical indication in 2015

Bãi khai thác sá sùng ở Minh Châu

A peanut worm field in Minh Chau commune

Bãi khai thác sá sùng ở Quan Lạn

A peanut worm field in Quan Lan commune

- 25,621 industrial property objects were granted protection, including 1,501 inventions, 128 utility solutions, 1,353 industrial designs, 18,432 trademarks; 1 geographical indication, 16 layout designs of integrated circuits and 4,089 international trademarks designating Viet Nam and 101 international applications originating from Viet Nam (including 16 patent applications and 85 trademark applications) underwent formality examinations.

- 9,739 industrial property objects, including 1,538 international trademark applications designating Viet Nam, were refused protection.

- 39,923 applications of all types were handled, including 3,906 requests for application amendments, 1,499 applications for application assignments, 1,295 applications for re-grant of protection titles, 11,391 applications for renewal of protection title validity, 3,424 applications for renewal of international trademark registrations, 5,212 applications for protection title amendments, 6,889 applications for maintenance of patent/utility solution patent validity, 2,425 applications for assignment of protection titles, 865 applications for licensing industrial property rights, 53 applications for termination/invalidation of protection title validity, 181 appeals, 87 search requests (including 79 patent searches and 8 trademark searches), 707 oppositions against the grant of protection titles and 1,989 others.

c. Number of granted protection titles: The NOIP has approved and granted protection titles for 25,337 industrial property objects (a decrease of 6.1% compared to that of 2014), including: 1,388 invention patents, 117 utility solution patents, 1,386 industrial design patents, 18,340 certificates of trademark registrations, 1 certificate of geographical indication registration; 16 certificates of layout design of integrated circuits registrations and 4,089 international trademark registrations designating Viet Nam.

2. Registration of geographical indications (GIs)

In 2015, the NOIP granted one Certificate of geographical indication to "Van Don peanut worms" of Quang Ninh Province and received 7 applications for geographical indication registration, including 3 applications for foreign geographical indication registration. Thus, as of December 31, 2015, 47 geographical indications have been protected in Vietnam, including 4 foreign geographical indications. This was considered an achievement showing the Office's efforts in implementation of the State's policy on protection of geographical indications.

In the context of international economic integration, the geographical indications have become one of the important parts in Free Trade Agreements (FTAs), such as EVFTA or TPP, Vietnam is required to be strongly adaptive both in policies on protection and enforcement of geographical indications and exploitation and promotion of their values in practice.

luật của Việt Nam chưa đề cập đến. Điều này khiến cho các địa phương lúng túng và thiếu nhất quán trong quy trình thực thi quyền đối với chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ.

Trong thực tế hoạt động quản lý chỉ dẫn địa lý của Việt Nam, vai trò của các tổ chức tập thể còn mờ nhạt. Ngoài chỉ dẫn địa lý "Huế" cho sản phẩm nón lá mà quyền quản lý chỉ dẫn địa lý được trao cho tổ chức tập thể, còn lại đối với các chỉ dẫn địa lý khác thì tổ chức tập thể chỉ đóng vai trò phối hợp và thực hiện chức năng kiểm soát nội bộ. Mặt khác, năng lực của tổ chức tập thể cũng còn nhiều hạn chế, trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức tập thể không gắn kết với nhau, do đó vai trò của tổ chức tập thể cũng chỉ mang tính hình thức, không mang tính ràng buộc pháp lý, cũng như sự tự nguyện của cộng đồng.

Có thể nói, đã đến lúc chỉ dẫn địa lý của Việt Nam cần phải phát triển ở một chiều sâu mới nhằm đáp ứng được yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế. Việc hoạch định một chiến lược phát triển chỉ dẫn địa lý trong đó bao gồm cả việc nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách thống nhất trong quản lý chỉ dẫn địa lý đã trở thành một yêu cầu cấp bách đối với chỉ dẫn địa lý của Việt Nam hiện nay.

Lễ ký kết thỏa thuận của Liên danh dự án Hỗ trợ phát triển chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam
Signing Ceremony of the Project for Supporting the Development of Geographical Indications in Viet Nam

In terms of policy, the Vietnamese laws on geographical indecation only regulate registrations and examiration of geographical indication dossier. However, there have been no provisions in any legislation of Vietnam regulating the ways to use the granted rights as well as the methods of management of protected GIs. This results in confusion and inconsistency in the exercising of the rights granted for protected GIs.

In practice, the management of geographical indications in Vietnam has not had the expected results. Except for the geographical indication "Hue" for conical hats where the management of GI has been authorized to the collective organization, with respect to other GIs, collective organizations only play a role in the process of internal control. On the other hand, the capacity of collective organizations was limited; the responsibilities and powers of collective organizations were not relevant and unified, therefore, the role of collective organizations was only theoretical, not binding, and there was a lack of willingness of the community.

It could be said that it is time to develop Vietnamese geographical indications into a new stage to meet the requirements of international economic integration, and there is also an urgent need for Vietnam to develop a strategy for geographical indications, including mechanisms and policies on unified management of geographical indications.

Các đại biểu tham dự Hội thảo Khởi động dự án Hỗ trợ phát triển chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam

Delegates at the Launching Seminar on the Project for Supporting the Development of Geographical Indications in Viet Nam

Nghiên cứu, đào tạo và tuyên truyền về sở hữu trí tuệ

Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác giữa Cục Sở hữu trí tuệ và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Signing Ceremony of Memorandum of Understanding on Cooperation between the National Office of Intellectual Property and the Ho Chi Minh City University of Law

Hoạt động nghiên cứu, đào tạo và tuyên truyền về sở hữu trí tuệ năm 2015 được tiếp tục triển khai theo hướng đa dạng hóa về hình thức, chuyên sâu về nội dung nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn.

1. Công tác đào tạo và nâng cao nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ

Trình độ, chất lượng của đội ngũ cán bộ đóng vai trò quan trọng có tính chất quyết định tới việc hoàn thành nhiệm vụ quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp của Cục. Trong năm 2015, Cục đã tổ chức nhiều khóa đào tạo chuyên môn chuyên sâu cũng như bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ như khóa đào tạo về thẩm định đơn sáng chế, thẩm định đơn nhãn hiệu, các lớp hỗ trợ hoạt động công vụ như tập huấn về kỹ năng soạn thảo văn bản và lập hồ sơ lưu trữ, tập huấn về ứng xử trong thực thi công vụ, tập huấn về Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngoài ra, thực hiện các chương trình hợp tác đào tạo với các nước, Cục Sở hữu trí tuệ đã cử gần 70 lượt cán bộ tham gia học tập, tập huấn ngắn hạn và dài hạn về sở hữu trí tuệ ở nước ngoài (như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ôxtrâylia, Thụy Sỹ, Tây Ban Nha, Hoa Kỳ...).

Intellectual property research, training and public awareness

Research, training and dissemination activities of intellectual property in 2015 were implemented extensively in various formats and intensive contents in order to better meet practical needs of stakeholders.

1. Intellectual property education and professional training

The qualifications and quality of human resources play a crucial role in the successful accomplishment of the Office's management tasks of industrial property activities. In 2015, the Office organized a series of training courses, professional and advanced courses of patent examination, trademark examination and public service skills for the Office's staff (computer skills, drafting skills, archiving skills, communication skills) and training on the Law on promulgation of legislation. In addition, the NOIP also sent nearly 70 employees to participate in both short-term and long-term training courses on intellectual property overseas, in cooperation programs with other partners such as Japan, South Korea, Australia, Switzerland, Spain, the United States, etc.

Along with the improvement and enhancement of capacity of its staff, the NOIP also organized or coordinated with relevant agencies to organize training courses for development of human resources for the national intellectual property system, such as advanced training courses for industrial property staff of the Departments of Science and Technology,

Các sinh viên đoạt giải cuộc thi "Sinh viên nghiên cứu khoa học về Sở hữu trí tuệ"

Winners at the Competition on "IP Research for students"

Cùng với việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ nguồn nhân lực nội bộ, Cục Sở hữu trí tuệ đã chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan hữu quan triển khai nhiều hoạt động đào tạo cho cán bộ trong hệ thống sở hữu trí tuệ như đào tạo chuyên sâu nâng cao cho các cán bộ chuyên trách về sở hữu công nghiệp của các Sở Khoa học và Công nghệ địa phương, lực lượng thanh tra, quản lý thị trường, hải quan; đào tạo cơ bản về sở hữu trí tuệ cho cán bộ mới được tuyển dụng của Bộ Khoa học và Công nghệ...

Nhằm hỗ trợ các địa phương nâng cao trình độ chuyên môn và nhận thức về sở hữu trí tuệ, trong năm 2015, Cục đã phối hợp tổ chức được 32 khóa đào tạo/tập huấn về sở hữu công nghiệp cho gần 2.500 lượt người tham dự tại nhiều tỉnh, thành phố trên toàn quốc. Nội dung của chương trình đào tạo, tập huấn được thiết kế phong phú, đa dạng và thiết thực, với nhiều chuyên đề chuyên sâu đáp ứng những nhu cầu trực tiếp của từng địa phương như: đăng ký, công nhận và khai thác sáng kiến; xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với đặc sản địa phương; đăng ký bảo hộ sáng chế và khai thác thông tin sở hữu công nghiệp; thực thi quyền sở hữu công nghiệp; xây dựng, quản lý và khai thác tài sản trí tuệ…

Ngoài ra, Cục đã tổ chức được 1 khóa đào tạo trực tuyến về sở hữu trí tuệ cho hơn 300 học viên và phối hợp với Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức 1 khóa đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ (6 tháng) cho hơn 40 học viên.

2. Công tác nghiên cứu

Năm 2015, hoạt động nghiên cứu tiếp tục được triển khai với nhiều nội dung nghiên cứu phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây dựng và ban hành văn bản pháp luật, hỗ trợ xây dựng chính sách về sở hữu trí tuệ và giải quyết những vấn đề thực tiễn của hoạt động xác lập và thực thi quyền sở hữu công nghiệp như "Nghiên cứu lý luận và thực tiễn xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN về sở hữu công nghiệp", "Nghiên cứu các điều kiện cần thiết đối với đề xuất việc gia nhập Thỏa ước La Hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp của Việt Nam" và đề tài nghiên cứu chuyên sâu khác như "Nghiên cứu lý luận và thực tiễn của mối quan hệ giữa nhãn hiệu và tên thương mại nhằm đề xuất phương án giải quyết xung đột giữa hai đối tượng"…

Bên cạnh đó, Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với các trường đại học thực hiện việc hỗ trợ hoạt động nghiên cứu sáng tạo trong sinh viên, từ đó khích lệ niềm đam mê nghiên cứu khoa học của các trí thức trẻ. Năm 2015 là năm thứ 6 liên tiếp Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội tổ chức hội nghị khoa học báo cáo kết quả nghiên cứu về sở hữu trí tuệ dành cho sinh viên trên địa bàn Hà Nội, cuộc thi đã thu hút được đông đảo lực lượng sinh viên của các trường đại học lớn tham gia.

3. Công tác phổ biến và tuyên truyền

Thực hiện chủ trương của Bộ Khoa học và Công nghệ về tăng cường nhận thức của công chúng về sở hữu trí tuệ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, năm 2015, Cục chú trọng vào các hoạt động tuyên truyền rộng rãi hướng tới nhiều đối tượng trong xã hội bằng các hình thức đa dạng, phong phú. Đã có 15 sự kiện tuyên truyền lớn được tổ chức, thu hút đông đảo đối tượng tham gia.

Điểm sáng của hoạt động tuyên truyền trong năm 2015 là các hoạt động hướng tới đối tượng sinh viên – những chủ nhân tương lai của đất nước. Nhân tháng kỷ niệm Ngày sở hữu trí tuệ thế giới (26/4), một chuỗi các sự kiện tiêu biểu dành cho sinh viên đã được tổ chức như Gameshow "Đỉnh cao thương hiệu" phối hợp với Trường Đại học Ngoại thương dành cho sinh viên các trường đại học tại Hà Nội và các tỉnh lân cận; cuộc thi "Thương hiệu Việt" phối hợp với Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh dành cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; sự kiện "IP Day – Walk Ahead" do Đoàn thanh niên Cục phối hợp với Đoàn thanh niên Trường Đại học Ngoại thương và Câu lạc bộ Sở hữu trí tuệ, Trường Đại học Ngoại thương tổ chức lấy ý tưởng từ việc đi bộ bằng đầu (walk ahead) hay sự vận động không ngừng của tư duy (walk a head) nhằm cổ vũ cho hoạt động đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ ở mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội; cuộc thi "Sở hữu trí tuệ - cầu nối sinh viên với doanh nghiệp" phối hợp với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

Bên cạnh đó, các buổi tọa đàm dành cho các giới cũng được tổ chức nhằm trao đổi, cập nhật thông tin từ nhiều phía về các vấn đề liên quan đến hoạt động bảo hộ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, sử dụng hiệu

inspectorates, market surveillance agencies and customs. Basic training courses on intellectual property were also offered to newly recruited staff of the Ministry of Science and Technology.

In support of raising the expertise and awareness of intellectual property for localities, in 2015, the NOIP co-organized 32 training courses on industrial property with the participation of approximately 2,500 people in many provinces and cities nationwide. These training courses were made in diverse formats with specific and intensive topics suitable for each locality, for instance: registration, recognition and exploitation of innovations; establishment and protection of IP rights for local specialties; registration of patents and exploitation of IP information for innovative activities; enforcement of IP rights; and development, management and exploitation of IP assets, etc.

Furthermore, the NOIP organized one online training course on intellectual property rights for more than 300 learners and coordinated with the University of Law Ho Chi Minh City to organize one six-month advanced training course on intellectual property for more than 40 students.

2. Research activities

In 2015, research acitivities continued to be implemented with a number of topics directly supporting the formulation of IP legal instruments and policies, and for dealing with practical issues deriving from the establishment and enforcement of industrial property rights. Those included "Research on theoretical and practical issues in revising Circular No. 01/2007/TT-BKHCN on industrial property rights", "Study on the necessary conditions for joining the Hague agreement on the international registration of industrial designs of Viet Nam", and "Research on theoretical and practical issues on the relationship between trademarks and trade names and solutions to their conflicts" and so forth.

Moreover, the NOIP also collaborated with universities to provide support for research and innovation activities of students, thereby encouraging the passion for scientific research of young talents. The year was the 6th consecutive year the NOIP coordinated with the University of Social Sciences and Humanities (Viet Nam National University, Hanoi) to hold a conference for reporting research results for students in Hanoi, which attracted the participation of numerous students from universities located in Hanoi.

3. Dissemination and outreach activities

Following the guidance of the Ministry of Science and Technology on promoting the public awareness of intellectual property in the context of international economic integration, in 2015, the NOIP focused on dissemination and outreach activities aiming at the large audience with diverse forms. Accordingly, 15 events were held in the year, attracting a large number of participants.

The highlights of communication and outreach activities in 2015 were activities oriented toward students who are considered the future of the country. Also in the celebration of World Intellectual Property Day (April 26), a series of events for students was held, including: a game show on "Top Brand" (in coordination with the Foreign Trade University for students of universities located in Hanoi and neighboring provinces), a Contest on "Vietnamese Branding" (in collaboration with the University of Law Ho Chi Minh City for students studying in universities in HCMC); a road show "IP Day - Walk Ahead" hosted by the NOIP's Youth Union (in collaboration with the Youth Unions of the Foreign Trade University and its Intellectual Property club. The road show was inspired by the "walk ahead" or the non-stop movement of thoughts in order to foster innovative and IP activities of individuals and organizations in society); and a Contest "Intellectual Property - a Bridge between Students and Businesses" (in collaboration with the University of Social Sciences and Humanities, Viet Nam National University Hanoi).

A range of seminars was also organized for stakeholders to update information and exchange views on various issues related to the protection and enforcement of IP rights, as well as effective use of IP

quả quyền sở hữu trí tuệ nhằm phát triển kinh tế - xã hội, xu hướng phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ trong nước và trên thế giới. Các hoạt động này đã ghi được dấu ấn và nhận được sự đánh giá cao của những người tham dự. Có thể kể đến như tọa đàm "Tăng cường sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu – triển khai và sản xuất – kinh doanh" tại Thành phố Hồ Chí Minh; tọa đàm "Bảo hộ và thương mại hóa sáng chế, khai thác và ứng dụng thông tin sáng chế" tại Đà Nẵng; tọa đàm về "Hoạt động đại diện sở hữu trí tuệ" tại Hà Nội,...

Các hội thảo, hội nghị khoa học được Cục phối hợp với các cơ quan sở hữu trí tuệ nước ngoài, Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới tổ chức trong năm 2015 tập trung vào những vấn đề được nhiều người quan tâm như "Vai trò của ngành công nghiệp thâm dụng sở hữu trí tuệ đối với nền kinh tế quốc gia" (phối hợp với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới và Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ), "Thủ tục đăng ký bảo hộ và duy trì nhãn hiệu tại Hoa Kỳ" (phối hợp với Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ); "Tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam" (phối hợp với Cơ quan Sáng chế Nhật Bản); "Chiến lược sở hữu trí tuệ trong hoạt động của trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp nhỏ và vừa" (do Giáo sư Yoshitoshi Tanaka - Viện Công nghệ Tokyo trình bày); "Nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ và vai trò của báo chí" (phối hợp với Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản và được tổ chức tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh)... Các hội thảo, tọa đàm đều nhận được sự quan tâm và tham gia nhiệt tình, có trách nhiệm của các diễn giả cũng như đại biểu. Nhiều vấn đề khoa học và thực tiễn trao đổi tại hội thảo có giá trị cao trong việc kiến nghị hoàn thiện chính sách và pháp luật, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động áp dụng pháp luật cũng như cung cấp nhiều thông tin hữu ích cho công chúng trong việc tạo dựng, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ phục vụ phát triển doanh nghiệp và kinh tế - xã hội của đất nước.

Sự kiện "IP Day – Walk Ahead"

The road show "Walk Ahead" on World Intellectual Property Day

rights for the socio-economic development and the development trends of IP in Viet Nam and in the world. These events made a deep impression on and were highly appreciated by the participants. Such events consisted of the Seminar on "Promoting the Use of IP tools for Research and Development, Production and Business" (held in Ho Chi Minh City), Roundtable on "Protection and Commercialization of Inventions and Exploitation and Application of Patent Information" (held in Da Nang), and Roundtable on "Intellectual Property Agents" (in Hanoi).

Additionally, a number of scientific conferences were also organized by the NOIP in coordination with other IP Offices in 2015, focusing on different issues, such as the seminar on "Roles of IP-intensive industry to the national economy" (in collaboration with WIPO and the US Patent and Trademark Office), a workshop on "Procedures for Protection and Maintenance of Trademarks in the United States" (in collaboration with the US Patent and Trademark Office), training on "Strengthening the IP Rights Enforcement in Viet Nam" (in collaboration with the Japan Patent Office), a workshop on "IP strategies for universities, research institutions and small and medium-sized enterprises" (presented by Prof. Yoshitoshi Tanaka from the Tokyo Institute of Technology), and a series of workshops on "Enhancing the Effectiveness of IPR Enforcement and Roles of the Press" (in collaboration with the Japan International Cooperation Agency, held in Hanoi, Da Nang and Ho Chi Minh City). Those outreach events received the full attention and participation of both participants and speakers. A lot of theoretical and practical issues were touched upon and discussed during these conferences with valuable recommendations for improving legislation and policies on intellectual property, as well as providing useful information to the public in the creation, use and exploitation of IP assets for the development of businesses and the country.

Đại biểu tham dự Cuộc thi "Sở hữu trí tuệ - Cầu nối sinh viên với doanh nghiệp"

Participants at the Competition "Intellectual Property - a Bridge between Students and Businesses"

Hội thảo "Thủ tục đăng ký bảo hộ và duy trì nhãn hiệu tại Hoa Kỳ"

Workshop on "Registration and Maintaining a Trademark in the United States"

Bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp

1. Duy trì và cập nhật trang tin điện tử (www.noip.gov.vn)

Năm 2015, trang tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ (www.noip.gov.vn) tiếp tục được nâng cấp và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng về việc tiếp cận thông tin chính thức về sở hữu trí tuệ một cách nhanh chóng và thuận tiện của xã hội. Cục Sở hữu trí tuệ đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của các đối tượng sử dụng khác nhau về hiện trạng của trang tin điện tử, để từ đó lập báo cáo kiến nghị về việc kiện toàn, nâng cấp trang tin điện tử của Cục để ngày một thân thiện hơn với người dùng.

Các thông tin về hoạt động của Cục và các hoạt động sở hữu trí tuệ quan trọng của cả nước thường xuyên được cập nhật kịp thời trên trang thông tin điện tử đã phản ánh được các hoạt động sôi nổi, đa dạng ở trung ương, tại các địa phương, cũng như các hoạt động hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Các thông tin chính thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục cũng thường xuyên được một số Cơ quan, đơn vị (các Sở Khoa học và Công nghệ, các đại diện sở hữu công nghiệp) trích dẫn lại trong các bài viết hoặc trên các website của họ.

Công báo sở hữu công nghiệp, nguồn thông tin sớm nhất liên quan đến việc xử lý đơn đăng ký các đối tượng sở hữu công nghiệp tiếp tục được công bố đầy đủ và kịp thời trên trang tin điện tử đã giúp cho người nộp đơn theo dõi được kết quả thẩm định đơn đăng ký sở hữu công nghiệp của mình. Năm 2015, Cục đã hoàn thành việc số hóa toàn bộ các Công báo giấy từ số đầu tiên từ năm 1984 đến 2007 và đã đưa lên trang thông tin điện tử của Cục để phục vụ nhu cầu tra cứu của người dùng tin trong xã hội.

Các công cụ tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp của Cục: Thư viện số về sở hữu công nghiệp (IPLib) và Thư viện số về Bằng sáng chế của Việt Nam (DigiPat) cũng tiếp tục được phát triển và cập nhật thường xuyên, tạo điều kiện cho các đối tượng dùng tin có thể tra cứu đánh giá sơ bộ khả năng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp của mình, đánh giá khả năng xâm phạm các đối tượng sở hữu công nghiệp đã được bảo hộ của người khác, cũng như phục vụ nhu cầu của các cá nhân, tổ chức trong hoạt động nghiên cứu - triển khai, sản xuất và kinh doanh.

2. Cung cấp thông tin sở hữu công nghiệp

Việc cung cấp thông tin sở hữu công nghiệp luôn được đặc biệt chú trọng. Người dùng tin có thể tự tiến hành tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp trên trang tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ. Số lượng người truy cập trang tin điện tử không ngừng tăng lên, chứng tỏ xã hội đã có nhận thức cao hơn về vai trò của thông sở hữu công nghiệp, đồng thời cũng chứng tỏ công tác tuyên truyền, đào tạo thông tin sở hữu công nghiệp đã thu được những thành quả đáng kể. Trong quý 4 năm 2015, Cục Sở hữu trí tuệ đã mở các lớp hướng dẫn khai thác thông tin sáng chế vào thứ sáu hằng tuần tại Thư viện Cục Sở hữu trí tuệ cho các đối tượng có nhu cầu, chủ yếu là sinh viên và giảng viên các trường đại học, cán bộ của các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, các văn phòng đại diện sở hữu công nghiệp. Bên cạnh đó, Cục cũng tổ chức các lớp tập huấn để hướng dẫn tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp cho các địa phương như Nam Định, Đà Nẵng, Ninh Thuận…

Trong năm 2015, Cục Sở hữu trí tuệ đã giải quyết được 79 yêu cầu cung cấp thông tin sáng chế của các doanh nghiệp, các công ty trong và ngoài nước. Các

Assurance of industrial property information

1. Maintenance and updating of the website (www.noip.gov.vn)

In 2015, the NOIP's website (www.noip.gov.vn) continued to be upgraded and improved to meet the increasing needs for a prompt and adequate access to the official information on IP activities of the public. A user survey was also made on the website status as a basis to prepare a report on improving its quality and developing a more user-friendly interface.

The information about the NOIP's activities and important IP events taking place all over the country was updated in a timely manner on the website, reflecting the excitement and diverse activities of intellectual property in Viet Nam, at both central and local levels, as well as the international cooperation of Viet Nam in this field. This information was also regularly cited and posted on the websites of other agencies such as the Departments of Science and Technology and industrial property agencies.

As the earliest source of information on industrial property applications, the Industrial Property Gazettes were published promptly and adequately on the NOIP's website, helping applicants monitor the examination results of their applications. In 2015, all industrial property Gazettes printed from 1984 to 2007 were also digitized and published on the NOIP's website for the search needs of information users in the society.

Regarding search tools for industrial property information, in 2015, the NOIP regularly updated and enriched its libraries, including the Industrial Property Library (IPLib) and the Digital Patent Library (DigiPat), creating a favorable environment for information users in doing searches and preliminary assessments for protectability of their industrial property objects or for checking the potential infringements of protected industrial property rights of others, as well as addressing the needs of individuals and organizations in their research and development (R&D), production and trade.

2. Provision of industrial property information

The provision of industrial property information is always a special focus of the NOIP. Information users may directly search for industrial property information on the Office's website. The growing number of visitors to the NOIP's website demonstrated the higher awareness of the public of industrial property information and illustrated the practical effectiveness of dissemination and outreach activities of industrial property information. In the 4th Quarter of 2015, the

yêu cầu này chủ yếu liên quan đến việc tra cứu khả năng bảo hộ của các giải pháp kỹ thuật và tra cứu để xác định khả năng xâm phạm quyền đối với các sáng chế, giải pháp hữu ích đã được bảo hộ tại Việt Nam. Ngoài ra, có một số yêu cầu tra cứu liên quan đến việc thống kê các đối tượng sở hữu công nghiệp (theo phân loại hoặc theo tên của chủ văn bằng bảo hộ…).

Là cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, Cục cũng thường xuyên cung cấp thông tin, trả lời các công văn liên quan đến thông tin sở hữu công nghiệp của một số cơ quan liên quan như: Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia… Trong sự kiện Chợ công nghệ và thiết bị quốc tế 2015 (Techmart 2015) và sự kiện Trình diễn và kết nối cung-cầu công nghệ khu vực Nam Bộ năm 2015, Cục Sở hữu trí tuệ đã có các hoạt động giới thiệu các thông tin về sở hữu công nghiệp và tư vấn, giải đáp các vấn đề mà doanh nghiệp cũng như các nhà sáng chế đang quan tâm. Cục Sở hữu trí tuệ đã mời nhiều tổ chức, cá nhân có đăng ký sáng chế tại Cục nộp hồ sơ tham gia Techmart 2015, góp phần làm phong phú hội chợ.

Dịch vụ tại Thư viện Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục được củng cố và hoàn thiện. Trong năm 2015, Thư viện Cục Sở hữu trí tuệ đã phục vụ hàng trăm lượt bạn đọc đến tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp và tham khảo các tài liệu nghiệp vụ sở hữu công nghiệp, cung cấp bản sao của hàng nghìn bản mô tả sáng chế, giải pháp hữu ích cùng các loại tài liệu khác.

3. Phát triển cơ sở dữ liệu và hoàn thiện công cụ tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp

Việc tăng cường cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin sở hữu công nghiệp của Việt Nam và nước ngoài được tiến hành thường xuyên để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về thông tin sở hữu công nghiệp của xã hội. Công tác thu thập tư liệu sở hữu công nghiệp được tiến hành thường xuyên, chủ yếu là tư liệu của Cơ quan Sáng chế các nước và tổ chức quốc tế như: WIPO, EPO, RU, JPO, Anh, Bungari, Trung Quốc dạng đĩa quang. Cục tiếp tục tiếp nhận, bảo quản và đưa vào khai thác sử dụng Công báo sở hữu công nghiệp và Tạp chí sở hữu công nghiệp của nhiều nước trên thế giới.

Các cơ sở dữ liệu thông tin sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa của Việt Nam được cập nhật đều đặn hằng tháng để công chúng khai thác, sử dụng tại Thư viện số về sở hữu công nghiệp. Danh mục các tài liệu nghiệp vụ sở hữu công nghiệp cũng được bổ sung thêm nhiều đầu sách mới. Danh mục các sách báo, tạp chí này đã được đưa lên trang web của Cục để các đối tượng dùng tin khác nhau trong xã hội nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức về sở hữu công nghiệp nói chung và thông tin sở hữu công nghiệp nói riêng.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin của Cục Sở hữu trí tuệ hiện nay về cơ bản vẫn dựa trên kết quả của hai dự án ODA do JICA Nhật Bản thực hiện theo hình thức chuyển giao kỹ thuật từ năm 2000 đến năm 2009. Tuy nhiên, năng lực công nghệ thông tin hiện tại vẫn chưa đáp ứng yêu cầu xử lý đơn, nhiều chức năng chưa có hoặc chưa hoàn thiện.

Để nâng cao năng lực xử lý đơn của Cục nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, một trong các giải pháp cần thiết là việc đầu tư xây dựng một hệ thống công nghệ thông tin đúng tầm. Bên cạnh những yêu cầu ngày càng cao về thời gian và chất lượng xử lý đơn, hệ thống công nghệ thông tin của Cục còn phải đáp ứng các yêu cầu về chuẩn hóa dữ liệu, trao đổi dữ liệu với các tổ chức sở hữu trí tuệ khác trên thế giới.

Thực tế cho thấy, năng lực xử lý của một cơ quan sở hữu trí tuệ phụ thuộc rất nhiều vào hệ thống công nghệ thông tin. Cơ quan sở hữu trí tuệ của các nước đều có được đội ngũ các công ty đối tác là các công ty công nghệ thông tin mạnh, có truyền thống, tin cậy và có hiểu biết về sở hữu trí tuệ. Các cơ quan sở hữu trí tuệ thành công trên thế giới như Nhật Bản, Hàn Quốc hay Singapo đều đã đầu tư cho tự động hóa rất nhiều và đã có được thành quả xứng đáng và hiệu quả rất cao. So sánh sơ bộ cho thấy có quốc gia lượng đơn đăng ký quyền sở hữu công nghiệp gấp trăm lần Việt

NOIP conducted weekly Orientation Courses on Patent Information in its Reading Room every Friday for those who wished to participate, mainly university faculty and students, staff of research institutions, businesses and industrial property agents. Moreover, the Office also organized Guiding Courses on industrial property information searches for local industries in the provinces of Nam Dinh, Da Nang and Ninh Thuan.

In 2015, the NOIP handled 79 requests for patent information searches from both local and foreign enterprises. Such requests mostly asked for searching on the protectability of technical solutions and on potential infringements of rights to patents or utility solutions, which had been protected in Viet Nam. In addition, a number of requests for statistics on industrial property objects were also filed with the NOIP for clearance of their classification or ownership.

As the State management agency over intellectual property, the NOIP also regularly provided information and responded to official letters on industrial property information to some agencies such as the Drug Administration of Viet Nam (the Ministry of Health), the National Agency for Technology Entrepreneurship and Commercialization Development and the National Agency for Science and Technology Information (both under the Ministry of Science and Technology), etc. At the International Techmart Viet Nam 2015 (TECHMART 2015) and the TechDemo 2015 in southern Viet Nam, the NOIP also set up industrial property Desks to introduce industrial property information and provide consultations for inventors, visitors and businesses on the issues concerned. Furthermore, the invitations were also circulated by the NOIP to organizations and individuals having registered inventions to participate in TECHMART 2015, contributing to the enrichment and success of the event.

Services at the NOIP's libraries continued to be maintained and improved. In 2015, the Office received and served hundreds of readers coming to do industrial property information searches and study industrial property materials. Thousands of copies of patent or utility solution specifications and other industrial property documentations were also provided by the NOIP.

3. Development of industrial property databases and improvement of search tools

The management and updating of industrial property databases with Vietnamese and foreign materials were carried out regularly in order to meet the growing needs for IP information of society. The documentation of IP materials was also carried out regularly with those of international Patent Offices, such as WIPO, EPO, Rospatent, JPO, UKIPO, BPO, CPTO in CD-ROMs. The Official Industrial Property Gazettes and Industrial Property Journals of many countries around the world were also collected, preserved and put into use by the NOIP.

All the NOIP's databases of patent, utility solutions, industrial designs, trademarks in the IPLib were updated monthly for public use. The list of industrial property documents was also supplemented with a series of new titles and was posted on the Office's website for the use of various information users in the society for reference of intellectual property knowledge and information in general and industrial property knowledge and information in particular.

4. Utilization of information technology

The Information Technology (IT) system of the Office was still based on the results of two IT Projects funded by JICA from 2000 to 2009 in the form of technology transfer. However, the capacity of the current system did not meet the requirements for handling industrial property applications because many required functions of the system were not available and completed.

In order to enhance the NOIP's capacity in handling industrial property applications to meet the needs of

Nam nhưng số lượng cán bộ trong cơ quan sở hữu trí tuệ của họ chỉ gấp mười lần Cục Sở hữu trí tuệ.

Việc xây dựng được một hệ thống công nghệ thông tin thành công và hiệu quả, bền vững cho Cục Sở hữu trí tuệ cần có thời gian và không dễ dàng. Điều cần thiết là phải có các chính sách phù hợp, có sự đầu tư thỏa đáng về tài chính. Cục Sở hữu trí tuệ đang nghiên cứu để tìm ra một mô hình phát triển phù hợp với điều kiện quốc gia, đồng thời phải tuân thủ các chuẩn mực và xu thế phát triển công nghệ thông tin của Cơ quan sở hữu trí tuệ quốc tế.

Được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, có thể nói rằng năm 2015 vừa qua Cục Sở hữu trí tuệ đã có những chuyển biến đáng ghi nhận trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Bộ Khoa học và Công nghệ đã ký Thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Viễn thông quân đội Viettel về ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Cục Sở hữu trí tuệ đã áp dụng thí điểm từng bước mô hình thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước theo tinh thần của Quyết định 80/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Cục đã sử dụng dịch vụ hạ tầng, đã chuyển một số ứng dụng lên khai thác vận hành tại Trung tâm dữ liệu tại Hòa Lạc của Tập đoàn Viễn thông quân đội Viettel, bước đầu đạt kết quả rất tốt.

Bên cạnh đó, Cục đang tiến hành một dự án quan trọng về công nghệ thông tin để nâng cao năng lực xử lý đơn. Trong năm 2016 sẽ có những sản phẩm đầu tiên của Dự án này. Gần đây, theo tinh thần Nghị quyết 36a/NQ-CP của Chính phủ, các dịch vụ công của Cục đều phải đáp ứng dịch vụ công trực tuyến mức 3 trong năm 2016. Cục Sở hữu trí tuệ đang cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ đề ra.

Trong thời gian tới, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ có nhiều đổi mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Với sự đầu tư và quan tâm đúng mực của lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của Cục sẽ được triển khai có hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực của cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia.

Lễ khai mạc Chợ công nghệ và thiết bị quốc tế Việt Nam 2015

Opening Ceremony of International Techmart Viet Nam 2015

Lễ khai mạc hoạt động trình diễn và kết nối cung - cầu công nghệ khu vực Nam Bộ 2015

Opening Ceremony of the Techdemo 2015 in Southern Viet Nam

society, it was necessary to have further investments for a sound IT system. The NOIP's IT system must also meet the requirements for data standardization and data exchange with other IP Offices in the world and satisfy requirements for the time-limit and quality of industrial property application examination,

Reality showed that the capacity of handling industrial property applications of IP Offices heavily depended on IT systems. Most IP Offices in the world often collaborated with strong, trustworthy and IP-savvy IT companies. The IP Offices of Japan, Korea and Singapore already invested a lot in automation and achieved valuable results and high efficiency. A preliminary study showed that numbers of applications received by those IP Offices were a hundred times higher than those of the NOIP, however, their numbers of hired staff were only ten times higher.

Although it took time and was not an easy task to successfully develop an efficient IT system for the NOIP, it was also necessary to have proper policies and adequate financial investments. The NOIP was working to find a model suitable with its own situation in line with standards and development trends of IT of international intellectual property offices.

Under the close guidance of the leaders of the Ministry of Science and Technology, the year of 2015 witnessed a remarkable evolution in the field of information technology of the Office. The Ministry of Science and Technology signed a cooperation agreement with the Viettel Group on the utilization of information technology and telecommunication in the field of intellectual property. Moreover, the Office started implementing several pilot projects by outsourcing IT services in accordance with Decision No. 80/2014/QD-TTg of the Prime Minister as well as outsourced IT infrastructures such as transmission of some IT applications to Viettel's Data Center in Hoa Lac Hightech Park – that initially produced positive results.

In addition, an important project on information technology was undertaken by the NOIP to improve the capacity of handling industrial property applications, whose first products are expected to be introduced in 2016. Recently, as required by Resolution No. 36a/NQ-CP of the Government, the public services of the NOIP will meet level 3 for online public services. The NOIP has made its best endeavor to fulfill the assigned duties.

In the upcoming period, the NOIP's IT system will be gradually updated and improved and with the close guidance and large investment from the Ministry of Science and Technology, it was expected that IT utilization of the Office would be more effective, contributing to enhance the working capacity of the Office.

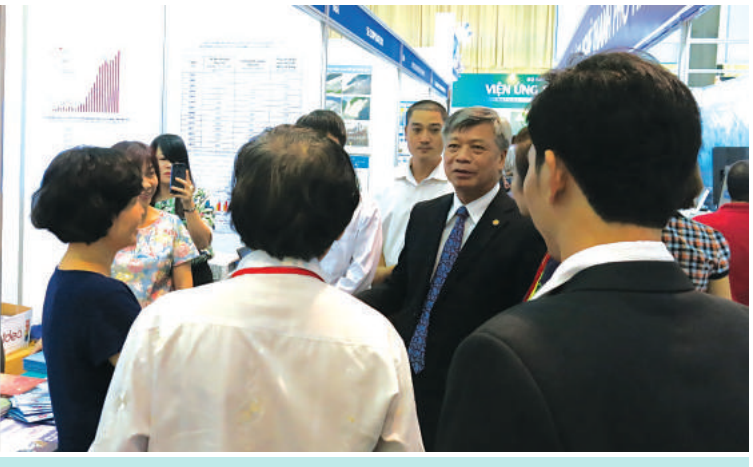

Bàn tư vấn của Cục Sở hữu trí tuệ tại Chợ công nghệ và thiết bị quốc tế Việt Nam 2015

The NOIP's IP Desk at International Techmart Viet Nam 2015

Bàn tư vấn của Cục Sở hữu trí tuệ tại sự kiện Trình diễn và kết nối cung-cầu công nghệ khu vực Nam Bộ năm 2015

The NOIP's industrial property Desk at the Techdemo 2015 in Southern Viet Nam

Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

Hoạt động tổ chức triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (Chương trình 68) tiếp tục được thực hiện mạnh mẽ, rộng khắp trên cả nước và đã đạt được các kết quả đáng ghi nhận.

1. Tổ chức triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015

Cục Sở hữu trí tuệ đã tổ chức kiểm tra định kỳ tình hình thực hiện và cấp phát kinh phí giai đoạn tiếp theo cho 26 dự án thuộc Chương trình; Tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện 13 dự án thuộc Trung ương quản lý, bao gồm: Áp dụng sáng chế để xử lý môi trường làng nghề tại Thái Bình và Thanh Hóa; Hỗ trợ phát triển nhãn hiệu tập thể/chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm Chạm Bạc Đồng Xâm (Thái Bình), Chiếu cói Quỳnh Phụ (Thái Bình), Sá sùng Vân Đồn (Quảng Ninh), Chè Tân Uyên (Lai Châu), Chè Hoàng Su Phì (Hà Giang), Tiêu Quảng Trị, Nón lá Huế, Quế Trà My (Quảng Nam), Cá thát lát Hậu Giang; Các dự án quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại Đại học Huế và Đại học Cần Thơ.

Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015 được triển khai đã có những tác động tích cực, tạo ra giá trị gia tăng và hiệu quả đối với đời sống kinh tế, xã hội của Việt Nam, một số minh chứng cụ thể như sau:

Chương trình 68 góp phần đưa hoạt động sở hữu trí tuệ tới mọi miền tổ quốc, xã hội hóa công tác đầu tư cho hoạt động bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ

Thống kê cho thấy, đã có 61/63 địa phương có dự án được hỗ trợ từ Chương trình và tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tham gia các hoạt động của Chương trình (hội nghị, hội thảo, tập huấn, đề xuất dự án). Qua báo cáo của các Sở Khoa học và Công nghệ, tính đến nay, từ mô hình của Chương trình 68, có 28 địa phương đã phê duyệt và thực hiện các chương trình riêng, bằng nguồn kinh phí tự huy động khác để xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm, dịch vụ của mình.

Chương trình 68 nâng cao nhận thức và thúc đẩy hoạt động sáng tạo trong khoa học, công nghệ và sở hữu trí tuệ

Chương trình đã có tác động rất lớn trong việc nâng cao nhận thức của xã hội và cộng đồng về sở hữu trí tuệ. Các dự án tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trên các đài truyền hình Trung ương như "Sáng tạo Việt" trên kênh VTV3, "Nữ trí thức với hoạt động sáng tạo" trên kênh VTC và các dự án trên đài truyền hình địa phương đã được triển khai,

Support for intellectual property assets development

The National Program for Supporting Development of Intellectual Property Assets (Program 68) continued to be strongly and widely implemented nationwide, and achieved noteworthy results.

1. Implementation of the National Program for Supporting Development of Intellectual Property Assets in the period of 2011-2015

In 2015, the NOIP carried out periodical evaluations on the implementation and funding expenditures of 26 projects under the Program, including final evaluations for 13 projects under Central management: projects on the application of patents to clean the environment in traditional craft villages in the provinces of Thai Binh and Thanh Hoa; projects on development of trademarks/geographical indications for Dong Xam silver village in Thai Binh province, Quynh Phu sedge village in Thai Binh province, Van Don peanut worms in Quang Ninh province, Tan Uyen tea in Lai Chau province, Hoang Su Phi tea in Ha Giang province, Quang Tri pepper in Quang Tri province, Hue conical hats in Thua Thien Hue province, Tra My cinnamon in Quang Nam province That Lat fish in Hau Giang province; and projects on IP management in Hue University and Can Tho University.

Projects under Program 68 during the period of 2011-2015 have been effectively implemented, generating positive effects and creating added value for the social and economic life of Viet Nam, as follows:

Program 68 contributed to spreading IP activities throughout the country and socializing investments in the protection and development of intellectual property

The statistics show that 61 out of 63 provinces/cities had projects supported by Program 68, and all 63 provinces/cities nationwide joined in implementing the activities under the Program (such as conferences, workshops and training courses, etc.). Based on the Program's model, 28 provinces/cities under the Central Government have approved and implemented Programs for Supporting Development of IP Assets using their own resources and/or mobilized funds to support development of IP rights for products and services in those localities.

Nghiệm thu dự án thuộc Chương trình

Evaluation of Projects under the Program

duy trì thường xuyên, liên tục và có chiều sâu trên các phương tiện thông tin đại chúng đã góp phần tạo chuyển biến tích cực nhận thức của các cấp, ngành và toàn xã hội về sở hữu trí tuệ.

Chương trình 68 huy động sự tham gia của đông đảo các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp

Thông qua các dự án của Chương trình, có gần 50 tổ chức tập thể được thành lập dưới hình thức hội/hiệp hội các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm. Đây được coi là sự tập hợp sức mạnh, huy động nguồn lực của xã hội để cùng phát triển sản xuất và kinh doanh, góp phần vào việc thực hiện chính sách cánh đồng mẫu lớn, nông thôn mới của Đảng và Chính phủ.

Chương trình 68 góp phần nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, góp phần phát triển bền vững kinh tế, xã hội

Các sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ khi đưa ra thị trường đòi hỏi phải được kiểm tra, quản lý chất lượng và đáp ứng các tiêu chuẩn về mẫu mã, tem nhãn theo quy trình nghiêm ngặt.

Qua khảo sát thực địa của các hội đồng nghiệm thu một số dự án trong các năm 2012-2015 và báo

Program 68 has contributed to raising awareness and promoting innovative activities in the field of science, technology and intellectual property

The Program has made a huge impact in raising societal awareness of intellectual property. Projects on outreach and dissemination of IP knowledge on Vietnamese television like "Creative Viet Nam" on VTV3 channel, "Female Talents with Creative Activities" on VTC channel, and other projects on local television stations have been implemented and maintained. Other communication and dissemination projects implemented regularly and intensively in the mass media have produced positive changes in the public perception of IP issues.

Program 68 has encouraged the participation of a large number of producers and traders, especially in agricultural products

Through the implementation of the Program, there have been 50 collective organizations established in the form associations of producers and traders. This is seen as the pooling of strength and mobilization of social resources for development of production and business, contributing to the fulfillment of the Party's and Government's policies on the development of large sample rice fields and the new countryside.

Program 68 has contributed to improving the quality and competitiveness of products, contributing to sustainable socio-economic development

IP-protected products sold in the market are required to have quality controlled and guaranteed, as well as to meet the packaging and labeling requirements under strict procedures.

It has been shown from fieldwork by the Checking and Acceptance Boards of 2012 - 2015 and reports submitted by producers and traders and local authorities that:

+ The price of Moc Chau tea in packages bearing the geographical indication has gone up 1.7 to 2 times in comparison with the same products without GI packages;

Toàn cảnh Hội nghị toàn quốc về Xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ
National Conference on Development of IP Assets

cáo của một số đơn vị sản xuất và kinh doanh sản phẩm và địa phương cho thấy:

+ Giá bán các sản phẩm chè Mộc Châu có bao bì mang chỉ dẫn địa lý cao hơn từ 1,7 đến 2 lần các sản phẩm cùng loại không có bao bì mang chỉ dẫn địa lý;

+ Sản phẩm chè Tân Cương có bao bì mang chỉ dẫn địa lý có giá bán cao hơn khoảng 1,5 lần các sản phẩm cùng loại không có bao bì mang chỉ dẫn địa lý. Đặc biệt, hệ thống tem nhãn mang chỉ dẫn địa lý đã được Công ty Chè Hoàng Bình (một công ty chè lớn của tỉnh Thái Nguyên) sử dụng rất hiệu quả;

+ Sản phẩm gạo nếp cái hoa vàng Kinh Môn - Hải Dương: 1 kg gạo đóng bao bì mang nhãn hiệu tập thể được bán với giá 27.000 đồng/kg, trong khi gạo cùng loại không được đóng bao bì mang nhãn hiệu tập thể chỉ bán được với giá 22.000 đồng/kg;

+ Sản phẩm su su Sa Pa: Sau khi được bảo hộ, sản phẩm quả su su đã được các bạn hàng từ Trung Quốc yêu cầu đóng bao bì và gắn logo nhãn hiệu tập thể vào trước khi xuất khẩu. Đây là tín hiệu rất tích cực vì từ trước đến nay, khách hàng Trung Quốc hầu như chỉ nhập khẩu sản phẩm thô, không cần nhãn mác;

+ Các sản phẩm giống cây trồng của Hợp tác xã Cái Mơn, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre: Khách hàng từ Tây Nguyên và các tỉnh Nam Bộ khi nhập hàng từ các xã viên đều yêu cầu Hợp tác xã kiểm tra, đóng dấu xác nhận, gắn logo nhãn hiệu tập thể vào tem treo và giấy tờ giao dịch. Cây giống của Hợp tác xã Cái Mơn hiện đang được thị trường rất ưa chuộng do sản phẩm ngày càng được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ, số lượng cây giống tiêu thụ tăng trên 30% so với trước khi triển khai dự án.

Chương trình 68 là công cụ và là các căn cứ khoa học để định hướng người tiêu dùng sử dụng sản phẩm bảo đảm chất lượng

Đối với một số sản phẩm, quá trình xác lập quyền sở hữu trí tuệ đòi hỏi phải xây dựng được cơ sở khoa học về tiêu chí chất lượng và xuất xứ sản phẩm, việc quản lý quyền sở hữu trí tuệ phải thông qua các quy trình kiểm tra, đánh giá theo tiêu chí được bảo hộ. Qua đó sẽ giúp người tiêu dùng chủ động phân biệt được sản phẩm đáp ứng và không đáp ứng chất lượng và nguồn gốc xuất xứ từ việc bảo hộ và quản lý quyền sở hữu trí tuệ.

2. Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020

Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo Tờ trình số 4141/TTr-BKHCN ngày 30/10/2015. Chương trình giai đoạn 2016-2020 đã được xây dựng với quan điểm đổi mới, trong đó sẽ ưu tiên và tập trung hỗ trợ áp dụng sáng chế, sản phẩm quốc gia, sản phẩm chiến lược, phát triển thương hiệu có giá trị lớn của doanh nghiệp, hỗ trợ bảo hộ ra nước ngoài cho các sản phẩm của Việt Nam.

+ Tan Cuong tea in packages bearing the geographical indication is priced at 1.5 times higher than the same products without this package. In particular, Hoang Binh, a large tea company in Thai Nguyen province, has effectively exploited the labeling system by using the geographical indication;

+ For Kinh Mon hoa vang (yellow flowers) for sticky rice (Hai Duong province), 1 kg of rice contained in packages with the collective mark is priced at VND 27,000; while the same product without such packaging is sold at VND 22,000 per kg;

+ For Sa Pa chayote, since the collective mark has been protected, Chinese trading partners have requested the use of the protected collective mark on packages for export products. This is a positive sign since previously only raw materials without labels were imported;

+ For crop products of Cai Mon Cooperative, Cho Lach district, Ben Tre province, when customers from the Central Highlands and Southern provinces have imported products from members, they requested the Cooperative to inspect, authenticate, and affix labels with logos of protected collective trademarks and transaction documents. The crop products of Cai Mon Cooperative were favored in the market because of strict control of quality and origin, consequently the number of crop products sold have increased by over 30% compared to the previous project.

Program 68 has been considered as a tool and scientific basis to guide consumers to quality-guaranteed products

For certain products, the establishment of IP rights requires identifying scientific criteria for their quality and origin, therefore, the management of IP rights must be conducted following the established criteria. Thereby, the process of management of intellectual property rights will help consumers distinguish and identify whether relevant products meet the established criteria of quality and origin or not.

2. Formulation of the National Program for Development of Intellectual Property Assets in the period of 2016-2020

In preparation for the National Program for Development of Intellectual Property Assets in the period of 2016-2020, the Ministry of Science and Technology in collaboration with other ministries/ agencies and provinces prepared a draft of the Program and submitted it to the Prime Minister for consideration and approval by Circular No. 4141/TTr-BKHCN dated 30 October 2015. The Program for the period of 2016-2020 was developed with a new vision, focusing on and prioritizing support for the utilization of patents, national products, strategic products, and brand development of high-value enterprises and protection of Vietnamese IP rights abroad.

Triển lãm sản phẩm bên lề Hội nghị toàn quốc về Xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ

Exhibition of IP-protected products alongside the National Conference on Development of IP Assets

THIẾT BỊ
TIẾT KIỆM ĐIỆN CHO HỆ THỐNG
CHIẾU SÁNG ĐÈN HUỲNH QUANG
BK

Thực thi và giải quyết khiếu nại về sở hữu công nghiệp

Tập huấn về Thực thi quyền sở hữu trí tuệ
Training on IP Rights Enforcement

1. Giải quyết đơn khiếu nại, hủy bỏ hiệu lực, chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ

Năm 2015, công tác giải quyết khiếu nại về xác lập quyền được thực hiện nghiêm túc để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Cục Sở hữu trí tuệ đã nhận được 1.328 đơn khiếu nại các loại liên quan đến các quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ, trong đó đối với nhãn hiệu là 1.261, đối với kiểu dáng công nghiệp là 19, đối với sáng chế là 43 và đối với giải pháp hữu ích là 5. Trong số đó, 624 đơn khiếu nại hợp lệ.

Bên cạnh đó, Cục Sở hữu trí tuệ cũng nhận được 331 đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực/hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị chấm dứt/hủy bỏ hiệu lực do không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ.

2. Công tác phối hợp trong thực thi quyền sở hữu công nghiệp

Cục Sở hữu trí tuệ tham gia tích cực bằng nhiều hình thức vào các hoạt động thực thi quyền sở hữu công nghiệp, cụ thể là:

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trong khuôn khổ Ban chỉ đạo 389/TW và hỗ trợ cung cấp ý kiến chuyên môn đối với những vụ bắt giữ và xử lý hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

- Tham gia các cuộc họp của Hội chống hàng giả, bảo vệ người tiêu dùng.

- Phối hợp với các lực lượng chức năng trong công tác đào tạo cán bộ: chuẩn bị bài giảng và tham gia giảng bài 4 lớp cho Hải quan, Quản lý thị trường, Thanh tra, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Năm 2015, Cục đã trả lời 174 công văn đề nghị cung cấp ý kiến chuyên môn từ các cơ quan thực thi như Công an, Quản lý thị trường, các Sở Khoa học và Công nghệ, Hải quan, tăng 68% so với năm 2014. Trong đó có 5 vụ liên quan đến sáng chế, 1 vụ liên quan đến giải pháp hữu ích, 158 vụ liên quan đến nhãn hiệu, 10 vụ liên quan đến kiểu dáng công nghiệp.

Industrial property enforcement and appeal settlement

Hội thảo "Tăng cường thực thi quyền SHTT tại Việt Nam
Semina on strengthen IP Right Enforcement in Viet Nam

1. Settlement of appeal, cancellation and invalidation requests

By 2015, the settlement of appeals on the establishment of IP rights was taken seriously by the NOIP to meet the growing demands for the establishment of IP rights. Accordingly, the NOIP received 1,328 appeals against its decisions on refusal of granting IP protection titles (including 1,261 appeals related to trademarks, 19 to industrial designs, 43 to patents and 5 to utility solutions) and 624 of these appeals were considered valid.

In addition, the NOIP received 331 requests for cancellation/invalidation of protection titles by individuals, organizations and businesses on the ground that subject matters of those filed applications failed to satisfy the protection requirements.

2. Coordination of industrial property rights enforcement activities

The NOIP also actively participated in enforcement of industrial property rights through various forms, namely:

- Preparing periodical reports within the framework of the National Steering Committee on Combating Smuggling, Commercial Fraud and Counterfeit Goods (National Steering Committee 389/TW) and providing expert advice on seizures and handling of counterfeit or IPR-infringing goods.

- Participating in meetings of the Anti-Counterfeiting and Consumer Protection Association;

- Collaborating with other agencies to conduct training courses for IPR enforcement staff by giving lectures in four training courses for Customs, Market Surveillance Agencies, Inspectorates and the Departments of Science and Technology;

- Providing 174 expert comments for the Economic Police, Market Surveillance Agencies, Departments of Science and Technology, and Customs (an increase of 68% compared to 2014), including: 5 comments on patents, 1 on utility solutions, 158 on trademarks and 10 on industrial designs.

Quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp ở địa phương

1. Tổ chức bộ máy và nhân lực quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại các địa phương trong năm 2015 không có nhiều thay đổi, chức năng quản lý sở hữu trí tuệ vẫn chủ yếu được ghép chung với các lĩnh vực khác như an toàn bức xạ, thông tin... hoặc tại Phòng Quản lý chuyên ngành. Tính đến thời điểm hiện tại, có 9 Sở Khoa học và Công nghệ có bộ phận độc lập chuyên trách quản lý về sở hữu công nghiệp (Phòng Sở hữu trí tuệ). Số cán bộ phụ trách lĩnh vực sở hữu trí tuệ tại các địa phương giảm so với năm 2014 (144 so với 156) trong đó có 67 cán bộ chuyên trách và 77 cán bộ kiêm nhiệm.

2. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chính sách, biện pháp quản lý sở hữu trí tuệ

Trong năm vừa qua, nhờ công tác tuyên truyền, quảng bá về sở hữu trí tuệ được thực hiện một cách sâu rộng, các địa phương đã chú trọng nhiều hơn tới việc khuyến khích đổi mới sáng tạo trong đông đảo tầng lớp nhân dân. Điều này được thể hiện trong tỷ lệ các văn bản do địa phương ban hành trong năm 2015 (49 văn bản), trong số đó phần lớn là các quyết định liên quan đến việc tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật hoặc Hội thi Sáng tạo trẻ của địa phương.

Administration of industrial property activities at local levels

1. Organizational structure and human resources for the State management of industrial property at local levels

In 2015, the organization of the State management of industrial property at local levels remained stable. Accordingly, the function of the State management of industrial property is grouped with other issues such as radiation safety, science and technology information or combined with the Science and Technology Management Section under the provincial Departments of Science and Technology. For the time being, only 9 Departments of Science and Technology had set up independent sections taking responsibility for industrial property (Intellectual Property Division), and the number of staff in charge of intellectual property issues at local levels was down to 144 (compared to 156 of 2014), consisting of 67 full-time and 77 part-time staff.

2. Formulation and issuance of policies, legal documents and mechanisms guiding the State management of industrial property

In the past year, thanks to intensive and extensive dissemination and outreach activities of intellectual property, the localities have put more effort into encouraging the innovations and creativity of the local people. This was reflected in the numbers of documents issued by local authorities in 2015 (up to 49) – most of them were related to Contests on Technical Innovation or the Contest for Youth Innovations.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về sở hữu trí tuệ

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về sở hữu trí tuệ ngày càng được các tỉnh/thành phố quan tâm, thực hiện dưới nhiều hình thức như tập huấn, hội thảo, hội nghị, chương trình hợp tác trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, website…) cùng với sự phối hợp và hỗ trợ chặt chẽ của Cục Sở hữu trí tuệ. Ngoài việc mở rộng đối tượng tiếp cận là doanh nghiệp và công chúng với các nội dung cơ bản như phổ biến kiến thức tổng quan, pháp luật về sở hữu trí tuệ, hướng dẫn quy trình, thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ…, một trong những đối tượng được ưu tiên phổ biến, tuyên truyền về sở hữu trí tuệ trong năm 2015 là khối cơ quan chính sách (gồm các cán bộ quản lý của các Sở Khoa học và Công nghệ, ban, ngành, huyện, thị…) với những nội dung chuyên sâu hơn.

Trong năm 2015, các địa phương trong cả nước đã tổ chức 35 hội thảo, 120 lớp đào tạo, tập huấn và 74 lượt tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Công tác hướng dẫn xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp

Nhìn chung, công tác hướng dẫn các tổ chức, cá nhân ở địa phương xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là hoạt động thường xuyên của hầu hết các Sở Khoa học và Công nghệ. Đứng đầu về số lượt tư vấn vẫn là nhãn hiệu (4.230 lượt), tiếp theo là kiểu dáng công nghiệp (157 lượt) và sáng chế (145 lượt). Việc đưa vào sử dụng thư viện số trực tuyến về sở hữu công nghiệp trên trang tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ địa phương tư vấn chính xác hơn. Hoạt động tư vấn, xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại địa phương đã phần nào đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, dần tạo dựng được sự tin tưởng về chuyên môn của cán bộ địa phương, đồng thời góp phần giảm tải cho Cục Sở hữu trí tuệ.

5. Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ theo các Chương trình của địa phương

Cả nước hiện có 42/63 tỉnh/thành phố đã xây dựng và thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của địa phương mình. Trong năm 2015, đã có 123 dự án được triển khai thông qua các Chương trình này, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ việc tạo lập, bảo hộ quyền, phát triển và bảo vệ các tài sản trí tuệ của địa phương.

3. Dissemination and outreach activities on IP knowledge, legislation and policies

The dissemination and outreach of intellectual property knowledge, legislation and policies, with the close cooperation and strong support of the NOIP, have been more of an emphasis for provinces/cities, through various methods of training courses, seminars, conferences and mass media (newspapers, radio and websites). In addition to providing general background on intellectual property to businesses (general provisions of IP, registration procedures for IP rights), the dissemination and outreach of IP in 2015 in localities were focused on the staff of competent authorities, such as senior officials of the Departments of Science and Technology, other provincial departments, and district agencies, with intensive topics of IP.

Additionally, there have been 35 seminars, 120 training courses and 74 events in the mass media on intellectual property organized by localities in 2015 across the country.

4. Guidance on the establishment and protection of industrial property rights

Providing guidance and consultation on establishment and protection of intellectual property rights has been a regular activity of most provincial Departments of Science and Technology. The most popular consultations were made regarding trademarks (4,230), followed by industrial designs (157) and inventions (145). In this work, the availability of the NOIP's IP Digital Library on the website has created favorable conditions and facilitated consultants to have better and accurate advice. The fact also shows that guidance and consultation activities on the establishment and protection of IP rights in the localities have gradually been meeting the needs of enterprises, steadily raising confidence in the expertise of local staff and helping to reduce the workload of the NOIP.

5. Supporting activities for businesses in the development of IP assets under provincial programs

The statistics show that 42 out of 63 provinces/cities in the country are developing and implementing their own Programs on IP asset development. In

6. Công tác xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

Nạn hàng giả, hàng nhái vẫn là một vấn đề bức xúc trong cả nước. Việc xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp vẫn được các cơ quan có thẩm quyền các tỉnh/thành phố chủ động và tăng cường phối hợp xử lý. Trong các biện pháp xử lý xâm phạm, biện pháp xử lý hành chính vẫn được áp dụng nhiều và hiệu quả và được áp dụng cho phần lớn các vụ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp liên quan đến nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp, chi tiết được thể hiện qua thống kê dưới đây:

Các địa phương đã có những nỗ lực mạnh mẽ trong việc ngăn chặn và xử lý hàng giả, hàng xâm phạm. Mức phạt hành chính sau khi được điều chỉnh theo quy định mới của Nghị định 99/2013/NĐ-CP đã có tác dụng răn đe nhất định, nhận thức của doanh nghiệp và người dân cũng được nâng cao, từ đó dẫn tới số vụ bị xử lý vi phạm đang có xu hướng giảm xuống. Những địa phương đi đầu trong công tác thực thi, xử lý xâm phạm quyền trong năm qua có thể kể tới là Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, An Giang, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Lạng Sơn.

7. Công tác thúc đẩy hoạt động sáng tạo

Hoạt động thúc đẩy phong trào sáng kiến, sáng tạo của các tỉnh/thành phố đang có những bước chuyển biến tích cực, được triển khai ở hầu khắp các địa phương, chủ yếu dưới hình thức tổ chức các hội thi, trao giải thưởng sáng tạo kỹ thuật trên địa bàn tỉnh (thường niên hoặc 2 năm 1 lần). Trong năm qua, đã có 25/63 tỉnh/thành phố tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật hoặc Hội thi Sáng tạo trẻ với hàng nghìn giải pháp tham dự cùng hàng trăm giải thưởng được trao.

Bảng thống kê số liệu xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp trong những năm gần đây

Đơn vị tiền phạt: 1.000 VNĐ

Năm	Nhãn hiệu		Sáng chế/ Giải pháp hữu ích		Kiểu dáng công nghiệp		Chỉ dẫn địa lý	
	Số vụ	Tiền phạt	Số vụ	Tiền phạt	Số vụ	Tiền phạt	Số vụ	Tiền phạt
2011	1.561	9.021.421	04	10.000	107	264.354	39	18.250
2012	1.016	3.416.884	10	120.550	38	154.245	-	-
2013	2.147	18.422.475	-	-	67	199.250	02	4.000
2014	1.082	15.223.701	02	-	20	278.550	02	18.000
2015	1.450	12.426.159	02	-	28	132.250	20	48.658

2015, 123 projects under those Programs were fulfilled, significantly contributing to development, establishment and protection of IP in those provinces.

6. Enforcement of industrial property rights

Counterfeiting and piracy remained hot issues in the country and the competent bodies placed a serious focus on handling those illegal activities. The facts in Viet Nam show that administrative enforcement was considered the most effective enforcement measure and was applied most often to infringement of rights to trademarks and industrial designs. Details of handling infringements are shown in the table below:

Localities have made vigorous efforts to prevent and handle counterfeits and infringing goods. The higher level of administrative fines after being adjusted under Decree No. 99/2013/ND-CP of the Government on handling administrative violations in industrial property rights made a certain deterrent to infringements in addition to the improved awareness of industrial property of businesses and the people, leading to a decrease in numbers of violations. The most active provinces in handling infringements of industrial property rights could be named as follows: Ho Chi Minh City, Hai Phong, An Giang, Dong Nai, Binh Duong, Da Nang and Lang Son.

7. Promotion of innovative and creative activities

Promotion activities for innovation and creativity were actively implemented in most provinces/cities in various forms such as innovation competitions

Statistics on administrative enforcement of IPRs over the past 5 years

Unit: VND 1,000

Year	Trademarks		Patents/ Utility solutions		Industrial designs		Geographical indications	
	Number of cases	Fines	Number of cases	Fines	Number of cases	Fines	Number of cases	Fines
2011	1,561	9,021,421	04	10,000	107	264,354	39	18,250
2012	1,016	3,416,884	10	120,550	38	154,245	-	-
2013	2,147	18,422,475	-	-	67	199,250	02	4,000
2014	1,082	15,223,701	02	-	20	278,550	02	18,000
2015	1,450	12,426,159	02	-	28	132,250	20	48,658

8. Đánh giá chung

Hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ của địa phương trên toàn quốc trong năm 2015 vẫn được duy trì ổn định và có những bước chuyển biến tích cực. Vấn đề sở hữu trí tuệ đã được quan tâm và nhận thức đúng đắn hơn ở các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng.

Trong năm qua, hầu hết các địa phương đều tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ cũng như công tác hướng dẫn xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại các địa phương. Việc thúc đẩy phong trào sáng kiến, sáng tạo của các tỉnh/thành phố đã được triển khai rộng khắp tại nhiều địa phương trong cả nước. Nhiều địa phương đã chủ động ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động sáng kiến phù hợp với tình hình đặc trưng của địa phương mình. Đây là các hoạt động rất đáng khích lệ bởi thông qua các văn bản chính thức mà hoạt động này ngày càng phát triển, trở thành một trong những hoạt động quan trọng của mỗi địa phương. Tuy nhiên, vấn đề tiếp tục hỗ trợ phát triển các giải pháp được đánh giá cao vẫn chưa được quan tâm đúng mức, số lượng các giải pháp được hỗ trợ làm đơn đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp và hỗ trợ tiến tới sản xuất công nghiệp chưa nhiều và ở nhiều địa phương là hoàn toàn không có.

Hoạt động của các cơ quan quản lý sở hữu trí tuệ ở các địa phương mặc dù đã có những bước tiến nhất định, nhưng kết quả nói chung vẫn không đồng đều. Tại nhiều địa phương, hoạt động này chưa phát huy tác dụng tương xứng với vị trí, vai trò của cơ quan lãnh đạo, điều hành hoạt động sở hữu trí tuệ. Nhiều địa phương, nhất là ở những nơi mà hoạt động thị trường còn kém sôi động, hoạt động sở hữu trí tuệ còn đơn giản, vai trò quản lý nhà nước mờ nhạt, bị động, vẫn còn tình trạng trông chờ, ỷ lại hoặc giẫm chân lên nhau giữa các cơ quan quản lý có liên quan. Năng lực, kiến thức chuyên môn về sở hữu trí tuệ của các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở các địa phương còn chưa đầy đủ, tình trạng lúng túng trong việc thực hiện các chức năng của mình, trông chờ, lệ thuộc vào ý kiến của cơ quan chuyên môn ở Trung ương còn phổ biến.

Tọa đàm "Vai trò của Sở hữu trí tuệ trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương" tại Đà Nẵng, tháng 6/2015
Roundtable on "Roles of IP in socio-economic development of localities", Da Nang, June 2015

and innovation awards. In the past year, 25 out of 63 provinces/cities organized Technical Innovation Contests or Contests of Youth Innovations, attracting thousands of technical solutions. Hundreds of prizes were awarded to excellent solutions among those.

8. Conclusion

The State management activities of intellectual property at localities in 2015 were developed steadily with many positive signs. IP issues were the subject of more attention from local competent authorities, so the perception of departments, agencies and the business community has been constantly improved.

In the past year, most of the localities effectively conducted activities of dissemination and outreach of knowledge, legislation and policies, as well as guidance and consultation for the establishment and protection of IP rights. Communications about the promotion of innovation and creativity have been widely deployed in localities across the country. Many localities have actively issued documents relating to innovative activities in line with the specific situation of their localities. This was a very encouraging activity because through those documents, innovative and creative activities have been growing and playing more important roles in each locality. However, there was a lack of support for excellent technical solutions and only a small number of technical solutions received support for registration of industrial property protection and were put into production.

Although the performance of IP management agencies at localities in general made some progress, their results were generally uneven. The performance of many IP management agencies was not commensurate with their positions and roles as the leading agency of intellectual property in relevant localities. Notably, in many localities, especially those without active markets, intellectual property activities were simple, the role of the State management of IP was unclear, passive, and overlapped with and was dependent on the authorities concerned. The capacity and expertise in intellectual property rights enforcement agencies in localities were not sufficient in the implementation of its functions, so they had to rely on expert opinions of IP specialized agencies.

Quản lý hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

Có thể nói, năm 2015, công tác quản lý hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của Cục Sở hữu trí tuệ đã được triển khai chặt chẽ và có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, qua đó hỗ trợ một cách tích cực cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong việc xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp. Ngoài các hoạt động thường xuyên về quản lý hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp, Cục Sở hữu trí tuệ đã triển khai nhiều hoạt động liên quan đến lĩnh vực này như: tổ chức Tọa đàm về hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp; tổ chức kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp và tham gia Đoàn Thanh tra của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc chấp hành pháp luật về đại diện sở hữu công nghiệp…

1. Tọa đàm về hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp

Nắm bắt yêu cầu của thực tiễn và nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Cục Sở hữu trí tuệ với các Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong việc nâng cao chất lượng và đẩy mạnh hơn nữa công tác xác lập và thực thi quyền sở hữu công nghiệp, ngày 20/7/2015, Cục Sở hữu trí tuệ đã tổ chức Tọa đàm về hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp. Đây là hoạt động được xem như lần đầu tiên Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức. Tham dự Tọa đàm, ngoài các đơn vị có liên quan của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ, Báo Nhân dân và Hội Sở hữu trí tuệ, còn có hơn 70 đại biểu đại diện cho gần 60 tổ chức dịch vụ đại diện trong cả nước. Thông qua Tọa đàm, với tinh thần đóng góp, xây dựng nhằm tháo gỡ những vướng mắc đang tồn tại trong hoạt động sở hữu trí tuệ nói chung, hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp nói riêng, các tổ chức đại diện đã trao đổi thẳng thắn tập trung vào các vấn đề trọng tâm như giải pháp xử lý đơn tồn đọng, các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp và nhu cầu đào tạo chuyên sâu về sở hữu công nghiệp của các tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp. Đồng thời, cần nghiên cứu để có chính sách hỗ trợ nhằm tăng số lượng đơn đăng ký quyền sở hữu công nghiệp của người Việt Nam, nhất là đơn đăng ký sáng chế và cần tăng cường cơ sở dữ liệu phục vụ tra cứu nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho nghiên cứu - triển khai và xác lập quyền sở hữu công nghiệp. Lãnh đạo Cục Sở hữu trí tuệ đã ghi nhận và sẽ có nghiên cứu cụ thể và đưa ra giải pháp phù hợp trong thời gian tới nhằm khắc phục những khó khăn và tồn tại.

2. Kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp

Theo định kỳ hai năm một lần, Kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp năm 2015 được tổ chức trong các ngày 23-25 tháng 10 với sự tham dự của 127 thí sinh, trong đó 102 thí sinh tham dự tại Hà Nội và 25 thí sinh tham dự tại Thành phố Hồ Chí Minh. Để tạo điều kiện cho thí sinh cập nhật kiến thức và cách thức làm bài kiểm tra theo hướng vận dụng kiến thức chuyên môn áp dụng vào thực tiễn trong quá trình hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, Cục Sở hữu trí tuệ đã tổ chức hướng dẫn ôn tập miễn

Administration of industrial property representatives

It could be said, in 2015, that the administration of industrial property representative organizations by the NOIP was implemented effectively in order to improve the quality of their performance and services, thereby positively supporting individuals, organizations and businesses in the establishment and protection of industrial property rights. In addition to regular activities of the State management on industrial property representative organizations, the NOIP also implemented different activities for this type of stakeholder by organizing the Roundtable on Industrial Property Representative Organizations, examinations for industrial property representatives and inspections on the implementation of IP laws by industrial property representative organizations in cooperation with the Ministry of Science and Technology.

1. Roundtable on Industrial Property Representative Organizations

With a view to strengthening the relationship and promoting the understanding between the NOIP and industrial property representative organizations to improve their quality in the process of establishment and enforcement of industrial property rights, on July 20, 2015, the NOIP hosted a Roundtable on Industrial Property representative organizations for the first time. The Roundtable was attended by delegates from relevant bodies under the Ministry of Science and Technology, the People Newspaper, the Vietnamese Intellectual Property Association and 60 industrial property representative organizations from across the country. With the aim of exchanging information and offering recommendations on the existing problems in intellectual property in general and in industrial property representative organizations' activities in particular, at the Roundtable, delegates focused on discussing a range of issues related to industrial property application backlogs, legal provisions on industrial property representative organizations and industrial property agents and professional training courses for them. Furthermore, delegates also proposed supporting policies for advancing the number of Vietnamese industrial property applications, especially patent applications. They also made comments on the development of industrial property databases and search tools for effective support for research and deployment (R&D) and establishment of industrial property rights. At the Roundtable, the NOIP's leaders acknowledged all views and comments made by delegates and asked for competent bodies of the NOIP to propose the correct methods and solutions to those problems and difficulties in the coming time.

2. Professional examinations for industrial property representatives

Every two years, the NOIP organizes professional examinations for industrial property representatives and this professional examination was organized by NOIP in 2015 (from 23 to 25 October) with the

phí cho tất các thí sinh tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Việc hỗ trợ của Cục Sở hữu trí tuệ đối với thí sinh tham dự Kỳ kiểm tra được tất cả các thí sinh và xã hội đánh giá cao.

3. Thanh tra chấp hành pháp luật về đại diện sở hữu công nghiệp

Thực hiện quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thanh tra chấp hành pháp luật về đại diện sở hữu công nghiệp đối với các tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong thời gian gần 2 tháng, Cục Sở hữu trí tuệ đã cử cán bộ tham gia Đoàn Thanh tra của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thanh tra đối với 11 tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (6 tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp tại Hà Nội và 5 tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh). Qua thanh tra, thấy rằng về cơ bản các tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, không có tổ chức nào bị xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, cũng còn một số tổ chức cần phải rút kinh nghiệm và cần nâng cao trách nhiệm trong việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp đối với tổ chức, cá nhân (khách hàng) trong quá trình xác lập và thực thi quyền sở hữu công nghiệp.

4. Các hoạt động khác

Bên cạnh các hoạt động nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục thực hiện các công việc liên quan đến quản lý hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp. Có thể nói, năm 2015 là năm mà hoạt động quản lý đại diện sở hữu công nghiệp đã có chuyển biến rõ rệt và dần đi vào nền nếp thông qua việc nhiều Tổ chức đại diện đã chủ động và kịp thời thực hiện đúng các quy định của pháp luật về ghi nhận các thông tin liên quan đến thay đổi của Tổ chức và Người đại diện. Cụ thể là, Cục đã ghi nhận mới 9 Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; ghi nhận sửa đổi, bổ sung tên, tên giao dịch, tên viết tắt của 2 Tổ chức và sửa đổi, bổ sung địa chỉ giao dịch/chi nhánh/văn phòng đại diện của 9 tổ chức; ghi nhận bổ sung 13 cá nhân vào Danh sách người đại diện sở hữu công nghiệp thuộc 12 tổ chức; cấp lại 2 Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; xóa tên 2 tổ chức và 20 người đại diện sở hữu công nghiệp thuộc 14 tổ chức; gia hạn thời hạn ủy quyền của 2 cá nhân hoạt động cho 1 tổ chức; ghi nhận thay đổi tư cách đại diện của 2 cá nhân hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho 1 tổ chức.

Thứ trưởng kiêm Cục trưởng Trần Việt Thanh phát biểu tại Tọa đàm về hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp

Mr. Tran Viet Thanh, Vice Minister and Director General of the NOIP, making a speech at the Roundtable on Industrial Property Representative Organizations

participation of 127 candidates (102 in Hanoi and 25 in Ho Chi Minh City). To facilitate candidates, NOIP held free orientation courses for all candidates in both Hanoi and Ho Chi Minh City to update them with information and methods on utilizing industrial property expertise in practical cases during their work that were much appreciated by the candidates.

3. Inspections of legal execution of industrial property representatives

Pursuant to the decisions of the Minister of Science and Technology on inspection of the execution of legal provisions by Industrial property representative organizations and agents, NOIP officials were sent to join inspection teams hosted by the Ministry of Science and Technology to carry out the inspection of 11 Industrial property agents (6 in Hanoi and 5 in Ho Chi Minh City). It was found by inspections that Industrial property representative organizations and agents were executing and following the provisions of laws on Industrial property representation, no representative organization or agent was fined for its violations. However, some agents and representative organizations needed to learn from experience and improve accountability in the implementation of obligations of Industrial property agents and representative organizations with clients in the process of the establishment and enforcement of Industrial property rights.

4. Other activities

In additional to the above-mentioned activities, the NOIP also conducted other activities to manage the operation of Industrial property representative organizations. It could be said that in the year of 2015, the management of Industrial property representative organizations saw a clear transformation and gradually fell into a regular routine in which many Industrial property representative organizations and agents promptly adjusted their actions in recording changes in information of Industrial property representative organizations and agents in compliance with provisions of laws and regulations. Accordingly, 9 newly registered Industrial property representative organizations, 2 amendments of Industrial property representative organizations' trade names and abbreviations, and 9 amendments and supplements to transaction addresses/branches/representative offices of Industrial property representative organizations were recorded by the NOIP. Moreover, the NOIP also added 13 individuals (from 12 organizations) to the qualified industrial property representative list and reissued 2 Certificates for Industrial property agents, deleted 2 representative organizations and 20 agents (from 14 representative organizations) from the qualified lists, renewed the authorized time-period for 2 agents (of 1 organization) and recorded changes in legal standing of 2 agents (of 1 organization).

Tọa đàm về hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp
Roundtable on Industrial Property Representative Organizations

Phụ lục thống kê Statistics

Sáng chế và Giải pháp hữu ích
Patent and Utility solution

62

Đơn đăng ký sáng chế đã nộp từ năm1981 đến năm 2015 62

Invention applications filed from 1981 to 2015

Bằng độc quyền sáng chế đã cấp từ năm 1981 đến năm 2015 63

Invention patents granted from 1981 to 2015

Đơn đăng ký giải pháp hữu ích đã nộp từ năm 1989 đến năm 2015 65

Utility solution applications filed from 1989 to 2015

Bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp từ năm 1990 đến năm 2015 66

Utility solution patents granted from 1990 to 2015

Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ theo nước xuất xứ/vùng lãnh thổ từ năm 2000 đến năm 2015 69

Invention and utility solution applications directly filed with NOIP by country/territory of origin from 2000 to 2015

10 quốc gia có đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích nộp trực tiếp nhiều nhất năm 2015 71

Top ten countries by numbers of invention and utility solution applications filed directly with NOIP in 2015

Số lượng đơn đăng ký sáng chế của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2005 đến năm 2015 theo phân loại công nghệ 72

Invention applications by Vietnamese applicants and foreign applicants from 2005 to 2015 by technology classification

Số lượng bằng độc quyền sáng chế của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2005 đến năm 2015 theo phân loại công nghệ 74

Invention patents granted to Vietnamese applicants and foreign applicants from 2005 to 2015 by technology classification

Số lượng đơn đăng ký giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2005 đến năm 2015 theo phân loại công nghệ 76

Utility solution applications by Vietnamese applicants and foreign applicants from 2005 to 2015 by technology classification

Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2005 đến năm 2015 theo phân loại công nghệ 78

Utility solution patents granted to Vietnamese applicants and foreign applicants from 2005 to 2015 by technology classification

Mối tương quan giữa tổng sản phẩm trong nước (GDP) với số lượng đơn đăng ký và số lượng bằng độc quyền sáng chế giai đoạn 2001 - 2015 80

The correlation between GDP and invention applications/patents during 2001 – 2015

Kiểu dáng công nghiệp
Industrial design 81

Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp từ năm 1988 đến năm 2015 81
Industrial design applications filed from 1988 to 2015

Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp từ năm 1989 đến năm 2015 82
Industrial design patents granted from 1989 to 2015

Nhãn hiệu
Trademark 84

Đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia đã nộp từ năm 1982 đến năm 2015 84
National trademark applications filed from 1982 to 2015

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp từ năm 1982 đến năm 2015 85
Trademark certificates granted from 1982 to 2015

Đơn đăng ký nhãn hiệu theo nước xuất xứ (bao gồm đơn nộp trực tiếp cho Cục Sở hữu trí tuệ và đơn nộp thông qua Văn phòng quốc tế của WIPO), từ năm 2005 đến năm 2015 88
Trademark applications by country of origin (including applications directly filed with NOIP and through WIPO International Bureau) from 2005 to 2015

Đơn đăng ký nhãn hiệu nộp trực tiếp cho Cục Sở hữu trí tuệ theo nhóm hàng hóa/dịch vụ từ năm 2000 đến năm 2015 90
Trademark applications directly filed with NOIP by class of goods/services from 2000 to 2015

Chỉ dẫn địa lý
Geographical indication 93

Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý nộp vào Cục Sở hữu trí tuệ và giấy chứng nhận đã cấp từ năm 2001 đến năm 2015 93
Geographical indication applications filed with NOIP and certificates granted from 2001 to 2015

Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp
Transfer of industrial property rights 94

Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo chủ thể 94
Licensing contracts by holders

Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng 95
Licensing contracts by subject matters

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu theo chủ thể 96
Assignment contracts by holders

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu theo đối tượng 97
Assignment contracts by subject matters

Giải quyết khiếu nại về sở hữu công nghiệp
Settlement of industrial property appeals 98

Đơn khiếu nại về việc cấp Văn bằng bảo hộ 98
Appeals against granting of protection titles

Đơn đăng ký sáng chế đã nộp từ năm 1981 đến năm 2015

Invention applications filed from 1981 to 2015

Năm Year	**Số lượng đơn đăng ký sáng chế đã nộp** Filed invention applications		
	Người nộp đơn Việt Nam by Vietnamese	**Người nộp đơn nước ngoài** by Foreigners	**Tổng số** Total
1981-1988	453	7	460
1989	53	18	71
1990	62	17	79
1991	39	25	64
1992	34	49	83
1993	33	194	227
1994	22	270	292
1995	23	659	682
1996	37	971	1008
1997	30	1234	1264
1998	25	1080	1105
1999	35	1107	1142
2000	34	1205	1239
2001	52	1234	1286
2002	69	1142	1211
2003	78	1072	1150
2004	103	1328	1431
2005	180	1767	1947
2006	196	1970	2166
2007	219	2641	2860
2008	204	2995	3199
2009	258	2632	2890
2010	306	3276	3582
2011	301	3387	3688
2012	382	3577	3959
2013	443	3726	4169
2014	487	3960	4447
2015	583	4450	5033
Tổng số Total	**4741**	**45993**	**50734**

*** Thời điểm để lấy số liệu thống kê tính đến 31/12/2015**
Statistics is calculated up to 31 December 2015

Bằng độc quyền sáng chế đã cấp từ năm 1981 đến năm 2015

Invention patents granted from 1981 to 2015

Năm Year	**Số lượng bằng độc quyền sáng chế đã cấp** Granted invention patents		
	Người nộp đơn Việt Nam to Vietnamese	**Người nộp đơn nước ngoài** to Foreigners	**Tổng số** Total
1981-1989	74	7	81
1990	11	3	14
1991	14	13	27
1992	19	16	35
1993	3	13	16
1994	5	14	19
1995	3	53	56
1996	4	58	62
1997	0	111	111
1998	5	343	348
1999	13	322	335
2000	10	620	630
2001	7	776	783
2002	9	734	743
2003	17	757	774
2004	22	676	698
2005	27	641	668
2006	44	625	669
2007	34	691	725
2008	39	627	666
2009	29	677	706
2010	29	793	822
2011	40	945	985
2012	45	980	1025
2013	59	1203	1262
2014	36	1332	1368
2015	63	1325	1388
Tổng số Total	**661**	**14355**	**15016**

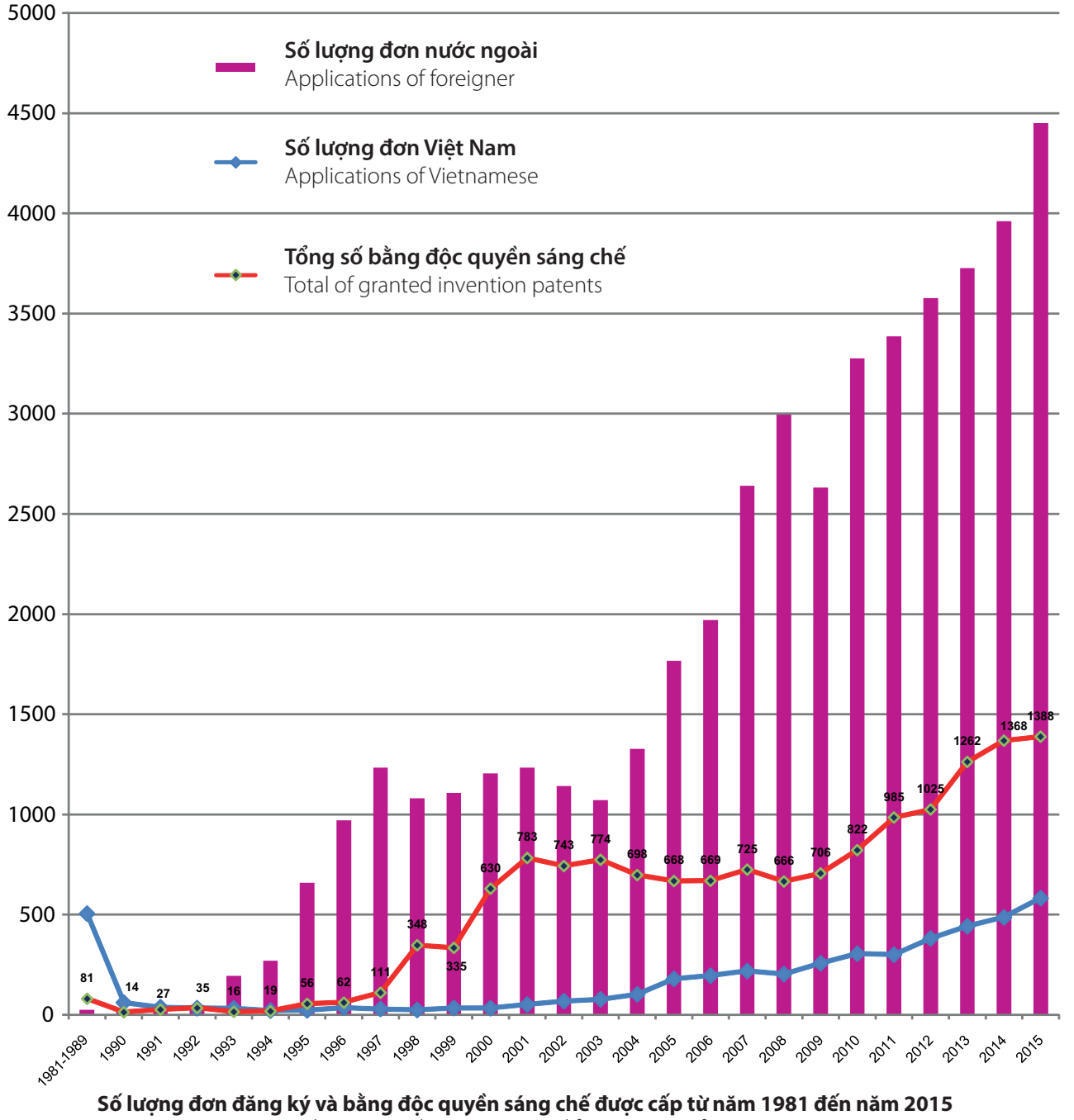

Số lượng đơn đăng ký và bằng độc quyền sáng chế được cấp từ năm 1981 đến năm 2015
Invention applications and patents granted for inventions from 1981 to 2015

Đơn đăng ký giải pháp hữu ích đã nộp từ năm 1989 đến năm 2015

Utility solution applications filed from 1989 to 2015

Năm Year	**Số lượng đơn đăng ký giải pháp hữu ích đã nộp** Filed utility solution applications		
	Người nộp đơn Việt Nam by Vietnamese	**Người nộp đơn nước ngoài** by Foreigners	**Tổng số** Total
1989	25	0	25
1990	39	25	64
1991	52	01	53
1992	32	01	33
1993	38	20	58
1994	34	24	58
1995	26	39	65
1996	41	38	79
1997	24	42	66
1998	15	13	28
1999	28	14	42
2000	35	58	93
2001	35	47	82
2002	67	64	131
2003	76	51	127
2004	103	62	165
2005	182	66	248
2006	160	76	236
2007	120	100	220
2008	116	168	284
2009	133	120	253
2010	215	84	299
2011	193	114	307
2012	198	100	298
2013	227	104	331
2014	246	127	373
2015	310	140	450
Tổng số Total	**2770**	**1698**	**4468**

Bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp từ năm 1990 đến năm 2015

Utility solution patents granted from 1990 to 2015

Năm Year	**Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp** Granted utility solution patents		
	Người nộp đơn Việt Nam to Vietnamese	**Người nộp đơn nước ngoài** to Foreigners	**Tổng số** Total
1990	23	0	23
1991	44	1	45
1992	23	1	24
1993	9	1	10
1994	18	9	27
1995	8	16	24
1996	5	6	11
1997	8	12	20
1998	3	14	17
1999	6	12	18
2000	10	13	23
2001	17	9	26
2002	21	26	47
2003	28	27	55
2004	44	25	69
2005	41	33	74
2006	45	25	70
2007	49	36	85
2008	48	27	75
2009	45	19	64
2010	35	23	58
2011	46	23	69
2012	59	28	87
2013	74	33	107
2014	66	20	86
2015	86	31	117
Tổng số Total	**861**	**470**	**1331**

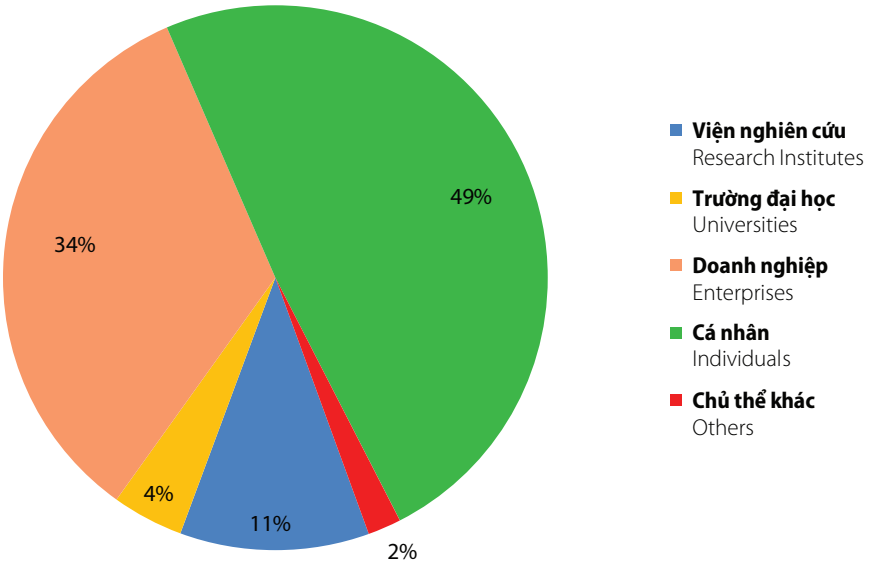

Bằng độc quyền sáng chế và giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2000 đến năm 2015 theo chủ thể
Patents granted for Vietnamese inventions and utility solutions by holders from 2000 to 2015

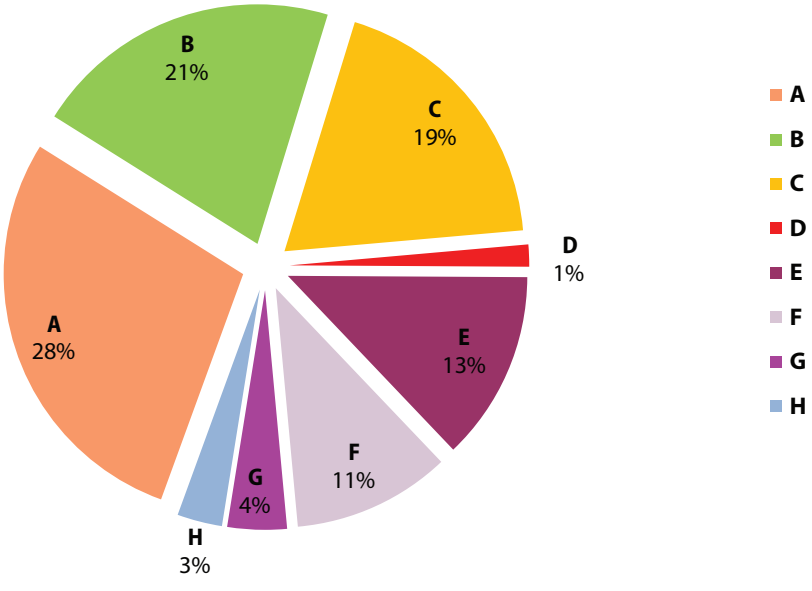

Bằng độc quyền sáng chế và giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2000 đến năm 2015 theo Phân loại sáng chế quốc tế (IPC)
Patents granted for Vietnamese inventions and utility solutions from 2000 to 2015 by IPC

A Các nhu cầu của đời sống con người - *Human necessities*
B Các quy trình công nghệ; giao thông vận tải - *Performing operations; transporting*
C Hóa học; luyện kim - *Chemistry; metallurgy*
D Dệt; giấy - *Textiles; paper*
E Công trình xây dựng cố định - *Fixed constructions*
F Cơ khí; chiếu sáng; cấp nhiệt; vũ khí; kỹ thuật nổ - *Mechanical engineering; lighting; heating; weapons; blasting*
G Vật lý - *Physics*
H Điện - *Electricity*

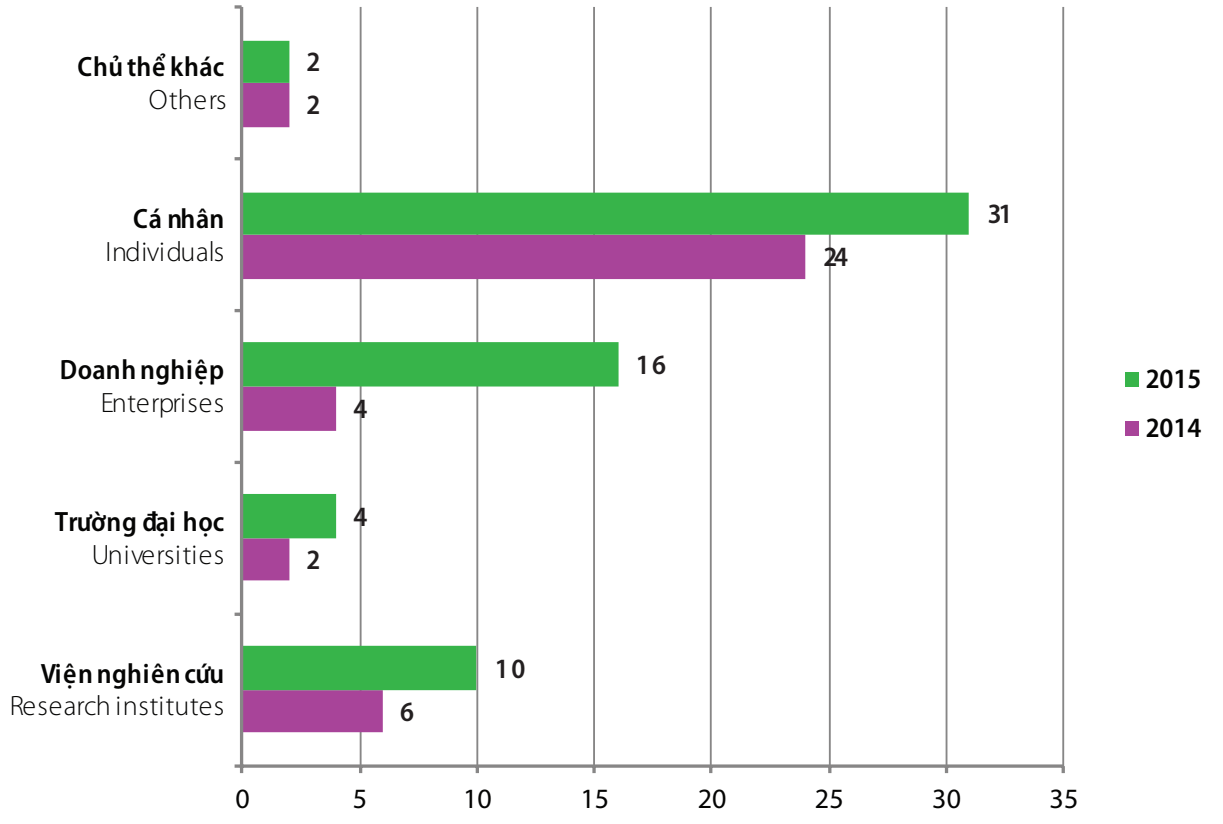

Số lượng bằng độc quyền sáng chế của người nộp đơn Việt Nam năm 2015 so với năm 2014 theo chủ thể
Patents granted for Vietnamese inventions by holders in 2015 in comparison with 2014

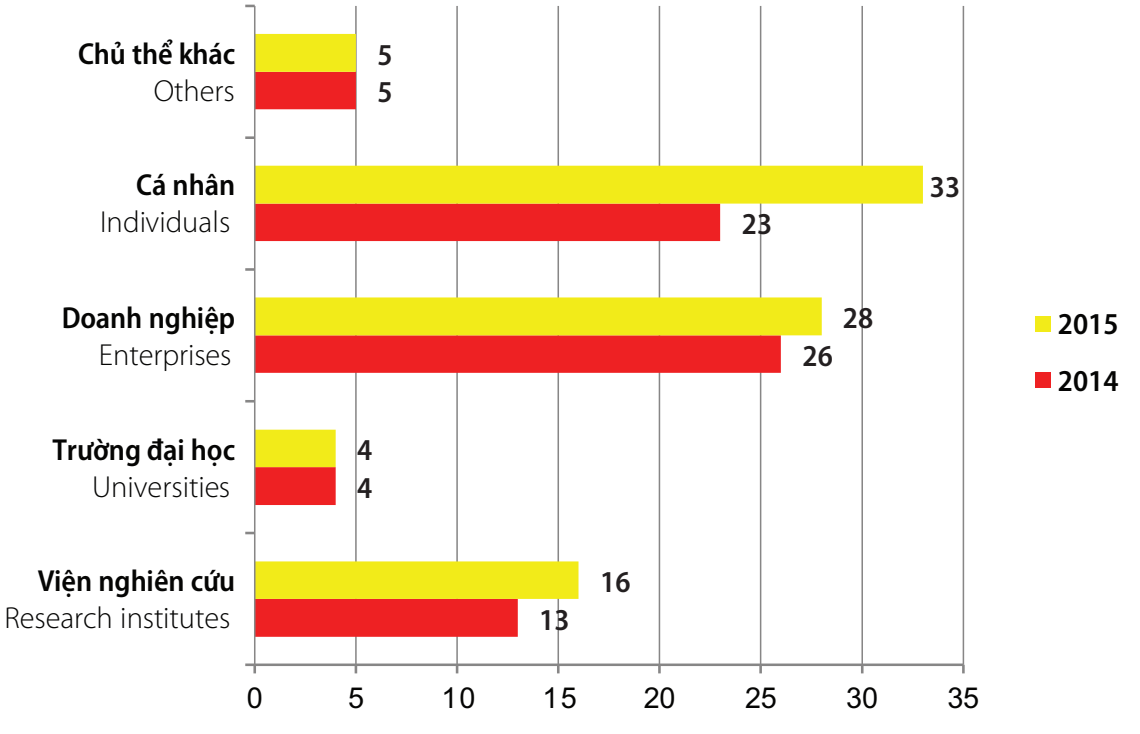

Bằng độc quyền giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam năm 2015 so với năm 2014 theo chủ thể
Patents granted for Vietnamese utility solutions by holders in 2015 in comparison with 2014

Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ theo nước xuất xứ/ vùng lãnh thổ từ năm 2000 đến năm 2015

Invention and utility solution applications directly filed with NOIP by country/territory of origin from 2000 to 2015

Năm Year / Nước/vùng lãnh thổ xuất xứ Country/Territory of origin	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Ôxtrâylia (AU) Australia	18	20	15	21	30	31	31	39	61	36	41	53	28	34	43	44
Bỉ (BE) Belgium	17	23	15	16	24	28	46	84	80	58	53	45	47	37	29	42
Canađa (CA) Canada	11	10	11	5	25	14	13	16	18	8	17	28	24	25	22	16
Thụy Sỹ (CH) Switzerland	51	62	0	59	97	93	56	107	135	118	153	154	200	192	205	189
Trung Quốc (CN) China	29	86	15	18	10	19	27	63	87	117	139	150	142	146	196	268
CHLB Đức (DE) Germany	90	129	119	91	134	165	185	215	235	195	216	282	206	206	214	212
Đan Mạch (DK) Denmark	11	15	11	16	25	17	33	30	45	33	35	48	19	28	33	28
Pháp (FR) France	88	69	58	40	43	74	79	92	120	107	140	144	138	127	127	118
Anh (GB) Great Britain	59	62	34	45	31	61	70	83	98	59	71	63	63	63	67	41
Italia (IT) Italy	3	8	17	11	27	23	30	34	35	44	41	47	43	46	45	66
Nhật Bản (JP) Japan	218	271	257	261	257	376	357	425	632	632	823	894	1216	1248	1310	1370
Hàn Quốc (KR) Republic of Korea	29	36	41	47	50	67	112	174	175	195	191	173	244	274	337	529
Hà Lan (NL) Netherlands	65	52	80	37	59	66	68	117	113	107	98	118	96	115	99	126
Na Uy (NO) Norway	7	10	7	7	7	7	16	9	14	13	10	9	19	14	16	8
Thụy Điển (SE) Sweden	18	11	6	1	2	9	11	10	19	13	51	35	29	40	40	54
Đài Loan (Trung Quốc) (TW) Chinese Taipei	47		92	73	106	142	137	247	321	192	202	187	181	185	184	173
Mỹ (US) The United States of America	437	349	277	278	356	523	564	738	692	595	832	765	684	756	765	968
Việt Nam (VN) Viet Nam	69	85	134	149	206	362	196	339	320	391	521	493	580	670	733	893
Các nước khác Other countries/territories	65	70	153	102	107	116	371	763	283	230	247	307	298	294	355	340
Tổng số Total	**1332**	**1368**	**1342**	**1277**	**1596**	**2195**	**2402**	**3585**	**3483**	**3143**	**3881**	**3995**	**4257**	**4500**	**4820**	**5483**

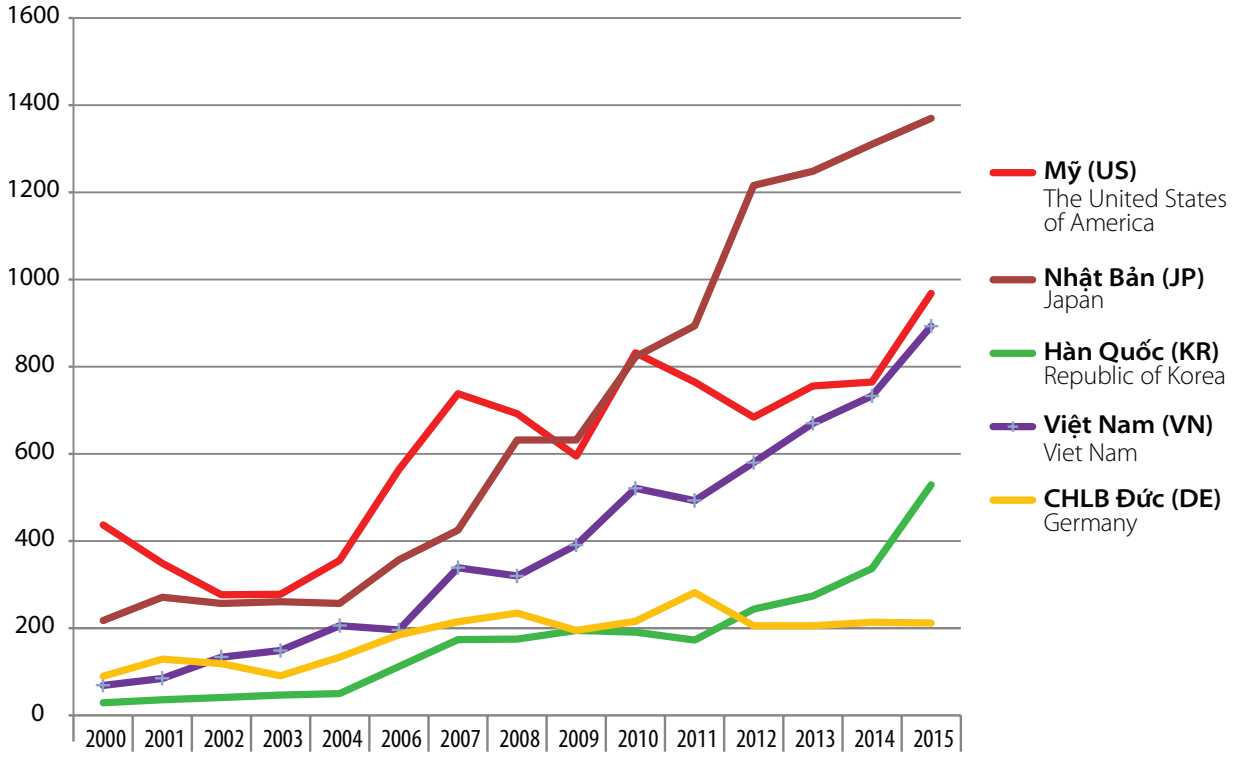

Sự gia tăng đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích của một số nước có đơn nộp nhiều nhất trong giai đoạn 2000 - 2015

The increase in invention and utitlity solution applications of top countries during 2000 - 2015

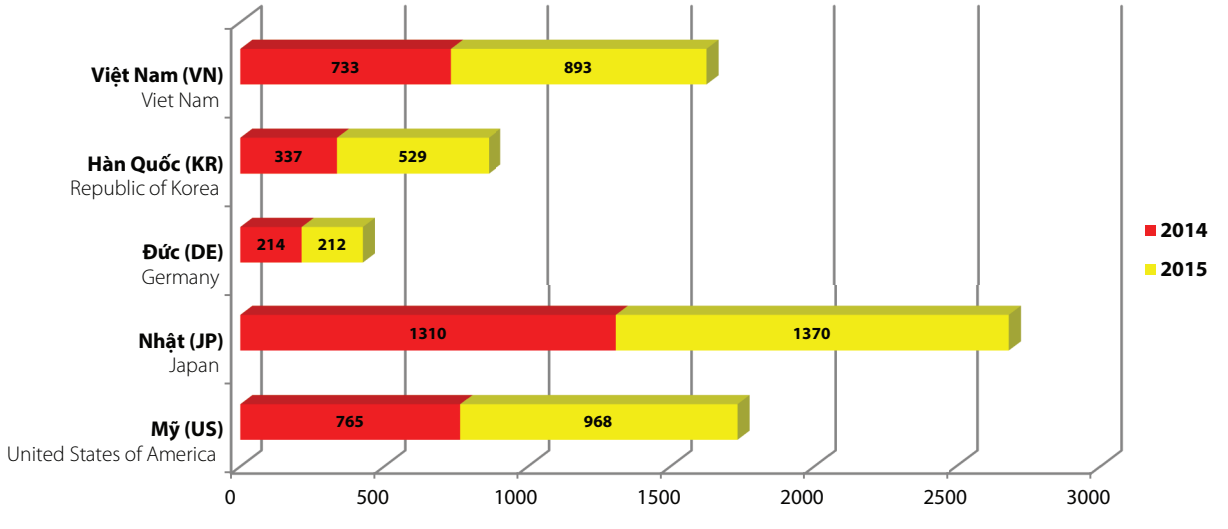

Số lượng đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích của một số nước có đơn nộp nhiều nhất năm 2015 so với năm 2014

The increase in invention and utitlity solution applications of top countries in 2015 in comparison with 2014

10 quốc gia có số lượng đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích nộp trực tiếp nhiều nhất năm 2015

Top ten countries by numbers of invention and utility solution applications filed directly with NOIP in 2015

STT No	Tên nước/vùng lãnh thổ Country/Territory of origin	Đơn sáng chế Invention applications	Đơn GPHI Utility solution applications	Tổng số đơn nộp Number of applications
1	**Nhật Bản (JP)** Japan	1344	26	1370
2	**Mỹ (US)** The United States of America	962	6	968
3	**Việt Nam (VN)** Viet Nam	583	310	893
4	**Hàn Quốc (KR)** Republic of Korea	527	2	529
5	**Trung Quốc (CN)** China	257	11	268
6	**CHLB Đức (DE)** Germany	212	0	212
7	**Thụy Sỹ (CH)** Switzerland	189	0	189
8	**Đài Loan (Trung Quốc) (TW)** Chinese Taipei	96	77	173
9	**Hà Lan (NL)** Netherlands	125	1	126
10	**Pháp (FR)** France	117	1	118

Số lượng đơn đăng ký sáng chế của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2005 đến năm 2015 theo phân loại công nghệ

Invention applications by Vietnamese applicants and foreign applicants from 2005 to 2015 by technology classification

STT No	Phạm vi, lĩnh vực (Area, field)	2005		2006		2007		2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015	
		VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	**Máy móc, thiết bị, năng lượng điện** (Electrical machinery, apparatus, energy)	3	59	9	58	6	115	7	121	7	95	12	111	12	153	11	148	18	167	25	171	22	191
2	**Công nghệ nghe-nhìn** (Audio-visual technology)	1	55	1	57	3	78	0	105	1	102	1	94	0	106	3	154	6	194	2	258	2	304
3	**Viễn thông** (Telecommunications)	0	55	1	63	1	127	1	149	2	171	2	147	3	80	2	61	2	80	2	51	2	100
4	**Truyền thông kỹ thuật số** (Digital communication)	0	26	0	74	1	99	3	117	0	140	1	197	0	92	5	92	3	63	2	63	2	88
5	**Các phương pháp thông tin căn bản** (Basic communication processes)	1	1	0	6	1	11	1	17	0	10	0	15	3	6	2	27	3	16	0	22	0	13
6	**Công nghệ máy tính** (Computer technology)	3	28	3	49	1	67	2	64	2	46	4	86	5	91	6	118	11	134	6	132	11	205
7	**Các phương pháp công nghệ thông tin để quản lý** (IT methods for management)	0	0	0	0	0	1	0	17	0	17	1	13	0	22	2	19	5	36	2	41	3	49
8	**Các dụng cụ bán dẫn** (Semiconductors)	0	10	0	17	0	11	0	18	1	13	0	23	0	51	2	40	1	39	1	31	0	49
9	**Quang học** (Optics)	1	61	0	21	0	44	1	52	1	41	3	29	1	42	1	56	2	80	1	81	1	111
10	**Đo** (Measurement)	3	35	2	49	2	69	5	88	3	50	5	76	7	94	5	71	8	74	17	94	18	89
11	**Phân tích vật liệu sinh học** (Analysis of biological materials)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	**Điều khiển** (Control)	0	16	4	11	2	10	3	21	3	11	3	28	1	24	5	27	6	55	9	68	6	69
13	**Kỹ thuật y học** (Medical technology)	3	62	8	59	1	75	6	81	5	73	7	125	5	110	3	124	16	140	15	171	16	143
14	**Hóa chất hữu cơ tinh khiết** (Organic fine chemistry)	1	121	3	138	2	163	4	140	3	124	8	163	11	164	7	149	8	169	17	164	16	144
15	**Công nghệ sinh học** (Biotechnology)	2	54	5	66	10	100	1	92	7	85	10	89	8	163	12	127	11	150	13	161	25	161
16	**Dược phẩm** (Pharmaceuticals)	8	508	9	588	14	695	10	736	6	605	9	691	14	750	29	668	13	629	19	663	30	808

STT No	Phạm vi, lĩnh vực (Area, field)	2005		2006		2007		2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015	
		VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
17	**Hóa học cao phân tử, vật liệu polyme** (Macromolecular chemistry, polymers)	3	49	1	61	1	69	0	136	5	79	8	92	5	114	8	111	5	142	3	125	7	131
18	**Hóa thực phẩm** (Food chemistry)	10	60	4	90	7	96	5	106	10	87	19	116	6	143	9	174	26	181	17	178	13	196
19	**Vật liệu hóa học cơ bản** (Basic materials chemistry)	6	135	13	188	23	245	15	313	10	278	17	313	9	398	28	395	20	434	38	410	22	369
20	**Vật liệu, luyện kim** (Materials, metallurgy)	7	38	17	52	8	102	3	152	19	104	9	111	18	146	13	212	13	221	10	275	19	240
21	**Công nghệ xử lý bề mặt, phủ bề mặt** (Surface technology, coating)	1	38	1	41	5	86	2	105	1	99	5	77	4	112	4	117	3	153	11	152	13	149
22	**Công nghệ nano và vi cấu trúc** (Micro-structure and nano-technology)	0	4	1	1	0	5	0	0	3	0	0	0	1	0	1	3	1	0	4	2	1	4
23	**Kỹ thuật hóa học** (Chemical engineering)	16	49	9	87	17	119	16	147	21	127	18	157	15	168	23	221	40	241	25	232	25	196
24	**Công nghệ môi trường** (Environmental technology)	5	27	11	41	11	70	8	62	19	84	6	68	11	90	14	89	24	115	37	91	32	71
25	**Vận hành, xử lý** (Handling)	4	64	1	43	6	92	5	89	3	78	8	99	4	102	13	139	8	148	3	149	11	173
26	**Máy công cụ** (Machine tools)	6	48	5	45	8	77	2	71	5	48	5	64	2	65	4	122	2	111	5	150	13	133
27	**Động cơ, máy bơm, tuabin** (Engines, pumps, turbines)	10	72	13	62	8	84	9	88	14	100	8	111	14	95	8	146	24	135	20	101	20	112
28	**Máy dệt, máy sản xuất giấy** (Textile and paper machines)	5	37	4	46	2	57	4	88	1	67	3	75	3	86	4	114	5	105	2	125	7	146
29	**Các máy móc chuyên dụng khác** (Other special machines)	21	54	17	72	17	98	11	102	22	104	28	107	31	126	29	152	38	175	35	169	40	217
30	**Các phương pháp và thiết bị nhiệt** (Thermal processes and apparatus)	1	22	6	38	3	36	6	40	7	29	7	63	3	71	15	67	7	78	7	95	9	86
31	**Chi tiết cơ khí** (Mechanical elements)	3	48	6	69	9	76	13	85	6	84	4	103	9	118	12	100	5	116	12	133	10	89
32	**Giao thông vận tải** (Transport)	12	124	9	113	9	105	11	143	12	138	13	135	19	145	15	208	25	194	16	202	24	211
33	**Đồ nội thất, trò chơi** (Furniture, games)	7	29	8	25	8	34	8	51	13	41	8	57	11	39	11	47	9	49	15	75	14	54
34	**Hàng tiêu dùng khác** (Other consumer goods)	6	74	7	54	13	88	5	100	7	94	8	97	7	99	17	146	3	130	7	177	15	206
35	**Kỹ thuật xây dựng dân dụng** (Civil engineering)	22	55	9	53	17	70	24	100	27	91	19	90	22	127	27	157	22	137	35	156	69	143

VN: Người nộp đơn Việt Nam - *Vietnamese applicants*
NN: Người nộp đơn nước ngoài - *foreigner applicants*

Số lượng bằng độc quyền sáng chế của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2005 đến năm 2015 theo phân loại công nghệ

Invention patents granted to Vietnamese applicants and foreign applicants from 2005 to 2015 by technology classification

STT No	Phạm vi, lĩnh vực (Area, field)	2005		2006		2007		2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015	
		VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	**Máy móc, thiết bị, năng lượng điện** (Electrical machinery, apparatus, energy)	0	24	1	29	1	35	1	35	1	33	0	58	1	47	1	46	2	41	2	50	0	59
2	**Công nghệ nghe-nhìn** (Audio-visual technology)	0	23	0	27	0	18	0	29	0	26	0	23	1	32	1	27	0	40	0	54	0	63
3	**Viễn thông** (Telecommunications)	0	17	0	15	0	27	0	20	0	41	1	40	0	42	0	62	1	74	0	80	3	53
4	**Truyền thông kỹ thuật số** (Digital communication)	0	1	0	8	0	9	0	12	0	23	1	41	1	27	0	54	0	56	0	79	0	62
5	**Các phương pháp thông tin căn bản** (Basic communication processes)	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	4	0	4	0	6	0	7	1	13
6	**Công nghệ máy tính** (Computer technology)	0	9	0	19	0	14	0	15	0	20	0	14	1	21	0	19	0	24	1	36	1	57
7	**Các phương pháp công nghệ thông tin để quản lý** (IT methods for management)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	0	2	0	4	0	3	1	6
8	**Các dụng cụ bán dẫn** (Semiconductors)	0	5	0	1	0	5	0	5	0	6	0	7	0	6	0	7	0	4	0	6	0	15
9	**Quang học** (Optics)	0	6	0	1	0	2	0	6	0	15	1	18	1	19	1	12	0	13	0	18	1	20
10	**Đo** (Measurement)	0	13	2	19	2	12	1	9	0	16	1	20	2	26	0	20	0	27	0	27	2	27
11	**Phân tích vật liệu sinh học** (Analysis of biological materials)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	**Điều khiển** (Control)	0	5	0	5	0	3	1	5	1	5	1	2	1	6	2	5	0	4	0	10	0	21
13	**Kỹ thuật y học** (Medical technology)	3	43	3	32	0	21	0	26	1	18	3	27	1	24	1	24	2	40	0	41	3	26
14	**Hóa chất hữu cơ tinh khiết** (Organic fine chemistry)	0	49	0	35	0	50	0	41	1	41	2	65	4	35	0	58	1	61	1	48	3	54
15	**Công nghệ sinh học** (Biotechnology)	0	17	4	13	0	18	3	13	1	13	1	18	1	19	1	24	1	32	3	34	4	26
16	**Dược phẩm** (Pharmaceuticals)	2	126	3	147	5	169	2	166	2	175	2	153	0	227	3	208	2	218	2	202	4	202

STT No	Phạm vi, lĩnh vực (Area, field)	2005		2006		2007		2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015	
		VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
17	**Hóa học cao phân tử, vật liệu polyme** (Macromolecular chemistry, polymers)	1	17	2	16	0	36	0	23	0	20	1	21	0	28	0	54	0	33	0	41	0	26
18	**Hóa thực phẩm** (Food chemistry)	1	19	1	9	0	13	0	19	0	16	2	23	2	24	2	17	0	40	2	38	0	31
19	**Vật liệu hóa học cơ bản** (Basic materials chemistry)	3	58	3	47	3	63	3	56	2	53	1	63	5	83	2	84	10	113	2	129	2	134
20	**Vật liệu, luyện kim** (Materials, metallurgy)	3	17	1	19	1	19	2	21	5	26	2	26	2	33	6	43	2	48	2	68	4	63
21	**Công nghệ xử lý bề mặt, phủ bề mặt** (Surface technology, coating)	0	30	0	18	0	19	0	15	2	16	0	20	0	30	0	37	1	39	1	55	0	45
22	**Công nghệ nano và vi cấu trúc** (Micro-structure and nano-technology)	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0
23	**Kỹ thuật hóa học** (Chemical engineering)	3	33	6	10	5	21	5	21	1	17	0	26	2	31	8	50	7	57	1	61	4	68
24	**Công nghệ môi trường** (Environmental technology)	2	5	5	7	3	9	3	13	1	13	1	11	4	23	9	25	5	32	2	31	2	30
25	**Vận hành, xử lý** (Handling)	0	22	0	25	1	26	0	12	1	27	0	29	0	32	1	27	0	40	1	34	3	38
26	**Máy công cụ** (Machine tools)	2	8	1	9	1	27	2	12	0	14	1	18	1	31	0	32	1	30	0	40	0	46
27	**Động cơ, máy bơm, tuabin** (Engines, pumps, turbines)	0	53	4	55	3	26	1	30	1	29	3	24	6	51	2	50	5	61	2	67	5	69
28	**Máy dệt, máy sản xuất giấy** (Textile and paper machines)	0	15	4	20	0	21	2	21	0	14	0	34	0	31	0	22	0	41	0	42	1	39
29	**Các máy móc chuyên dụng khác** (Other special machines)	2	26	3	21	3	21	5	25	3	20	1	35	2	35	2	35	5	41	5	50	6	33
30	**Các phương pháp và thiết bị nhiệt** (Thermal processes and apparatus)	1	8	0	11	0	17	2	15	1	11	0	12	1	14	1	19	1	19	0	27	1	32
31	**Chi tiết cơ khí** (Mechanical elements)	0	34	3	34	1	17	2	25	2	23	0	23	4	52	0	37	2	44	1	63	4	53
32	**Giao thông vận tải** (Transport)	2	41	4	36	2	51	3	47	0	37	1	57	4	53	3	77	6	103	3	106	6	128
33	**Đồ nội thất, trò chơi** (Furniture, games)	1	8	1	6	1	11	2	6	1	5	1	8	3	15	2	12	3	27	2	6	3	9
34	**Hàng tiêu dùng khác** (Other consumer goods)	3	35	2	21	1	38	4	18	0	20	1	38	1	30	3	33	0	51	0	54	1	53
35	**Kỹ thuật xây dựng dân dụng** (Civil engineering)	6	32	7	25	8	31	8	13	8	23	4	31	2	35	7	45	10	52	8	79	12	58

VN: Người nộp đơn Việt Nam - *Vietnamese applicants*
NN: Người nộp đơn nước ngoài - *foreign applicants*

Số lượng đơn đăng ký giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2005 đến năm 2015 theo phân loại công nghệ

Utility solution applications by Vietnamese applicants and foreign applicants from 2005 to 2015 by technology classification

STT No	Phạm vi, lĩnh vực (Area, field)	2005		2006		2007		2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015	
		VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	**Máy móc, thiết bị, năng lượng điện** (Electrical machinery, apparatus, energy)	3	2	4	5	4	11	5	23	3	7	10	4	3	10	4	8	16	15	11	13	10	2
2	**Công nghệ nghe-nhìn** (Audio-visual technology)	2	0	0	3	0	3	2	1	0	3	0	2	2	1	0	1	4	3	3	2	1	1
3	**Viễn thông** (Telecommunications)	2	0	0	1	2	0	3	1	1	0	0	0	2	1	1	0	4	3	3	6	5	2
4	**Truyền thông kỹ thuật số** (Digital communication)	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	5	0	1	0
5	**Các phương pháp thông tin căn bản** (Basic communication processes)	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0
6	**Công nghệ máy tính** (Computer technology)	3	0	1	1	0	0	1	4	0	5	2	3	2	7	0	4	4	2	11	0	6	1
7	**Các phương pháp công nghệ thông tin để quản lý** (IT methods for management)	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	2	0	0	0	0	0	0	0
8	**Các dụng cụ bán dẫn** (Semiconductors)	0	0	0	1	0	2	0	1	0	0	1	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	3
9	**Quang học** (Optics)	1	2	1	2	1	0	0	0	0	2	1	1	0	0	0	0	0	1	1	2	1	2
10	**Đo** (Measurement)	7	1	8	0	2	3	1	3	4	2	7	5	1	4	2	1	4	2	7	2	10	0
11	**Phân tích vật liệu sinh học** (Analysis of biological materials)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	**Điều khiển** (Control)	4	1	2	1	0	2	2	1	1	3	3	0	2	3	6	1	2	0	3	2	7	0
13	**Kỹ thuật y học** (Medical technology)	3	3	2	3	2	2	4	3	1	1	11	1	9	1	5	2	4	4	8	3	11	7
14	**Hóa chất hữu cơ tinh khiết** (Organic fine chemistry)	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	2	0	3	1	6	0	10	0	3	1	3	0
15	**Công nghệ sinh học** (Biotechnology)	17	0	6	1	3	0	1	0	8	0	8	0	10	3	11	1	10	0	5	0	20	0
16	**Dược phẩm** (Pharmaceuticals)	4	2	4	0	2	1	4	1	5	1	9	0	7	0	8	1	9	1	10	2	9	3

STT No	Phạm vi, lĩnh vực (Area, field)	2005		2006		2007		2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015	
		VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
17	**Hóa học cao phân tử, vật liệu polyme** (Macromolecular chemistry, polymers)	2	1	2	0	4	0	0	0	1	0	5	0	0	0	4	0	3	2	2	1	6	0
18	**Hóa thực phẩm** (Food chemistry)	10	3	3	0	7	0	1	2	6	0	8	2	7	0	11	0	5	2	6	0	29	2
19	**Vật liệu hóa học cơ bản** (Basic materials chemistry)	7	2	6	3	4	0	3	1	9	4	8	0	9	1	15	5	11	1	25	2	23	2
20	**Vật liệu, luyện kim** (Materials, metallurgy)	1	0	10	0	2	2	1	2	6	1	11	0	3	3	6	1	11	2	7	2	13	4
21	**Công nghệ xử lý bề mặt, phủ bề mặt** (Surface technology, coating)	1	1	3	2	0	1	1	13	2	5	3	1	2	2	2	3	5	1	0	5	10	4
22	**Công nghệ nano và vi cấu trúc** (Micro-structure and nano-technology)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	**Kỹ thuật hóa học** (Chemical engineering)	10	2	6	7	3	6	3	11	8	2	9	3	9	6	17	10	18	3	17	7	11	13
24	**Công nghệ môi trường** (Environmental technology)	9	0	4	3	1	3	6	3	5	0	10	1	18	4	11	5	12	1	16	3	21	4
25	**Vận hành, xử lý** (Handling)	7	7	7	14	8	6	5	8	7	8	7	7	2	7	5	11	8	12	7	10	5	10
26	**Máy công cụ** (Machine tools)	4	6	2	4	7	10	1	8	1	10	2	3	2	3	4	2	7	3	4	0	4	7
27	**Động cơ, máy bơm, tuabin** (Engines, pumps, turbines)	4	3	4	1	4	2	11	6	0	6	7	5	7	4	4	4	4	2	6	3	3	4
28	**Máy dệt, máy sản xuất giấy** (Textile and paper machines)	3	4	2	5	0	8	1	12	2	0	1	5	3	7	2	10	0	12	1	16	2	18
29	**Các máy móc chuyên dụng khác** (Other special machines)	22	4	15	5	10	6	8	4	10	6	22	6	17	6	19	4	28	5	27	7	29	25
30	**Các phương pháp và thiết bị nhiệt** (Thermal processes and apparatus)	5	3	2	1	0	6	4	5	3	4	11	5	3	7	8	6	7	0	8	4	12	3
31	**Chi tiết cơ khí** (Mechanical elements)	5	6	6	4	3	8	2	11	2	6	5	3	7	5	1	0	4	3	0	5	2	7
32	**Giao thông vận tải** (Transport)	12	4	9	5	5	7	9	6	5	7	8	4	6	9	12	9	8	9	3	9	8	13
33	**Đồ nội thất, trò chơi** (Furniture, games)	5	3	6	2	15	5	10	14	12	10	13	7	6	1	6	2	6	7	7	7	4	11
34	**Hàng tiêu dùng khác** (Other consumer goods)	18	10	14	13	10	6	6	12	3	10	1	6	9	9	3	5	4	8	6	9	5	7
35	**Kỹ thuật xây dựng dân dụng** (Civil engineering)	23	6	16	7	6	6	10	21	12	10	11	8	22	12	16	7	22	8	21	6	29	10

VN: Người nộp đơn Việt Nam - *Vietnamese applicants*
NN: Người nộp đơn nước ngoài - *foreign applicants*

Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2005 đến năm 2015 theo phân loại công nghệ

Utility solution patents granted to Vietnamese applicants and foreign applicants from 2005 to 2015 by technology classification

STT No	Phạm vi, lĩnh vực (Area, field)	2005		2006		2007		2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015	
		VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	**Máy móc, thiết bị, năng lượng điện** (Electrical machinery, apparatus, energy)	2	2	1	0	0	1	2	2	0	1	0	2	2	2	0	7	0	2	0	2	1	4
2	**Công nghệ nghe-nhìn** (Audio-visual technology)	0	0	1	0	0	0	0	2	0	0	0	1	0	1	0	0	1	0	1	1	1	1
3	**Viễn thông** (Telecommunications)	0	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
4	**Truyền thông kỹ thuật số** (Digital communication)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	**Các phương pháp thông tin căn bản** (Basic communication processes)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
6	**Công nghệ máy tính** (Computer technology)	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	1	0	0	1	2	3
7	**Các phương pháp công nghệ thông tin để quản lý** (IT methods for management)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
8	**Các dụng cụ bán dẫn** (Semiconductors)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	**Quang học** (Optics)	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0
10	**Đo** (Measurement)	1	0	0	1	2	0	0	1	1	0	1	0	1	1	0	1	2	0	1	0	0	1
11	**Phân tích vật liệu sinh học** (Analysis of biological materials)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	**Điều khiển** (Control)	1	0	2	0	0	1	0	1	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	2
13	**Kỹ thuật y học** (Medical technology)	1	0	3	0	0	3	2	1	2	0	0	0	1	0	3	0	1	1	1	0	4	0
14	**Hóa chất hữu cơ tinh khiết** (Organic fine chemistry)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	3	0	3	0	2	0
15	**Công nghệ sinh học** (Biotechnology)	0	0	2	1	2	0	1	0	1	0	3	0	2	0	4	0	8	0	3	0	1	0
16	**Dược phẩm** (Pharmaceuticals)	2	0	0	0	2	0	0	0	5	0	0	0	2	0	1	0	7	0	5	0	5	1

STT No	Phạm vi, lĩnh vực (Area, field)	2005		2006		2007		2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015	
		VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
17	**Hóa học cao phân tử, vật liệu polyme** (Macromolecular chemistry, polymers)	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	2	0	0	0	4	0	1	0	2	0	3	0
18	**Hóa thực phẩm** (Food chemistry)	1	0	4	1	1	0	4	0	1	0	5	0	2	1	2	0	4	1	2	0	6	0
19	**Vật liệu hóa học cơ bản** (Basic materials chemistry)	4	0	2	2	3	3	0	2	1	2	1	1	6	1	7	1	3	4	5	0	9	1
20	**Vật liệu, luyện kim** (Materials, metallurgy)	1	0	3	0	1	0	1	0	7	1	1	0	1	0	1	0	2	0	6	0	5	1
21	**Công nghệ xử lý bề mặt, phủ bề mặt** (Surface technology, coating)	1	2	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	3	3	2	0	4	0
22	**Công nghệ nano và vi cấu trúc** (Micro-structure and nano-technology)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
23	**Kỹ thuật hóa học** (Chemical engineering)	3	1	4	3	5	1	2	3	4	0	1	1	2	2	3	1	5	5	10	0	5	1
24	**Công nghệ môi trường** (Environmental technology)	3	0	4	1	1	0	5	3	1	1	4	0	5	0	1	0	5	1	5	0	6	1
25	**Vận hành, xử lý** (Handling)	3	2	2	7	3	3	0	4	0	1	2	2	4	0	1	4	2	2	1	2	3	4
26	**Máy công cụ** (Machine tools)	1	2	0	0	3	0	1	2	4	2	2	3	1	1	2	2	1	2	1	2	2	2
27	**Động cơ, máy bơm, tuabin** (Engines, pumps, turbines)	1	2	1	1	0	3	3	1	1	1	3	0	0	2	5	0	2	1	0	3	2	1
28	**Máy dệt, máy sản xuất giấy** (Textile and paper machines)	0	0	1	3	3	4	0	2	1	0	0	1	0	5	1	3	1	3	0	0	0	1
29	**Các máy móc chuyên dụng khác** (Other special machines)	8	0	7	3	4	2	3	0	7	0	5	1	5	2	8	2	10	1	10	2	12	0
30	**Các phương pháp và thiết bị nhiệt** (Thermal processes and apparatus)	2	2	1	0	4	0	2	1	0	1	1	1	2	1	4	0	3	3	2	0	2	5
31	**Chi tiết cơ khí** (Mechanical elements)	0	4	0	3	1	1	5	1	0	2	1	3	0	1	2	2	0	3	0	0	1	0
32	**Giao thông vận tải** (Transport)	2	4	2	1	1	5	7	2	3	3	1	4	2	1	4	1	3	0	2	2	4	1
33	**Đồ nội thất, trò chơi** (Furniture, games)	4	3	2	2	4	2	3	0	2	0	0	0	8	1	2	3	4	2	1	1	4	0
34	**Hàng tiêu dùng khác** (Other consumer goods)	6	2	6	1	8	4	2	3	5	4	4	1	1	1	1	1	1	7	2	1	3	2
35	**Kỹ thuật xây dựng dân dụng** (Civil engineering)	4	8	8	0	6	4	8	2	5	2	3	2	3	2	9	2	13	3	6	4	10	2

VN: Người nộp đơn Việt Nam - *Vietnamese applicants*
NN: Người nộp đơn nước ngoài - *foreign applicants*

Mối tương quan giữa tổng sản phẩm trong nước (GDP) với số lượng đơn đăng ký và số lượng bằng độc quyền sáng chế giai đoạn 2001 – 2015

The correlation between GDP and invention applications/patents during 2001 – 2015

Năm Year	**Số lượng đơn đăng ký sáng chế** Number of invetion applications	**Số lượng bằng độc quyền sáng chế** Number of patents	**Tổng sản phẩm trong nước GDP (Nghìn tỷ đồng)** GDP (VND trillion)
2001	1286	783	481
2002	1211	743	536
2003	1150	774	613
2004	1431	698	715
2005	1947	668	914
2006	2166	669	1062
2007	2860	725	1247
2008	3199	666	1616
2009	2890	706	1809
2010	3582	822	2158
2011	3688	985	2780
2012	3959	1025	3245
2013	4169	1262	3584
2014	4447	1368	(Sơ bộ) 3938
2015	5033	1388	(Sơ bộ) 4193

(Nguồn GDP: Trích từ số liệu đăng trên trang web của Tổng cục Thống kê - http://www.gso.gov.vn)
(Source: Statistics on the General Statistics Office's website - http://www.gso.gov.vn)

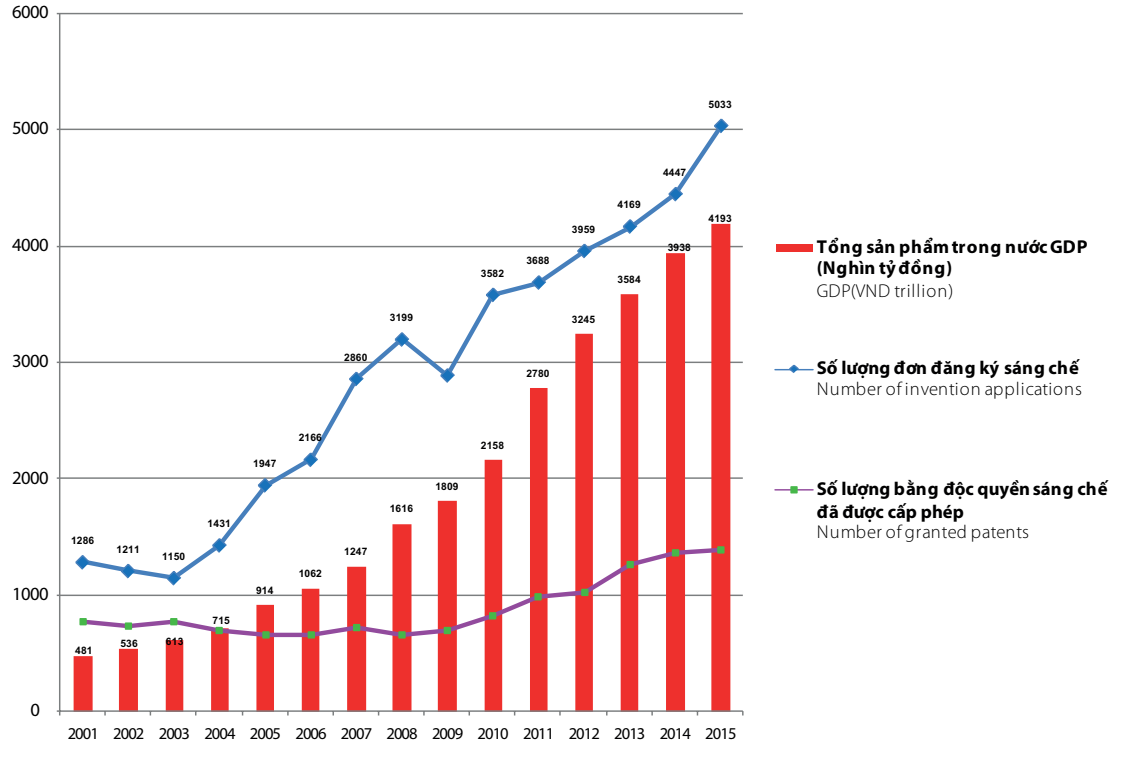

Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp từ năm 1988 đến năm 2015

Industrial design applications filed from 1988 to 2015

Năm Year	**Số lượng đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp** Filed industrial design applications		
	Người nộp đơn Việt Nam by Vietnamese	**Người nộp đơn nước ngoài** by Foreigners	**Tổng số** Total
1988	6		6
1989	52	8	60
1990	194	6	200
1991	420	2	422
1992	674	14	688
1993	896	50	946
1994	643	73	716
1995	1023	108	1131
1996	1516	131	1647
1997	999	157	1156
1998	931	126	1057
1999	899	137	1036
2000	1084	119	1203
2001	810	242	1052
2002	595	235	830
2003	447	233	680
2004	686	286	972
2005	889	446	1335
2006	1105	490	1595
2007	1338	567	1905
2008	1088	648	1736
2009	1430	469	1899
2010	1207	523	1730
2011	1200	661	1861
2012	1349	597	1946
2013	1366	763	2129
2014	1594	717	2311
2015	1607	838	2445
Tổng số Total	**26048**	**8646**	**34694**

Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp từ năm 1989 đến năm 2015

Industrial design patents granted from 1989 to 2015

Năm Year	**Số lượng bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp** Granted industrial design patents		
	Người nộp đơn Việt Nam to Vietnamese	**Người nộp đơn nước ngoài** to Foreigners	**Tổng số** Total
1989	14		14
1990	91	9	100
1991	219	5	224
1992	433	6	439
1993	528	21	549
1994	524	27	551
1995	626	85	711
1996	798	68	866
1997	261	62	323
1998	728	94	822
1999	841	94	935
2000	526	119	645
2001	333	43	376
2002	368	9	377
2003	359	109	468
2004	412	235	647
2005	508	218	726
2006	678	497	1175
2007	896	474	1370
2008	908	429	1337
2009	747	489	1236
2010	832	320	1152
2011	807	338	1145
2012	681	440	1121
2013	852	510	1362
2014	984	650	1634
2015	841	545	1386
Tổng số Total	**15795**	**5896**	**21691**

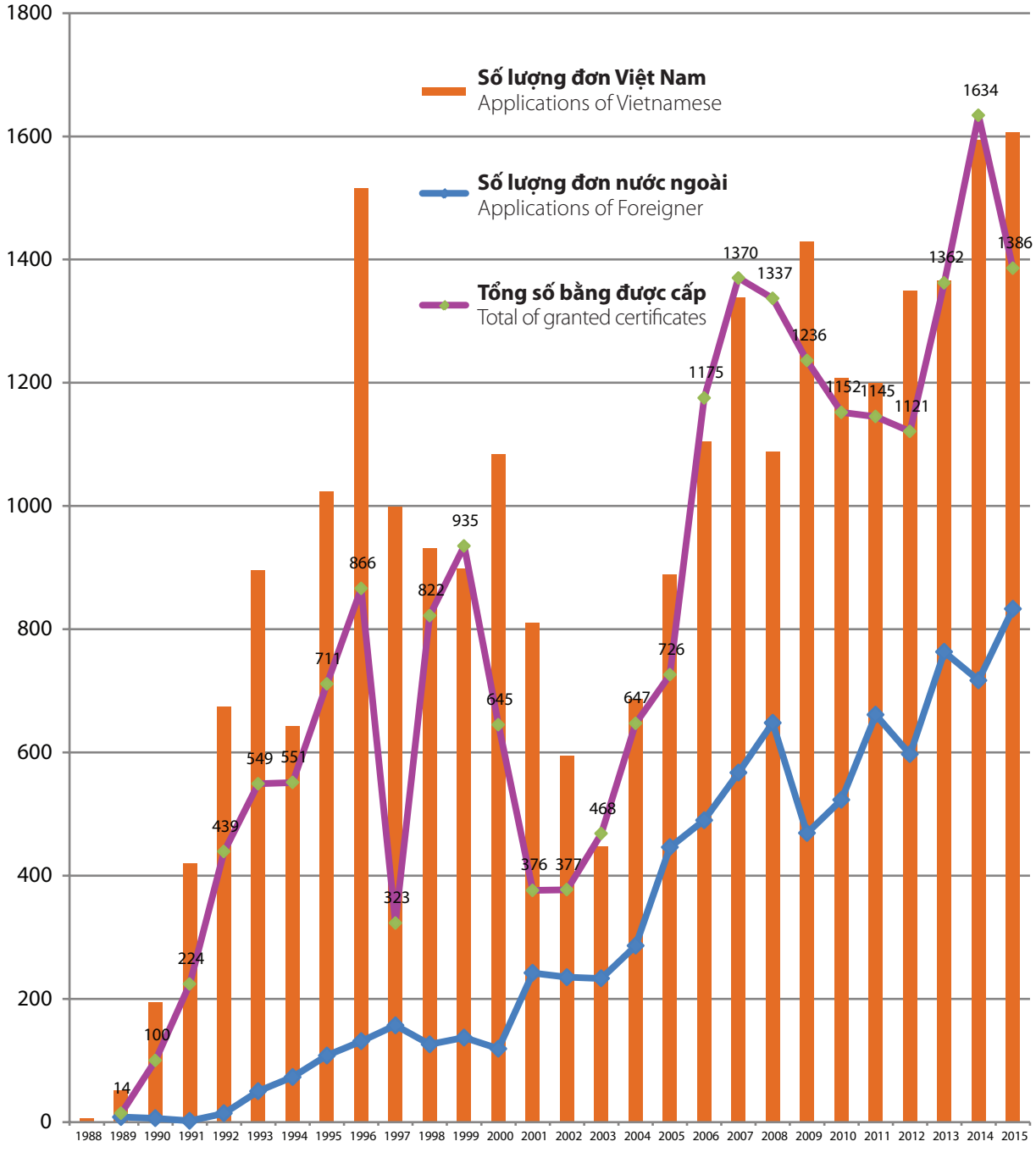

Số lượng đơn đăng ký và bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp từ năm 1988 đến năm 2015
Industrial design applications and granted industrial design patents from 1988 to 2015

Đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia đã nộp từ năm 1982 đến năm 2015

National trademark applications filed from 1982 to 2015

Năm Year	Số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia đã nộp Filed national trademark applications		
	Người nộp đơn Việt Nam by Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by Foreigners	Tổng số Total
1982-1988	461	773	1234
1989	255	232	487
1990	890	592	1482
1991	1747	613	2360
1992	1595	3022	4617
1993	2270	3866	6136
1994	1419	2712	4131
1995	2217	3416	5633
1996	2323	3118	5441
1997	1645	3165	4810
1998	1614	2028	3642
1999	2380	1786	4166
2000	3483	2399	5882
2001	3095	3250	6345
2002	6560	2258	8818
2003	8599	3536	12135
2004	10641	4275	14916
2005	12884	5134	18018
2006	16071	6987	23058
2007	19653	7457	27110
2008	20831	6882	27713
2009	22378	6299	28677
2010	21204	6719	27923
2011	22402	5835	28237
2012	22838	6740	29578
2013	24656	6528	31184
2014	26587	6477	33064
2015	30476	6807	37283
Tổng số Total	**291174**	**112906**	**404081**

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp từ năm 1982 đến năm 2015

Trademark certificates granted from 1982 to 2015

Năm Year	Số lượng giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp Granted trademark certificates		
	Người nộp đơn Việt Nam to Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài to Foreigners	Tổng số Total
1982-1989	380	1170	1550
1990	423	265	688
1991	1525	388	1913
1992	1487	1821	3308
1993	1395	2137	3532
1994	1744	2342	4086
1995	1627	2965	4592
1996	1383	2548	3931
1997	980	1506	2486
1998	1095	2016	3111
1999	1299	2499	3798
2000	1423	1453	2876
2001	2085	1554	3639
2002	3386	1814	5200
2003	4907	2243	7150
2004	5444	2156	7600
2005	6427	3333	9760
2006	6335	2505	8840
2007	10660	5200	15860
2008	15826	7464	23290
2009	16231	6499	22730
2010	12313	4207	16520
2011	15502	5938	21440
2012	14976	5066	20042
2013	14503	5156	19659
2014	15378	5201	20579
2015	14207	4133	18340
Tổng số Total	**172943**	**83580**	**256523**

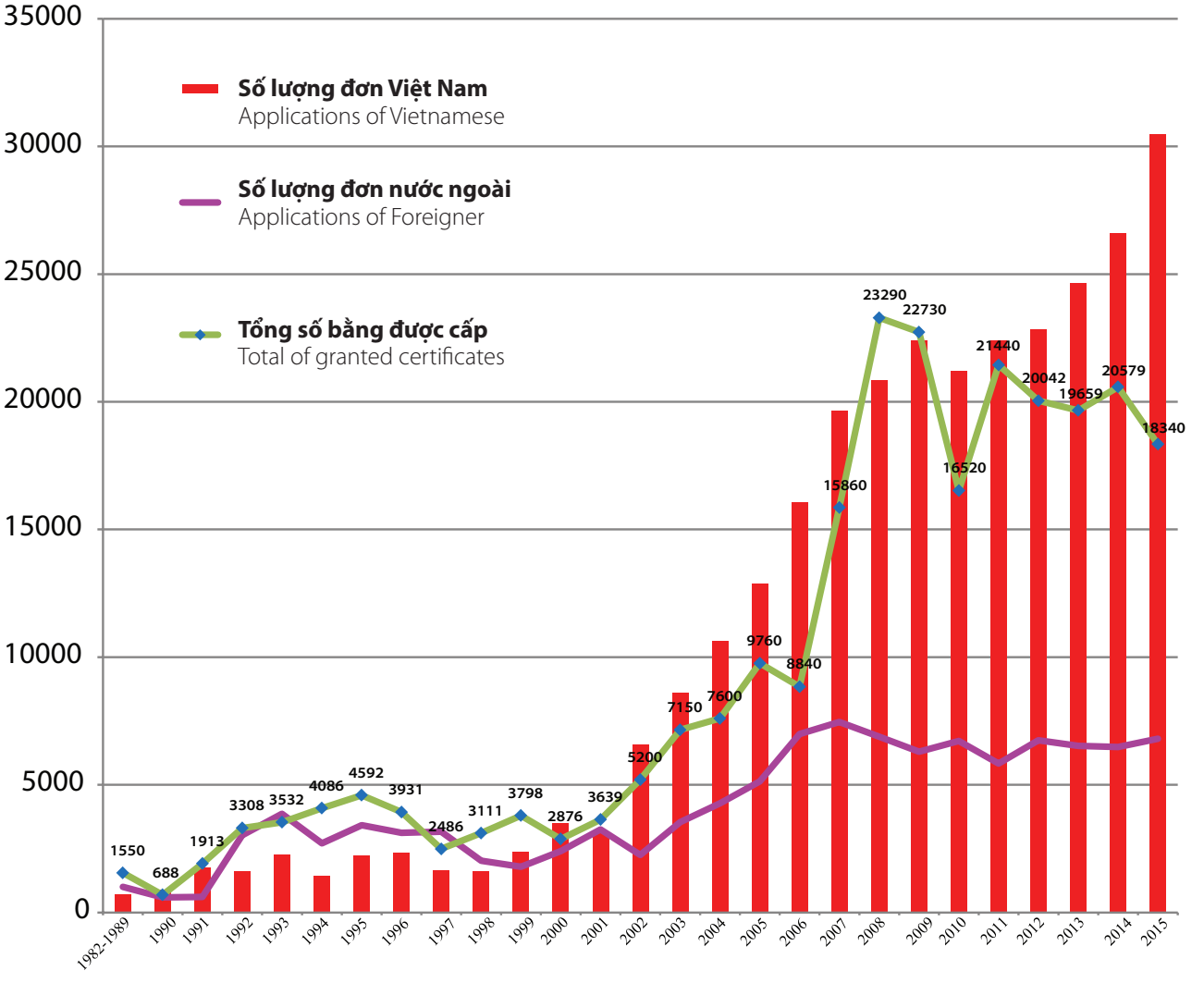

Số lượng đơn đăng ký và giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu từ năm 1982 đến năm 2015
Trademark applications and granted trademark certificates from 1982 to 2015

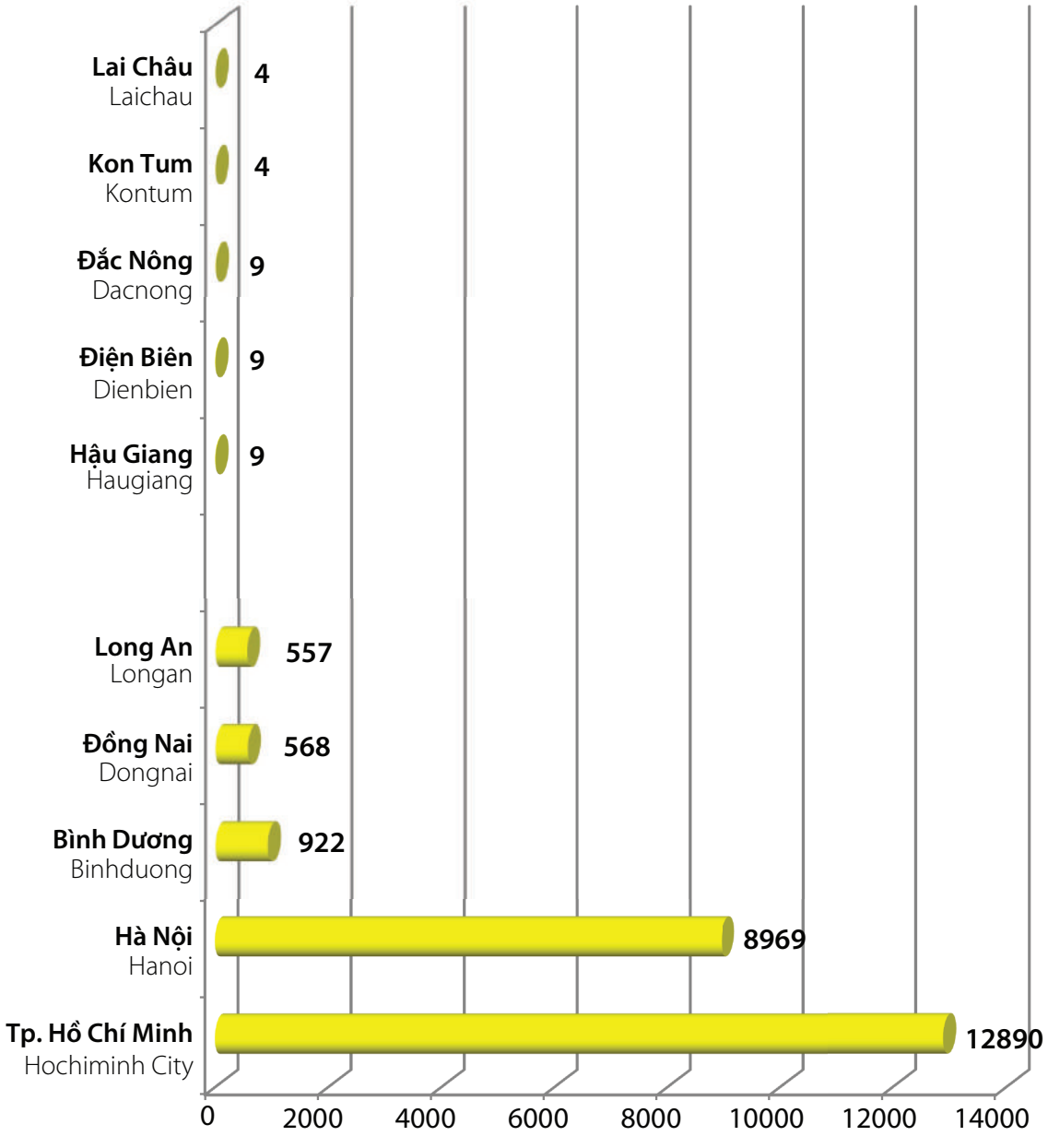

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu nộp nhiều nhất và ít nhất trong năm 2015

Five top and five bottom trademark applications by Vietnam's provinces/city in 2015

Đơn đăng ký nhãn hiệu theo nước xuất xứ (bao gồm đơn nộp trực tiếp cho Cục Sở hữu trí tuệ và đơn nộp thông qua Văn phòng quốc tế của WIPO), từ năm 2005 đến năm 2015

Năm / Year	2005		2006		2007		2008		2009
Nước/Vùng lãnh thổ Country/Territory of origin	**Đơn nộp trực tiếp** Direct applications	**Đơn nộp gián tiếp** Indirect applications	**Đơn nộp trực tiếp** Direct applications	**Đơn nộp gián tiếp** Indirect applications	**Đơn nộp trực tiếp** Direct applications	**Đơn nộp gián tiếp** Indirect applications	**Đơn nộp trực tiếp** Direct applications	**Đơn nộp gián tiếp** Indirect applications	**Đơn nộp trực tiếp** Direct applications
Áo (AT) Austria		34		52	4	36	2	17	1
Ôxtrâylia (AU) Australia	64		10	10	118	64	70	88	74
Canađa (CA) Canada	43		5		65		90	81	99
Thụy Sỹ (CH) Switzerland	41	268	270	424	77	446	94	295	116
Trung Quốc (CN) China	182	339	2	392	355	393	337	491	309
CH Séc (CZ) Czech Republic	1	3		25	22	26	21	20	3
CHLB Đức (DE) Germany	42	415	58	568	64	656	65	299	43
Đan Mạch (DK) Denmark	28	4		22	13	33	4	25	8
Tây Ban Nha (ES) Spain	7	57		67	12	95	4	27	3
Pháp (FR) France	118	361		463	142	506	143	359	91
Anh (GB) Great Britain	191	4	12	19	179	106	165	188	101
Ấn Độ (IN) India	604				906		993	764	858
Italia (IT) Italy	40	174	2	336	51	400	25	123	52
Nhật Bản (JP) Japan	462	30	361	38	490	129	615	649	508
Hàn Quốc (KR) Republic of Korea	597	6	31	6	1247		1045	851	1083
Malaixia (MY) Malaysia	147		1		195		192	161	238
Hà Lan (NL) Netherlands	106	89	89		150		94	135	110
Thụy Điển (SE) Sweden	20			5	13	20	11	19	11
Singapo (SG) Singapore	331	4		8	388	45	430	417	286
LB Nga (RU) Russian Federation	2	24	5	68	31	104	19	47	14
Thái Lan (TH) Thailand	225				307		241	209	241
Mỹ (US) The United States of America	1127	6	1268				1112	1156	954
Việt Nam (VN) Vietnam	12884		16071		19653		20930		22378
Các nước khác Other countries/ territories	17	1818		17					1096

Trademark applications by country of origin (including applications directly filed with NOIP and through WIPO International Bureau) from 2005 to 2015

2009	2010		2011		2012		2013		2014		2015	
Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	**Đơn nộp trực tiếp** Direct applications	**Đơn nộp gián tiếp** Indirect applications	**Đơn nộp trực tiếp** Direct applications	**Đơn nộp gián tiếp** Indirect applications	**Đơn nộp trực tiếp** Direct applications	**Đơn nộp gián tiếp** Indirect applications	**Đơn nộp trực tiếp** Direct applications	**Đơn nộp gián tiếp** Indirect applications	**Đơn nộp trực tiếp** Direct applications	**Đơn nộp gián tiếp** Indirect applications	**Đơn nộp trực tiếp** Direct applications	**Đơn nộp gián tiếp** Indirect applications
24	1	28		58	4	35	0	23	1	31	5	28
69	84	61	71	95	63	65	100	134	76	88	86	219
	51		108	3	47	0	52	0	90	0	74	0
324	76	299	105	408	119	296	107	393	114	267	86	374
369	323	457	312	637	408	442	486	693	464	440	599	569
12	4	15	4	37	1	10	6	19	1	14	3	21
350	54	323	53	700	79	301	89	347	72	398	65	417
19	13	25	6	53	8	38	6	45	13	34	6	56
37	18	47	24	104	29	65	17	28	27	37	26	78
320	120	369	79	554	129	397	146	388	131	365	152	464
101	159	61	136	208	163	120	164	144	154	127	133	231
	870		362		453	0	252	5	310	29	284	19
128	63	161	41	337	37	194	42	189	47	180	30	232
182	622	227	720	381	937	363	955	466	910	385	742	581
47	1071	72	517	124	537	112	640	90	694	91	854	245
	174		180	3	223	0	213	0	188	0	158	0
	110		97	120	94	0	112	0	119	0	149	0
13	13	12	8	43	17	18	17	12	33	20	21	15
75	379	56	268	127	327	60	283	60	249	57	295	158
60	12	57	7	109	8	98	12	120	12	90	15	128
	188		218	1	286	0	392	0	519	0	431	0
253	1235	344	1386	585	1692	490	1222	695	1175	538	1258	942
	21204		22402		22838		24656		26587		30476	
544	1179	1622	1133	570	1079	942	1215	910	1078	1023	1322	1596

Đơn đăng ký nhãn hiệu nộp trực tiếp cho Cục Sở hữu trí tuệ theo nhóm hàng hóa/dịch vụ từ năm 2000 đến năm 2015

Nhóm hàng hoá/ dịch vụ Class of goods/ services	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
1	194	177	273	343	356	397	485	706	742	804	744	907	1058	955	1178	1276
2	77	138	251	216	321	405	351	465	382	486	365	521	507	604	697	625
3	410	453	536	807	836	921	1078	1301	1320	1523	1634	1654	1988	2145	2436	2916
4	61	51	66	60	87	108	100	182	200	184	228	276	244	293	307	357
5	1166	1415	1629	2928	4169	5756	7759	9157	10119	9601	8302	6934	7177	6944	7333	6317
6	146	145	202	230	346	353	440	558	586	602	758	787	883	810	856	946
7	155	216	300	353	452	479	565	1	650	693	792	886	927	965	953	1102
8	67	46	41	59	103	79	106	166	154	172	178	201	236	275	281	307
9	528	461	617	815	1060	1193	1457	1797	1702	1645	1663	1857	1839	1956	2054	2274
10	62	89	88	92	126	142	174	233	218	251	242	315	363	435	430	426
11	188	227	390	417	587	664	775	829	810	1040	1012	1162	1096	1280	1284	1601
12	482	385	409	347	584	650	746	817	673	553	510	529	647	706	712	805
13	13	0	3	4	7	2	13	15	11	20	17	24	34	14	21	27
14	65	37	61	86	112	131	236	223	268	212	266	293	359	345	537	444
15	8	1	8	5	20	12	7	20	14	22	23	24	53	32	41	38
16	235	265	293	429	435	452	645	733	748	775	836	860	871	930	977	963
17	76	73	65	81	101	126	183	206	184	195	244	250	268	301	290	348
18	84	62	101	166	175	266	332	397	405	379	378	528	537	591	552	748
19	81	147	345	418	415	565	572	676	741	762	821	868	791	681	753	899
20	74	70	154	266	312	333	453	515	537	591	601	658	699	645	643	757
21	143	125	192	241	242	279	329	363	341	424	431	462	578	619	563	689
22	21	8	12	28	33	37	30	46	49	49	73	141	87	88	116	108

Trademark applications directly filed with NOIP by class of goods/services from 2000 to 2015

Nhóm hàng hoá/ dịch vụ Class of goods/ services	**2000**	**2001**	**2002**	**2003**	**2004**	**2005**	**2006**	**2007**	**2008**	**2009**	**2010**	**2011**	**2012**	**2013**	**2014**	**2015**
23	35	8	14	32	37	31	41	46	37	42	33	64	71	61	65	71
24	73	34	65	145	131	155	199	222	218	295	270	353	417	340	381	420
25	341	350	412	671	697	895	1094	1269	1223	1304	1427	1575	1800	1955	2020	2430
26	59	11	14	18	39	58	67	75	91	71	86	106	124	130	91	139
27	10	7	8	8	30	24	27	38	33	58	44	76	83	77	85	85
28	90	80	62	129	158	192	231	203	270	229	314	357	437	394	489	450
29	211	335	528	557	622	650	1013	1047	878	1061	1092	1156	1419	1648	1688	2132
30	579	627	921	1029	1263	1504	1536	1698	1446	1874	1759	1973	2337	2760	2759	3262
31	110	162	311	366	514	370	381	428	441	475	486	645	648	837	895	1005
32	212	255	320	446	590	714	772	847	775	803	816	834	849	984	969	1091
33	84	54	135	134	256	252	321	387	471	411	413	424	569	625	477	602
34	120	127	137	120	147	118	128	158	168	108	106	154	185	205	312	398
35	551	623	1079	1653	2035	2262	3085	3945	4292	4595	4940	5530	5377	5698	6225	8271
36	149	98	158	276	308	393	781	1391	1317	1163	1326	1428	956	894	791	1084
37	136	123	216	396	462	507	768	1128	1254	1138	1538	1544	1211	979	921	1181
38	154	58	73	67	91	163	248	356	417	332	327	437	470	323	310	395
39	129	139	182	280	386	502	623	975	979	934	1109	1271	1146	921	1054	1172
40	24	27	47	152	167	227	309	397	404	468	511	532	628	484	504	477
41	134	108	187	295	407	572	832	1187	1353		1398	1600	1580	1651	1655	1892
42	438	347	259	327	448	570	753	983	1089		1110	1216	1211	973	973	1182
43			191	290	468	609	893	1307	1281		1467	1662	1768	1925	2217	2623
44			73	99	135	212	334	449	476		567	690	714	797	806	979
45			8	16	42	49	85	221	278		261	306	352	321	317	382

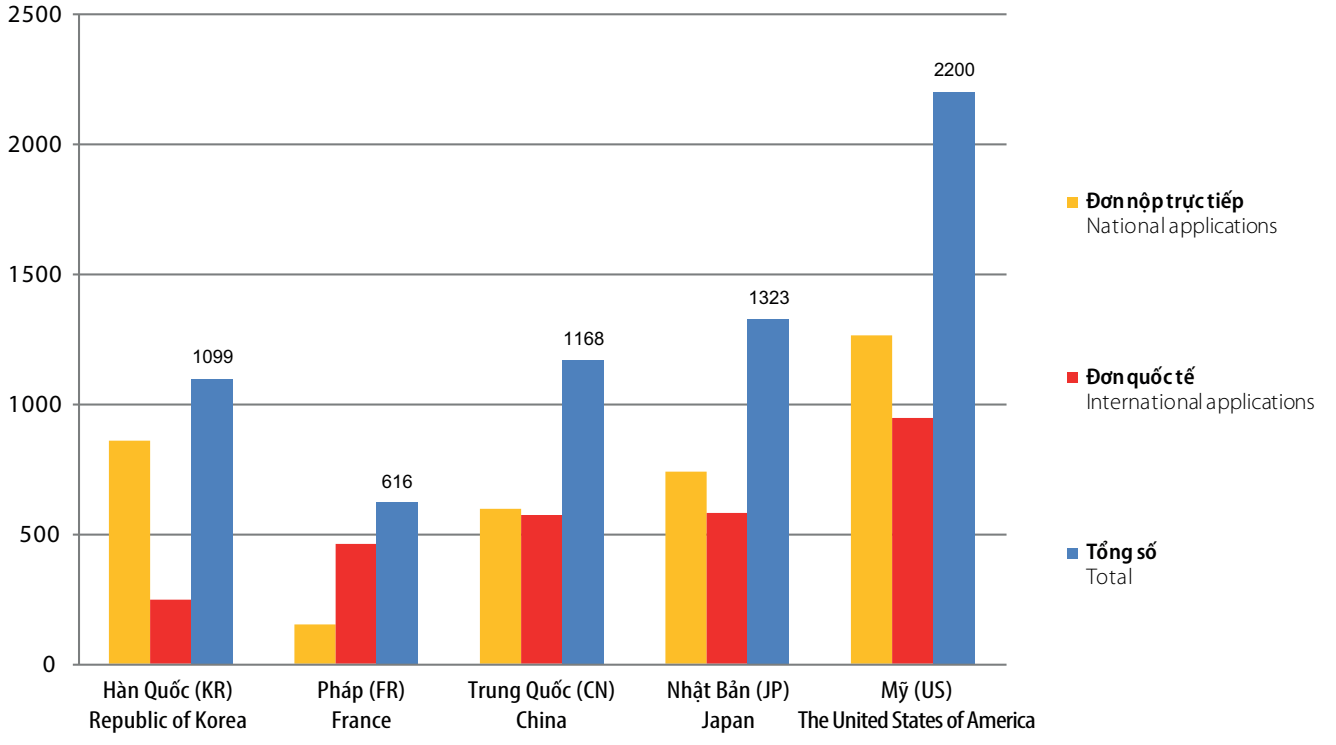

Đơn đăng ký nhãn hiệu của những nước ngoài có đơn nộp nhiều nhất năm 2015
Trademark applications by top foreign countries in 2015

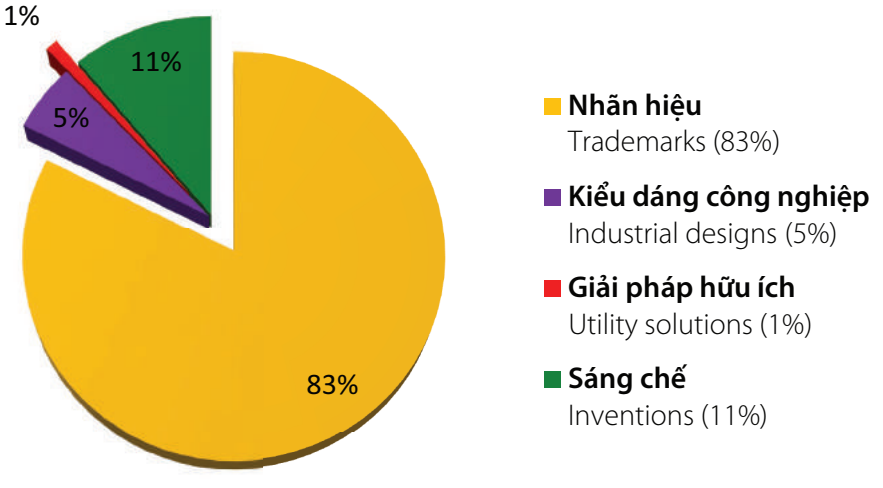

Tỷ lệ các loại đơn đăng ký sở hữu công nghiệp nộp trực tiếp năm 2015
Direct applications broken down by subject matters in 2015

Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý nộp vào Cục Sở hữu trí tuệ và giấy chứng nhận đã cấp từ năm 2001 đến năm 2015

Geographical indication applications filed with NOIP and certificates granted from 2001 to 2015

Năm Year	**Người Việt Nam** by Vietnamese		**Người nước ngoài** by Foreigners		**Tổng số** Total	
	Đơn Applications	**Giấy chứng nhận** Certificates	**Đơn** Applications	**Giấy chứng nhận** Certificates	**Đơn** Applications	**Giấy chứng nhận** Certificates
2001	2	2	1		3	2
2002	2			1	2	1
2003	12				12	
2004	3				3	
2005	2	1			2	1
2006	4	2	1		5	2
2007	3	6	1	1	4	7
2008	7	2	1		8	2
2009	6	2			6	2
2010	7	6		1	7	7
2011	4	5	1	0	5	5
2012	7	5			7	5
2013	3	6	1	0	4	6
2014	2	5	0	1	2	6
2015	4	1	3	0	7	1
Tổng số Total	**68**	**33**	**9**	**4**	**77**	**47**

Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo chủ thể

Licensing contracts by holders

Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN Number of requests for registration of licensing contracts					Số lượng hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN đã được đăng ký Number of registered licensing contracts			
Các bên ký kết / Contracting party Năm / Year	VN-VN Vietnamese-Vietnamese	VN-NN Vietnamese-Foreigner	NN-NN Foreigner-Foreigner	Tổng số Total	VN-VN Vietnamese-Vietnamese	VN-NN Vietnamese-Foreigner	NN-NN Foreigner-Foreigner	Tổng số Total
2000	16 (18)	57 (208)	07 (31)	80 (257)	11 (14)	60 (159)	09 (32)	80 (205)
2001	11 (15)	62 (267)	11 (45)	84 (327)	15 (22)	52 (200)	12 (36)	79 (258)
2002	40 (48)	82 (312)	17 (42)	139 (402)	32 (40)	80 (335)	20 (60)	132 (435)
2003	84 (114)	75 (247)	9 (14)	167 (375)	34 (45)	60 (232)	5 (5)	99 (272)
2004	160 (215)	62 (160)	20 (92)	242 (467)	157 (222)	66 (139)	15 (84)	238 (445)
2005				177				353
2006	77 (133)	60 (211)	9 (109)	146 (453)	77 (141)	55 (373)	4 (5)	135 (519)
2007	61 (87)	65 (268)	27 (867)	153 (1222)	53 (72)	70 (300)	12 (818)	135 (1190)
2008	132 (267)	77 (441)	20 (45)	230 (723)	132 (260)	76 (477)	33 (103)	241 (840)
2009	66 (96)	59 (255)	27 (144)	152 (495)	74 (98)	65 (387)	24 (146)	163 (622)
2010	69 (169)	66 (475)	19 (99)	154 (743)	69 (147)	60 (399)	16 (71)	145 (617)
2011	84 (102)	56 (205)	30 (193)	170 (500)	64 (73)	54 (281)	25 (156)	143 (510)
2012	136 (309)	60 (320)	16 (148)	212 (777)	89 (198)	45 (169)	8 (208)	142 (575)
2013	90 (146)	93 (369)	21 (122)	204 (637)	109 (152)	46 (144)	9 (45)	164 (341)
2014	110 (257)	73 (455)	24 (104)	206 (816)	90 (188)	104 (461)	22 (166)	216 (815)
2015	135 (315)	92 (714)	28 (400)	255 (1429)	95 (251)	85 (612)	23 (106)	203 (969)

VN-VN : Chuyển giao giữa người Việt Nam - người Việt Nam
VN-NN : Chuyển giao giữa người Việt Nam - người nước ngoài
NN-NN : Chuyển giao giữa người nước ngoài - người nước ngoài
(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển giao quyền sử dụng)

VN-VN: Licensing contract between the Vietnamese and the Vietnamese
VN-NN: Licensing contract between the Vietnamese and the foreigner
NN-NN: Licensing contract between the foreigner and the foreigner
(Figures in blanket are the numbers of licensed subject matters)

Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng

Licensing contracts by subject matters

Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng SHCN Number of requests for registration of licensing contracts by subject matters					**Số lượng hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng đã được đăng ký** Number of registered licensing contracts by subject matters			
Các đối tượng Subject matters / **Năm** Year	**NH** Trademark	**KDCN** Industrial design	**SC/GPHI** Invention/ Utility solution	**Tổng số** Total	**NH** Trademark	**KDCN** Industrial design	**SC/GPHI** Invention/ Utility solution	**Tổng số** Total
2000	82 (254)	1 (2)	0	83 (256)	79 (258)	1 (2)	1 (1)	81 (261)
2001	84 (318)	2 (8)	0	85 (326)	75 (249)	3 (12)	0	78 (261)
2002	133 (382)	4 (10)	2 (10)	139 (402)	123 (426)	1 (4)	3 (10)	127 (567)
2003	163 (371)	3 (3)	1 (1)	167 (375)	86 (259)	4 (8)	0	90 (267)
2004	232 (442)	9 (15)	1 (10)	242 (467)	227 (429)	6 (11)	1 (10)	234 (450)
2005	135 (605)	5 (7)	2 (2)	142 (614)	169 (584)	8 (10)	1 (1)	178 (595)
2006	142 (444)	4 (9)	0	146 (453)	134 (516)	2 (3)	0	136 (519)
2007	150 (1219)	3 (3)	0	153 (1222)	129 (1179)	6 (11)	0	135 (1190)
2008	221 (642)	5 (51)	3 (16)	229 (709)	237 (830)	2 (8)	3 (16)	242 (854)
2009	160 (619)	0 (0)	3 (3)	163 (622)	150 (493)	0 (0)	2 (2)	152 (495)
2010	149 (735)	2 (4)	3 (4)	154 (743)	140 (607)	3 (7)	2 (3)	145 (617)
2011	165 (495)	0 (0)	5 (5)	170 (500)	138 (504)	1 (2)	4 (4)	143 (510)
2012	210 (775)	1 (1)	1 (1)	212 (777)	139 (573)	1 (1)	1 (1)	142 (575)
2013	195 (608)	1 (1)	8 (28)	204 (637)	159 (336)	1 (1)	4 (4)	164 (341)
2014	201 (808)	3 (4)	2 (4)	206 (816)	210 (796)	1 (1)	5 (18)	216 (815)
2015	249 (1414)	5 (14)	1 (1)	255 (1429)	194 (934)	6 (27)	3 (8)	203 (969)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển giao quyền sử dụng)
(Figures in blanket are the numbers of licensed subject matters)

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu theo chủ thể

Assignment contracts by holders

Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN Number of requests for registration of assignment contracts					**Số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN đã được đăng ký** Number of registered assignment contracts			
Các bên ký kết Contracting party / **Năm** Year	**VN-VN** Vietnamese-Vietnamese	**VN-NN** Vietnamese-Foreigner	**NN-NN** Foreigner-Foreigner	**Tổng số** Total	**VN-VN** Vietnamese-Vietnamese	**VN-NN** Vietnamese-Foreigner	**NN-NN** Foreigner-Foreigner	**Tổng số** Total
2006	97 (189)	12 (42)	114 (308)	223 (539)	37 (84)	7 (15)	34 (107)	78 (206)
2007	287 (826)	29 (87)	208 (522)	524 (1435)	237 (670)	18 (38)	199 (461)	454 (1169)
2008	315 (751)	27 (52)	229 (574)	571 (1377)	270 (609)	36 (111)	232 (589)	538 (1309)
2009	370 (866)	50 (185)	288 (752)	708 (1803)	604 (1714)	24 (44)	20 (43)	648 (1801)
2010	369 (790)	67 (169)	214 (590)	650 (1549)	304 (696)	69 (214)	203 (505)	576 (1415)
2011	456 (958)	29 (141)	225 (848)	710 (1947)	325 (693)	37 (153)	179 (820)	541 (1666)
2012	477 (1156)	57 (288)	258 (899)	792 (2343)	357 (700)	31 (87)	206 (908)	594 (1695)
2013	513 (1214)	57 (169)	294 (690)	864 (2073)	423 (912)	60 (189)	220 (558)	703 (1659)
2014	540 (1123)	48 (172)	348 (806)	935 (2101)	456 (1116)	53 (303)	334 (802)	843 (2221)
2015	648 (1723)	51 (110)	352 (903)	1051 (2736)	492 (1413)	49 (174)	307 (827)	848 (2414)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển nhượng quyền sở hữu)
(Figures in blanket are the numbers of assigned subject matters)

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu theo đối tượng

Assignment contracts by subject matters

Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN Number of requests for registration of assignment contracts					**Số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN đã được đăng ký** Number of registered assignment contracts			
Các bên ký kết Contracting / **Năm** Year	**NH** Trademark	**KDCN** Industrial design	**SC/GPHI** Invention/ Utility solution	**Tổng số** Total	**NH** Trademark	**KDCN** Industrial design	**SC/GPHI** Invention/ Utility solution	**Tổng số** Total
2006	210 (518)	3 (3)	10 (18)	223 (539)	358 (757)	8 (10)	17 (24)	383 (791)
2007	493 (1329)	16 (90)	15 (16)	524 (1435)	423 (1089)	9 (55)	22 (25)	454 (1169)
2008	524 (1300)	16 (21)	31 (56)	571 (1377)	495 (1212)	15 (44)	28 (53)	538 (1309)
2009	602 (1813)	23 (46)	23 (50)	648 (1909)	604 (1714)	24 (44)	20 (43)	648 (1801)
2010	600 (1467)	22 (39)	28 (43)	649 (1549)	532 (1336)	19 (37)	25 (42)	576 (1415)
2011	656 (1817)	25 (78)	29 (52)	710 (1947)	502 (1587)	21 (56)	18 (23)	541 (1666)
2012	734 (2209)	15 (53)	43 (81)	792 (2343)	550 (1609)	16 (35)	28 (51)	594 (1695)
2013	784 (1943)	22 (45)	58 (85)	864 (2073)	639 (1500)	22 (82)	42 (77)	703 (1659)
2014	859 (1965)	17 (42)	59 (94)	935 (2101)	766 (2093)	10 (26)	67 (102)	843 (2221)
2015	972 (2565)	24 (48)	55 (123)	1051 (2736)	781(2270)	22 (47)	45 (97)	848 (2414)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển nhượng quyền sở hữu)
(Figures in bracket are the numbers of assigned subject matters)

Đơn khiếu nại về việc cấp Văn bằng bảo hộ (*)

Appeals against granting of protection titles (*)

Đối tượng SHCN / IP subject matter \ Năm / Year	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
SC và GPHI Invention and Utility solution	1			4	2		11	7	10	15	16	22	43	36	47	48
KDCN Industrial design	4	7	68	46	32	7	12	10	3	13	11	11	22	17	23	19
NH Trademark	327	341	564	376	395	428	367	363	409	882	884	1172	1288	1311	1292	1261
Tổng số Total	**332**	**348**	**632**	**426**	**429**	**435**	**390**	**380**	**422**	**910**	**911**	**1205**	**1353**	**1364**	**1362**	**1328**

(*) Chỉ tính số liệu đơn khiếu nại nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ
The number of requests filed with NOIP only

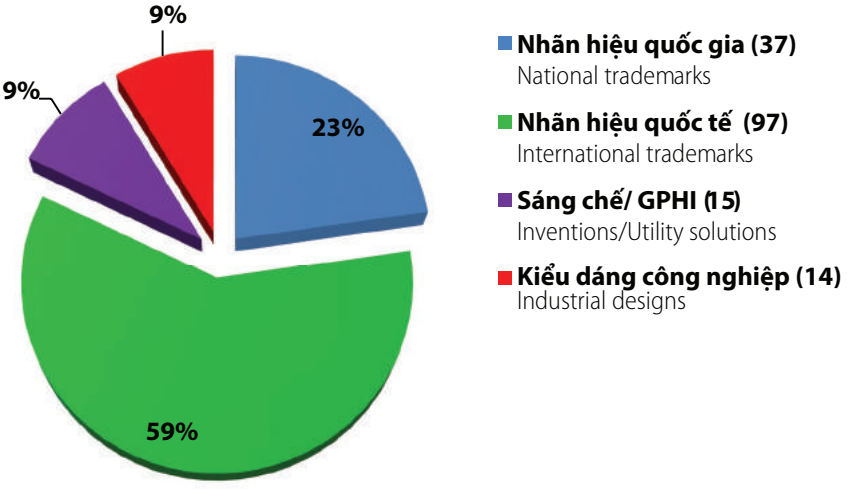

Tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại năm 2015
Appeal requests settled in 2015 by subject matters

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng biên tập
PHẠM NGỌC KHÔI

Biên tập và sửa bản in: Nguyễn Kim Dung
Thiết kế bìa: Bùi Thị Lan

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
70 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: P. KH-TH: 04 3942 3172; TT. Phát hành: 04 3822 0686;
Ban Biên tập: 04 3942 1132 – 04 3942 3171
Fax: 04 3822 0658 - Website: http://www.nxbkhkt.com.vn
Email: nxbkhkt@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
28 Đồng Khởi – Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh. ĐT: 08 3822 5062

In 1.000 bản, khổ 20,5 x 29,5 cm tại Xí nghiệp in Nhà xuất bản Văn hóa - Dân tộc.
Địa chỉ: 128C/22 Đại La, Hà Nội.
Số đăng ký xuất bản 1164-2016/CXBIPH/2-43/KHKT.
Số quyết định xuất bản 32/QĐXB-NXBKHKT ngày 25 tháng 4 năm 2016.
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2016. ISBN: 978-604-67-0705-9.

noip vietnam

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
NATIONAL OFFICE OF INTELLECTUAL PROPERTY OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015
HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ
INTELLECTUAL PROPERTY ACTIVITIES ANNUAL REPORT

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (NOIP)
384-386 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: (04) 3858 3069, (04) 3858 3425, (04) 3858 3793, (04) 3858 5156
Fax: (04) 3858 8449, (04) 3858 4002
Website: http://www.noip.gov.vn

NATIONAL OFFICE OF INTELLECTUAL PROPERTY OF VIETNAM
384-386 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist.,
Ha Noi City, Viet Nam
Tel: (+844) 3858 3069, (+844) 3858 3425, (+844) 3858 3793, (+844) 3858 5156
Fax: (+844) 3858 8449, (+844) 3858 4002
Website: http://www.noip.gov.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Lầu 7, tòa nhà Hà Phan, số 17 - 19
Tôn Thất Tùng, phường Phạm Ngũ Lão,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (08) 3920 8483, (08) 3920 8485
Fax: (08) 3920 8486

THE NOIP'S BRANCH OFFICE IN HO CHI MINH CITY
7 floor, Ha Phan bulding, No.17 - 19
Ton That Tung Str., Pham Ngu Lao Ward, 1 Dist., Ho Chi Minh city, Viet Nam
Tel: (+848) 3920 8483, (+848) 3920 8485
Fax: (+848) 3920 8486

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
26 đường Nguyễn Chí Thanh,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: (0511) 388 9955
Fax: (0511) 388 9977

THE NOIP'S BRANCH OFFICE IN DA NANG CITY
26 Nguyen Chi Thanh Str., Da Nang City,
Viet Nam
Tel: (+84511) 388 9955
Fax: (+84511) 388 9977

216024H00
978-604-67-0705-9

SÁCH KHÔNG BÁN